

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch trong những năm gần đây có những bước phát triển mạnh mẽ, là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Không chỉ là nguồn thu ngoại tệ quan trọng, du lịch còn tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp trong xã hội. Ngoài ra, du lịch phát triển còn thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác cùng phát triển tạo nên một diện mạo mới cho nền kinh tế Việt Nam.

Thành phố Hải Phòng là thành phố mang đậm dấu ấn kiến trúc thuộc địa của Pháp. Hiện nay, Hải Phòng còn lưu giữ được nhiều khu phố với kiến trúc khá nguyên vẹn từ thời Pháp thuộc. Cùng với những di tích lịch sử và danh thắng khác trên đất Hải Phòng, các công trình kiến trúc Pháp chính là một nguồn tài nguyên du lịch độc đáo, đầy tiềm năng, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành du lịch Hải Phòng.

Nhưng trên thực tế trong những năm qua, việc khai thác những tài nguyên này phục vụ cho du lịch của thành phố chưa được chú trọng và quan tâm đầu tư đúng mức. Hoặc có một số công trình đã được đưa vào khai thác trong du lịch, nhưng không phải dưới tư cách những công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn giao lưu và ảnh hưởng của văn hóa Pháp, mà dưới vai trò hoàn toàn khác như Nhà hát lớn, Nhà Bảo tàng thành phố... Đồng thời hoạt động du lịch tại các điểm đến này còn diễn ra một cách tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể đồng bộ, cũng như chưa có sự quản lý một cách chặt chẽ các nguồn tài nguyên từ phía cấp chính quyền địa phương, đã gây ra những lãng phí lớn về nguồn tài nguyên. Hơn thế nữa, những lợi ích về kinh tế do du lịch mang lại chưa tương xứng với tiềm năng, cụ thể đó là sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương còn rất hạn chế.

Chính vì những lý do trên, người viết đã quyết định lựa chọn đề tài “Tìm hiểu các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng và đề xuất một số giải pháp khai thác phục

vụ phát triển du lịch” làm hướng nghiên cứu chính cho công trình nghiên cứu khoa học đầu tay của mình.

2. Mục đích của đề tài:

1. Tìm hiểu về lịch sử ra đời và đặc trưng của các công trình kiến trúc Pháp trong nội thành thành phố Hải Phòng.
2. Thực trạng khai thác các công trình đó trong hoạt động du lịch những năm gần đây.
3. Đề ra một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các công trình này phục vụ cho hoạt động du lịch tại Hải Phòng một cách bền vững .

3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Có rất nhiều công trình tìm hiểu về Kiến trúc Pháp ở Việt Nam nói chung như:

- Hữu Ngọc. 2009. Kiến trúc Pháp ở Hà Nội.
- Đặng Thái Hoàng. 1999. Kiến trúc Hà Nội thế kỉ XIX- XX. NXB Hà Nội.
- Tôn Thất Đại. 1988. Các xu hướng kiến trúc ở Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX. Luận án PTS Kiến trúc.

Về các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng có thể kể tên một số tác phẩm như:

- Ngô Đăng Lợi. 1993. Lược khảo đường phố Hải Phòng.
- Công trình thanh niên. Hải Phòng thành phố hoa phượng đỏ Trung dũng - Quyết thắng. Thư viện KHTH Hải Phòng.
- Trần Phương. 2006. Du lịch văn hóa Hải Phòng. NXB Hải Phòng. Hải Phòng.

Tuy nhiên những tác phẩm này mới chủ yếu dừng lại ở việc giới thiệu về quá trình xây dựng của các công trình, mô tả những nét đặc sắc của các công trình đó mà

chưa có tài liệu nào đề cập đến việc khai thác các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng phục vụ cho phát triển du lịch.

4. Ý nghĩa của đề tài

Với đề tài này, trên cơ sở vận dụng những lý thuyết của du lịch học vào trong thực tiễn du lịch thành phố Hải Phòng, người thực hiện mong muốn đưa ra một cái nhìn hệ thống về nguồn tài nguyên độc đáo này, cũng như những bất cập trong hiện trạng khai thác hiện nay, từ đó đề xuất những định hướng cho việc phát triển du lịch của địa phương trong thời gian tới, tạo nên các tour du lịch hấp dẫn cho du khách với một loại tài nguyên còn đang bỏ ngỏ.

Ngoài ra, đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo và là những gợi ý cơ sở cho công tác quản lý tài nguyên hay việc xây dựng các tour du lịch một cách khoa học. Đồng thời, với những thông tin mà đề tài cung cấp, đây còn có thể là tài liệu hữu ích đối với du khách trong việc lựa chọn những điểm đến du lịch hấp dẫn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu: Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu. Chẳng hạn như từ những nguồn tư liệu đã có, người viết cần phải hệ thống lại về lịch sử phát triển của kiến trúc Pháp nói chung, quá trình truyền bá của kiến trúc Pháp vào Việt Nam cũng như vào Hải Phòng, từ đó đưa ra những nhận định đánh giá về đặc điểm riêng của các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng so với ở những nơi khác..., tất cả nhằm có một cái nhìn tổng quan nhất về loại tài nguyên giá trị còn đang bị bỏ ngỏ này.

Phương pháp thực địa: Quá trình thực địa giúp sưu tầm thu thập tài liệu, nhằm nhận được thông tin xác thực cần thiết để thành lập ngân hàng số liệu cho việc hoàn thiện đề tài. Trong quá trình nghiên cứu, người viết đã tiến hành đi điền dã, tham quan

tìm hiểu một số các công trình kiến trúc Pháp tiêu biểu ở thủ đô Hà Nội và ở Hải Phòng để trước hết có cái nhìn so sánh về những đặc trưng chung và riêng của kiến trúc Pháp tại hai thành phố, sau đó để có thể đánh giá được một cách chân thực về hiện trạng bảo tồn cũng như mục đích sử dụng hiện nay của các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng.

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp:

Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các định hướng và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về Hải Phòng và hoạt động du lịch ở Hải Phòng.

Chương 2: Các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng.

Chương 3: Đề xuất một số giải pháp khai thác các công trình kiến trúc Pháp phục vụ phát triển du lịch tại Hải Phòng.

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ HẢI PHÒNG VÀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH Ở HẢI PHÒNG

1.1. Vài nét về vùng đất và con người Hải Phòng

1.1.1. Địa lí và cảnh quan

Hải Phòng là thành phố lớn thứ ba của cả nước sau Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hải Phòng nằm ở vùng Đông bắc đồng bằng Bắc bộ bên bờ biển Thái Bình Dương với đường bờ biển dài 94 km, diện tích 1,519 km².

Hải Phòng còn là thành phố ven biển nằm ở hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình, cách thủ đô Hà Nội 102 km, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Đông giáp biển Đông.

Hải Phòng có một vị trí địa lý thuận lợi trong giao lưu với các tỉnh trong nước và quốc tế, thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không. Đây là một tiền đề rất quan trọng để phát triển kinh tế xã hội và du lịch của thành phố.

Hải Phòng có địa hình lục địa xen lẫn hải đảo khá phức tạp, dựa vào chỉ tiêu về độ cao, độ dốc và mật độ chia cắt, các nhà nghiên cứu địa lý đưa ra kết quả khảo sát thực tế địa hình đất liền Hải Phòng chia thành 3 vùng:

- Vùng núi thấp chia cắt mạnh: chiếm 10% diện tích, phân bố ở quần đảo Cát Bà, đảo Long Châu và một số đảo khác trong vịnh Lan Hạ. Tại quần đảo Cát Bà, hầu hết các đỉnh núi đều có độ cao từ 100 đến 250m, đỉnh cao nhất là 322m (đỉnh Cao Vọng). Đặc điểm nổi bật của các đỉnh núi ở đây đều nhọn, sắc, sườn núi dốc, hiểm trở xen kẽ hệ thống núi là những thung lũng lớn như Trung Trang, Khe Sâu, Xuân Đán, Hiền Hào (300m). Đảo đá vôi Cát Bà do quá trình kaster hóa xảy ra mạnh mẽ dẫn đến sự có mặt của các hang động như Trung Trang, Quân Y, Thiên Long.

- Vùng đồi chia cắt mạnh: chiếm khoảng 5% diện tích tự nhiên, các dải đồi chủ yếu tập trung ở phía bắc huyện Thủy Nguyên và số đồi còn sót lại ở khu vực Núi Đèo, hầu hết các đồi đều có độ cao khoảng 40 đến 100m. Các dải đồi có bề mặt tương đối bằng phẳng cấu tạo là đá cát kết, bồi kết, các đồi có cấu tạo đá vôi thì đỉnh nhọn và

sắc, xen kẽ các dải đồi là các thung lũng rộng từ 1 đến 3 km, có đáy bằng phẳng, có sông chảy qua.

- Vùng đồng bằng: chiếm 85% diện tích tự nhiên, trải đều trên các huyện và nội thành Hải Phòng. Độ cao trung bình của bề mặt đồng bằng 0,8 đến 1,2m. Trên một số đồng bằng có một số đồi núi sót tập trung trong khu vực cấu trúc hình thái dương như ở Kiến An, Đồ Sơn. Tiêu biểu là các núi: núi Vọ (Kiến An), núi Voi (An Lão), núi Đồi, núi Trà (Kiến Thụy), và chín ngọn núi Đồ Sơn (Phạm Thị Xuyên, 2007:33).

Bờ biển Hải Phòng bằng phẳng và thoải, tuy bị các cửa sông, cửa lạch làm gián đoạn nhưng bãi biển ở đây khá thích hợp cho tắm biển. Tuy vậy, do ảnh hưởng của các cửa sông nên bãi biển Đồ Sơn hay Tiên Lãng có nguồn nước không trong.

Với đặc điểm phong phú, đa dạng về địa hình, đã tạo cho Hải Phòng nhiều cảnh quan đẹp như quần đảo Cát Bà, Đồ Sơn, núi Voi với những bãi tắm, hang động đẹp, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch sinh thái, thể thao, leo núi, tham quan, hang động, tắm biển và nghỉ dưỡng.

Hải Phòng nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới Bắc bán cầu, gần chí tuyến bắc, với đặc điểm của thành phố ven biển có nhiều hải đảo nên khí hậu Hải Phòng chịu sự chi phối trực tiếp của biển và phân hóa thành khí hậu ven biển của đất liền và khí hậu biển của vùng đảo ngoài khơi. Riêng đảo Cát Bà có sự phân hóa tiểu khí hậu khu vực bên bãi ven biển cho nên núi đá vôi Cát Bà có rừng nguyên sinh. Đây chính là nguồn tài sản thiên phú cho Hải Phòng để phát triển các loại hình du lịch tham quan và du lịch biển đảo.

Tính chất nhiệt đới của khí hậu Hải Phòng thể hiện mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10 nhiệt độ trung bình trên 25⁰C, mùa đông lạnh mưa ít nhiệt độ trung bình là 20⁰C, là nhiệt độ lý tưởng để du lịch biển phát triển.

Hải Phòng có mạng lưới sông hồ rất phong phú tập trung ở phần hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình. Hầu hết các con sông lớn như sông Bạch Đằng, sông Cấm, sông Lạch Tray đều trực tiếp đổ ra biển.

Ngoài nguồn nước dồi dào chảy trên mặt, Hải Phòng còn có nguồn nước ngầm và nguồn nước nóng tương đối phong phú. Qua kết quả thăm dò cho thấy ở vùng Kiến

An, phía bắc Thủy Nguyên hay đảo Cát Bà là nơi có nguồn nước ngầm phong phú, đặc biệt Hải Phòng còn có nguồn nước nóng ở xã Xuân Đán (Cát Bà) và xã Đoàn Lập (Tiên Lãng) có tác dụng chữa bệnh với nhiệt độ luôn duy trì ở mức 38⁰C. Đây là nguồn tài nguyên tự nhiên rất quý hiếm để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh.

Thủy văn Hải Phòng, ngoài hệ thống sông còn có đường bờ biển kéo dài 94 km với nhiều bãi tắm có cảnh quan đẹp cùng nhiều hải sản phong phú là điều kiện thuận lợi cho thành phố này phát triển du lịch biển. Có thể nói du lịch biển là thế mạnh của thành phố này.

1.1.2. Dân cư - kinh tế - xã hội

1.1.2.1. Dân cư và truyền thống lịch sử

Nhìn lại về lịch sử, Hải Phòng là một trong những vùng đất cổ có dân cư sinh sống từ rất sớm. Theo kết quả nghiên cứu khảo cổ tại di chỉ Cái Bèo, khu vực Tràng Kênh và theo một số thư tịch cổ thì những cư dân đầu tiên đã đến sinh sống ở mảnh đất này cách đây 6000 - 7000 năm.

Theo thần tích Đền Nghè, bà Lê Chân là người lập ra làng An Biên, khởi thủy của thành phố Hải Phòng hiện nay. Trong thời kỳ tự chủ tạm thời (40 - 43), Trưng Nữ Vương cử tướng Lê Chân xuống miền biển phụ trách việc "hải tần phòng thủ" (phòng thủ dải đất ven biển).

Thời Bắc thuộc, Hải Phòng thuộc huyện Chu Diên, quận Giao Chỉ, nằm dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Trong các cuộc khởi nghĩa lớn chống ách đô hộ của kẻ thù, giành độc lập dân tộc, nhân dân Hải Phòng đều tham gia rất tích cực. Tiêu biểu là khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40 có nữ tướng Lê Chân và nhiều thủ lĩnh nghĩa quân là người Hải Phòng. Tên tuổi của bà Lê Chân đã làm rạng danh thành phố. Ngoài ra còn có các cuộc khởi nghĩa lớn của Mai Thúc Loan năm 722, Phùng Hưng năm 766, và đặc biệt là chiến công của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, đều có sự góp mặt của nhân dân Hải Phòng.

Thời kỳ độc lập tự chủ của các triều đại phong kiến Việt Nam, vùng này nổi tiếng với các chiến thắng trên sông Bạch Đằng: trận Bạch Đằng năm 938 của Ngô

Quyền, trận Bạch Đằng năm 981 của Lê Hoàn, trận Bạch Đằng năm 1288 của Trần Hưng Đạo. Đến triều đại nhà Hậu Lê (giai đoạn Lê sơ), vùng này nằm trong xứ Hải Dương (là miền cực đông duyên hải của xứ này).

Sau đó, từ thời Lê Trung Hưng đến thời Nguyễn, vùng này đều thuộc trấn Hải Dương và sau này là tỉnh Hải Dương (1831).

Năm 1870 - 1873, Bùi Viện, được sự tiến cử với vua Tự Đức của Doanh điền sứ Doãn Khuê, đã thực hiện việc xây dựng một bến cảng bên cửa sông Cấm mang tên Ninh Hải và một căn cứ phòng ngự bờ biển ở liền kề bên, gọi là nha Hải Phòng sứ. Khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất năm 1873-1874, nhà Nguyễn phải ký hòa ước Giáp Tuất, trong đó quy định nhà Nguyễn phải mở cửa thông thương các cảng Ninh Hải (Hải Phòng) thuộc tỉnh Hải Dương và Thị Nại tỉnh Bình Định, để đổi lấy việc Pháp rút quân khỏi Bắc Kỳ. Sau đó tại cảng Ninh Hải này, nhà Nguyễn và Pháp lập nên một cơ quan thuế vụ chung, quản lý việc thương mại ở vùng cảng này gọi là Hải Dương thương chính quan phòng. Như vậy, nguồn gốc địa danh Hải Phòng có thể là từ:

- * Tên gọi rút ngắn trong cụm từ “Hải tân phòng thủ” từ thời nữ tướng Lê Chân đầu thế kỷ thứ nhất.

- * Tên gọi rút ngắn từ tên gọi của một cơ quan đời Tự Đức trên đất Hải Dương: “Hải Dương thương chính quan phòng”.

- * Tên Hải Phòng có thể bắt nguồn từ ty sở nha Hải Phòng sứ hoặc đồn Hải Phòng do Bùi Viện lập từ năm 1870 đời Tự Đức, với căn cứ như sau: "Bến cảng trên sông Cấm trước khi gọi là Hải Phòng đã được gọi là Ninh Hải, địa danh Ninh Hải được dùng chính thức trong giấy tờ, sổ sách của ta từ trước khi có tên Hải Phòng cho đến khi bị tên Hải Phòng loại hẳn". (<http://www.yeuhaiphong.com/diendan/pho-hoa-phuong-do/3566-lich-su-thanh-pho-hai-phong.html>)

Dưới thời phong kiến, một trong những sự kiện nổi bật nhất đối với vùng đất này là việc Mạc Đăng Dung, một người con của miền biển Hải Phòng, đã lật đổ triều Lê, lập nên triều Mạc năm 1527, lập kinh đô Dương Kinh mà trung tâm là huyện Nghi Dương (Kiến Thụy - Hải Phòng). Vương triều Mạc lúc thịnh trị đã thi hành nhiều chính sách tiến bộ, góp phần khôi phục và phát triển kinh tế, đời sống nhân dân ấm no,

hạnh phúc, chiêu mộ nhiều nhân tài giúp nước, trong đó có Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm - danh nhân văn hóa kiệt xuất của Hải Phòng.

Năm 1887, người Pháp cho thành lập tỉnh Hải Phòng, tách vùng lân cận cảng Ninh Hải ra từ tỉnh Hải Dương. Ngày 19 tháng 7 năm 1888, Tổng thống Pháp Sadi Carnot ký sắc lệnh thành lập thành phố Hải Phòng - thành phố Hải Phòng chính thức có tên trên bản đồ Liên bang Đông Dương. Theo sắc lệnh thành phố Hải Phòng được tách ra từ tỉnh Hải Phòng, phần còn lại của tỉnh Hải Phòng lập thành tỉnh Kiến An. Đến năm 1962 thì tỉnh Kiến An được nhập về thành phố Hải Phòng (hiện nay Kiến An là 1 quận của thành phố Hải Phòng).

Năm 1888 chính thức đánh dấu việc Hải Phòng thực sự trở thành một thành phố mang tính chất thuộc địa ở Đông Dương. Người Pháp sau đó đã tiến hành qui hoạch thành phố Hải Phòng theo mô hình của các đô thị công thương nghiệp hiện đại của Pháp.

Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), cùng với quân dân cả nước, quân và dân Hải Phòng đã chiến đấu anh dũng, giành nhiều chiến công vang dội. Ngày 13/05/1955, tên lính Pháp cuối cùng đã rút lui khỏi Hải Phòng, thành phố và cả miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Chỉ một thời gian ngắn sau, quân và dân Hải Phòng lại bước vào một cuộc chiến mới cam go, quyết liệt hơn chống lại kẻ thù sừng sỏ nhất: Đế quốc Mỹ. Vừa tăng gia sản xuất chi viện cho miền Nam ruột thịt, vừa chiến đấu chống âm mưu phá hoại của kẻ thù, Hải Phòng còn là đầu cầu xuất phát của đường Hồ Chí Minh trên biển, nơi những con tàu không số huyền thoại chở vũ khí và lương thực tới các chiến trường miền Nam, góp phần to lớn vào thắng lợi của quân dân miền Nam, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau đại thắng mùa xuân 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Hải Phòng cùng với nhân dân cả nước bắt tay vào xây dựng lại đất nước, tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện, bước vào thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Mục tiêu của thành phố là xây dựng Hải Phòng thành thành phố theo hướng hiện đại trước năm 2020.

Hải Phòng còn mang những dấu ấn của nền văn hóa Đông Sơn - thời đại kim khí đồng thau của dân tộc. Qua hàng nghìn năm hình thành và phát triển, cộng đồng dân cư ở Hải Phòng không ngừng lớn mạnh và phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Dân số Hải Phòng hiện nay là 1.776,4 nghìn người (số liệu năm 2004), chiếm 2,5% dân số cả nước. Mật độ dân số là 1113,1 người/km², đứng thứ 4 sau các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên.

Về cơ cấu dân cư: là mảnh đất được hình thành từ rất sớm nên Hải Phòng có nhiều tầng lớp dân cư sinh sống, trong đó bao gồm các tộc người Việt (Kinh), Hoa, Tày, Nùng..., trong đó người Việt là chủ yếu, đến từ các tỉnh lân cận. Sự đa dạng về các tầng lớp dân cư đã tạo cho Hải Phòng nhiều nét văn hóa đặc sắc. Tuy nhiên, trong quá trình giao lưu và hòa nhập thì đa số đều có chung một cội nguồn văn hóa và cốt cách mạnh mẽ, táo bạo của những người khai hoang lấn biển, “ăn sóng nói gió”. Con người Hải Phòng chân thực, chất phác, hiền hậu và tốt bụng, anh dũng trong lao động và chiến đấu.

Bên cạnh đó, Hải Phòng còn tự hào là cái nôi sản sinh ra những người đẹp. Thành phố rất vinh dự khi hàng năm có nhiều người đẹp tham dự các cuộc thi sắc đẹp trong và ngoài nước, và không ít người trong số đó đã gặt hái được những thành quả đáng mơ ước.

1.1.2.2. Kinh tế - xã hội

Hải Phòng vốn nổi tiếng với cái tên thành phố Cảng. Cảng Hải Phòng là một trong những cảng được xây dựng đầu tiên trên cả nước, hàng năm đón hàng trăm chuyên tàu chở hàng, chở du khách từ nhiều quốc gia cập bến. Do có vị trí địa lý thuận lợi và tài nguyên biển phong phú nên Hải Phòng có nhiều ưu thế về kinh tế biển: đánh bắt và chế biến thủy hải sản, công nghiệp đóng tàu, vận tải biển... Trong thập kỉ mới, Hải Phòng đã đưa ra nhiều chỉ tiêu kinh tế và các hoạt động của năm: “Năm doanh nghiệp 2002”, “Năm doanh nghiệp và hội nhập 2003”... được nhân dân hưởng ứng. Các hoạt động phúc lợi xã hội thực hiện đạt kết quả tốt, nhiều chương trình, dự án được hình thành và đưa vào hoạt động: đường ngã 5 - sân bay Cát Bi, đường 353 ra Đồ Sơn, trung tâm hội chợ triển lãm Quốc tế, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng..., tổ

chức thành công các sự kiện quảng bá cho du lịch Hải Phòng: năm du lịch Cát Bà 2002, năm du lịch Hải Phòng 2006, và vừa qua là một loạt các chương trình phục vụ cho liên hoan du lịch Đồ Sơn 2007, 2008, 2009, 2010. Với những kết quả đã đạt được, thành phố đã vinh dự được công nhận là đô thị loại I cấp quốc gia năm 2003. Đó chính là niềm vinh dự và tự hào lớn của nhân dân thành phố.

Nằm trong vùng tam giác tăng trưởng kinh tế phía Bắc, Hải Phòng là thành phố có cơ cấu các ngành kinh tế đa dạng và năng động, trong đó một số ngành hiện nay đã trở thành thế mạnh và giữ vai trò chủ đạo như: du lịch, cảng biển, khai thác chế biến thủy sản, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp đóng tàu... Hải Phòng có nhiều cảnh quan đẹp nổi tiếng như Cát Bà, Đồ Sơn, Tràng Kênh cùng những bãi biển, bãi tắm và gần 500 di tích lịch sử văn hóa nghệ thuật gắn liền với những lễ hội truyền thống, trong đó nhiều di tích đã được xếp hạng Quốc gia như: khu di tích trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, đền Nghè, đền Bà Đẻ...

Hải Phòng có tốc độ tăng trưởng bình quân GDP/năm khá cao, đạt 11,1% trong thời kì 2001 - 2005, cao hơn 1,5 lần so với cả nước. Tổng GDP của Hải Phòng năm 2005 là 14071,9 tỉ đồng, đứng thứ 5 trong tổng số 64 tỉnh thành trên cả nước, GDP bình quân đầu người đạt 11,7 triệu đồng, cao hơn 1,8 lần so với bình quân cả nước.

Năm 2005, Hải Phòng có sự chuyển hướng khá nhanh với sự tăng trưởng mạnh của ngành công nghiệp và giảm dần tỉ trọng của ngành nông nghiệp. Các ngành công nghiệp, xây dựng có xu hướng tăng nhanh, chiếm 36,6% năm 2005, nông lâm ngư chiếm 13% và khu vực dịch vụ chiếm 50,4%.

Bên cạnh đó, Hải Phòng còn là thành phố luôn thực hiện tốt công tác giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Hiện nay trên địa bàn thành phố có 4 trường đại học, 8 trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp của Bộ giáo dục và đào tạo, quy tụ hàng nghìn sinh viên mỗi năm của các tỉnh thành phố khu vực phía Bắc.

Các phương tiện thông tin đại chúng phát triển nhanh cả về nội dung và hình thức, đảm bảo phục vụ đại đa số nhân dân thành phố và các tỉnh lân cận, công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được quan tâm hàng đầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì thành phố vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế; những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của thành phố, hiệu quả tăng trưởng thấp và chưa bền vững, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị còn nhiều yếu kém; công tác quản lý chậm chạp, chưa chặt chẽ.

Tóm lại có thể thấy rằng với điều kiện tự nhiên kinh tế - văn hóa - xã hội rất phong phú và thuận lợi, Hải Phòng thật sự có thể mạnh đòn bẫy để phát triển du lịch và thực tế khách quan đã chứng minh rất rõ điều đó. Mặc dù vậy, vấn đề đặt ra cho ngành du lịch của thành phố là phải biết khai thác một cách bền vững và tận dụng hiệu quả các điều kiện và nguồn tài nguyên đó.

1.2. Khái quát về hoạt động du lịch ở Hải Phòng

1.2.1. Tài nguyên du lịch Hải Phòng

1.2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Có thể khẳng định tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Phòng rất phong phú và đa dạng, bao gồm cả biển núi và hải đảo, vườn quốc gia... Tài nguyên thiên nhiên nổi trội hơn cả của Hải Phòng tập trung chủ yếu ở dải ven biển Đồ Sơn và đặc biệt là ở Cát Bà. Đây cũng chính là nơi thu hút lượng khách du lịch đến đông nhất ở Hải Phòng. Ngoài ra Hải Phòng còn có các điểm du lịch tiêu biểu khác như : Thủy Nguyên, vùng núi Kiến An, vùng đồng bằng Tiên Lãng, Vĩnh Bảo.

a) Quần đảo Cát Bà:

Quần đảo Cát Bà thuộc địa phận huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, được thành lập năm 1977 trên cơ sở sát nhập hai huyện Cát Hải và Cát Bà. Cát Bà cách thành phố Hải Phòng 45km về phía Đông, cách Hạ Long 25km về phía Nam. Quần đảo có toạ độ trung tâm là 20°47'42" vĩ độ Bắc và 107°00'38" kinh độ Đông. vườn quốc gia Cát Bà có diện tích 15.200 ha, trong đó có 9.800 ha rừng và 5.400 ha biển.

Quần đảo Cát Bà có 366 đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Cát Bà là đảo lớn nhất có diện tích 200km², đây là đảo lớn thứ hai của cả nước (sau đảo Phú Quốc). Cát Bà có địa hình chủ yếu là đá vôi và đá phiến thạch, độ cao trung bình 150m, đỉnh cao nhất là 322m. Do quá trình vận động nâng lên hạ xuống đã tạo ra một hệ thống các hang động

rất có tiềm năng để phát triển du lịch như: động Thiên Long, động Trung Trang, hang Vàng, hang Quân Y...

Cát Bà có đường bờ biển khúc khuỷu xuyên đảo dài 27km và có nhiều đảo nhỏ bao quanh với nhiều bãi tắm đẹp: Cát Cò 1, Cát Cò 2, Cát Cò 3, Cát Dứa, Cát Vạn Bội, Cát Quyền... Đó là các bãi tắm tuyệt diệu của thiên nhiên ban cho Cát Bà, mà theo các nhà nghiên cứu thì đây là những bãi biển thuộc loại đẹp nhất nước ta.

Đảo Cát Bà nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa chịu ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu đại dương. nhiệt độ trung bình hàng năm từ 23⁰C đến 24⁰C, khá thích hợp với các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí, tắm biển. Cát Bà có nguồn nước ngầm với trữ lượng khá lớn tập trung dọc theo trung tâm đảo tại các khe nứt kiến tạo. Đặc biệt Cát Bà có hai điểm nước khoáng chất lượng tốt đó là suối Thuồng Luồng ở xã Trân Châu và một điểm ở xã Xuân Đán. Suối Thuồng Luồng ở xã Trân Châu là một suối lớn chảy ra từ khe đá, lưu lượng nước khá lớn, trong và mát chỉ cách bờ biển 100m, nước chảy quanh năm, mùa khô nhất vẫn đạt 30 lít/giây. Nguồn nước này đã được phân tích là có thành phần các muối tương tự như nhiều nguồn nước khoáng nổi tiếng trong nước và trên thế giới. Nước khoáng ở đây theo các nhà khoa học là có tác dụng chữa một số bệnh mãn tính ở thận, đường tiết niệu, gan và đường tiêu hóa, còn dùng để giải độc một số bệnh nhiễm độc hóa chất (chì, thủy ngân), đồng thời lại có tác dụng giải nhiệt khá tốt. Nguồn nước khoáng ở xã Xuân Đán là một nguồn nước ngầm ngấm ra trên bề mặt ruộng luôn có độ nóng khoảng 38⁰C. Nếu nghiên cứu thêm và đầu tư thêm thì đây cũng là một nguồn nước khoáng có giá trị chữa bệnh.

Về tài nguyên sinh vật, theo điều tra bước đầu, Vườn Quốc Gia Cát Bà có 620 loài thực vật bậc cao thuộc 438 chi và 123 họ. Vườn Quốc Gia có sự đa dạng sinh học cao với các hệ sinh thái: hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh chân núi thấp, rừng trên núi đá vôi, rừng ngập nước. Đặc biệt Vườn Quốc Gia có rừng kim giao với diện tích 32ha, cây cao chủ yếu từ 20 đến 30m. Rừng ngập mặn gồm các loài phổ biến như sù, vẹt, đước... Rừng ngập nước ở ao Ếch và Việt Hải có diện tích 3ha, cây họ liễu cao 8 đến 15m, rừng đơn ưu có bộ rễ thở độc đáo.

Về động vật, Vườn Quốc Gia có 32 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát, 11 loài lưỡng cư. Động vật đặc hữu của vườn sống trên địa hình núi đá vôi là Voọc đầu trắng,

có số cá thể khoảng 60 con. Ngoài ra vườn còn có nguồn hải sản vô cùng phong phú: động vật biển có 160 loài cá, 116 loài động vật phù du, 78 loài giáp xác, 168 loài thân mềm, 165 loài san hô...

Ngoài những giá trị về tự nhiên, Cát Bà còn ẩn chứa trong mình những giá trị văn hóa đặc sắc. Di chỉ Cái Bèo được tìm thấy ở Cát Bà đã cho thấy ở đây khoảng 6000 năm trước đã là nơi cư trú của con người. Đây là một địa chỉ khảo cổ rất hấp dẫn các nhà khoa học. Nhiều công trình kiến trúc độc đáo hiện còn lưu giữ được ở trên đảo như miếu thờ Cát Bà ở thị trấn Cát Bà, đình Hoàng Châu còn nhiều bia đá với những nét chạm khắc đẹp mang phong cách thời Lý, miếu Văn Chấn có kiến trúc thành cổ được xây dựng vào thế kỷ 15. Đặc biệt là các công trình kiến trúc thời nhà Mạc, các di tích lịch sử văn hóa cùng các lễ hội truyền thống như đua thuyền, bơi chải, lễ thủy thần... là những tài nguyên du lịch nhân văn có sức thu hút lớn đối với du khách.

Đảo Cát Bà nằm trên khu vực vịnh Hạ Long, ở địa giới giữa Hạ Long và Hải Phòng. Khách có thể đi từ Hà Nội qua Hải Phòng bằng đường tàu thủy ra Cát Bà, vịnh Hạ Long, theo đường 18 qua đường 5 về Hà Nội và ngược lại. Tour du lịch này không chỉ có đông đảo khách du lịch nội địa đi nghỉ cuối tuần mà còn thu hút khá đông khách du lịch quốc tế (Hoàng Văn Cường, 2008: 25-27).

b) Bán đảo Đồ Sơn

Đồ Sơn nằm trên dải đường 14, cách trung tâm thành phố 20 km về phía Đông Nam, giữa hai cửa sông Lạch Tray và Văn Úc. Đây là một bán đảo với rừng cây, đồi núi nối tiếp nhau vươn ra biển đến 5km. Bán đảo Đồ Sơn bao gồm 9 ngọn đồi núi nối tiếp nhau tạo nên hình dáng gần như một tam giác cân mà đáy là đất liền. Ngọn đồi thứ mười nằm tách hẳn ra khoảng 1km đó chính là đảo Dấu. Đảo Dấu là một hòn đảo nhỏ với diện tích 0,72km², một thắng cảnh đẹp với ngọn hải đăng lớn, có đền thờ Nam Hải Thần Vương. Đây là một bảo tàng thiên nhiên rừng nhiệt đới thu nhỏ được bảo vệ tốt do vị trí độc lập. Hàng năm tại đây có hội đèn Dấu thu hút đông đảo lượng du khách tới tham dự.

Đã từ lâu Đồ Sơn nổi tiếng là một nơi nghỉ dưỡng, nghỉ mát, tắm biển khá lý tưởng của vùng Bắc bộ. Đồ Sơn chia làm ba khu, khu nào cũng có bãi tắm, đồi núi, rừng thông yên tĩnh, thoáng mát:

- Khu 1: Đây là khu có bãi biển dài và rộng nhất đồ sơn kéo dài từ đồi độc đến bến Thốc. Tại đây có một loạt các khách sạn như: khách sạn Hoa Phượng, khách sạn Công Đoàn, khách sạn Hải Yến...

- Khu 2: Bãi biển ở đây nhỏ nhưng cát mịn màng hơn, có nhiều khách sạn và biệt thự nhỏ ẩn mình trong rừng thông. Bãi tắm khu 2 là bãi tắm tốt nhất Đồ Sơn cả về chất lượng cát cũng như độ trong của nước biển. Vì vậy, ở đây thường tập trung một lượng lớn khách du lịch đến tắm biển.

- Khu 3: Tại đây có một bãi tắm nhỏ gọi là bãi tắm Tiên, cạnh đó có một nhà hàng kiến trúc như một ngôi chùa có tên là Pagadon. Trên đồi thông thấp thoáng một số biệt thự sang trọng với đầy đủ tiện nghi cho khách du lịch.

Là một bán đảo nên khí hậu ở đây trở thành một nguồn tài nguyên quý giá. Nhiệt độ trung bình giao động từ 23° - 24°C , với hai mùa rõ rệt. Mùa đông kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3, nhiệt độ hạ dưới 20°C . Mùa hạ kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, nhiệt độ trên 25°C . Đây là chế độ nhiệt thích hợp với du khách tắm biển và nghỉ ngơi sau những ngày làm việc căng thẳng.

Là một khu du lịch nghỉ mát được hình thành từ thời Pháp thuộc, Đồ Sơn có nhiều công trình kiến trúc đẹp, tiêu biểu nhất là biệt thự Bảo Đại. Đồ Sơn còn có bến Nghiêng, bến tàu Không số, có suối Rừng, đình Ngọc, tháp Tường Long thời nhà Lý (xây năm 1058), quả chuông đúc thời Trần (1296) tại chùa Bản Vân, có đền bà Đề... là những điểm tham quan hấp dẫn của nơi đây.

Đồ Sơn có nhiều lễ hội mang đậm nét đặc trưng của vùng biển như: hội chọi trâu, hội đền bà Đề, hội hòn Dấu, hội đua cà kheo, hội đua thuyền... cùng với khí hậu gió mùa vùng biển nhiệt đới cũng là nét đặc trưng tạo ra sự hấp dẫn khách du lịch.

Có thể nói với thể mạnh chỉ cách Hải Phòng 20 km, cách Hà Nội - trung tâm du lịch vùng Bắc Bộ 120 km, có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, Đồ Sơn đã thu hút được đông đảo lượng khách từ Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh lân cận đến tắm biển nghỉ ngơi cuối tuần. Hiện nay đang có một số dự án đầu tư cho khu du lịch này và đang được ưu tiên như:

- Khu du lịch tắm biển kết hợp vui chơi giải trí cao cấp Đồ Sơn.

- Khu Casino khách sạn 4 sao.
- Sân golf Đồ Sơn 18 hố.
- Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Daso.
- Khu du lịch quốc tế hòn Dấu.
- Xây dựng cầu cảng du lịch quốc tế.

Việc thực hiện các dự án này sẽ tạo sức hấp dẫn lớn cho du khách gần xa đến với Đồ Sơn.

c) Tràng Kênh – Hạ Long trên cạn

Tràng Kênh thuộc huyện Thủy Nguyên cách nội thành Hải Phòng 20km về phía Đông - Bắc. Đây là quần thể đồi, núi đá vôi, hang động, sông nước, áng, hồ... muôn hình ngàn vẻ, cảnh trí thiên nhiên trông giống như vịnh Hạ Long nên dân gian còn gọi là vùng Hạ Long cạn. Tràng Kênh có núi U Bò sừng sững ngay bên bờ sông Bạch Đằng lịch sử. Tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo làm căn cứ chỉ huy trận thủy chiến chống quân xâm lược thế kỷ 13. Dưới chân núi Hoàng Tôn, gần núi U Bò, còn phần mộ và đền thờ danh tướng Trần Quốc Bảo cách đây trên 700 năm.

Quanh Tràng Kênh có nhiều hang động kỳ thú. Nổi tiếng là hang Vua ở xã Minh Tân. Hang rộng 5 đến 10m, cao 15 đến 18m. Trần hang như nóc chuông nhà thờ. Hang thông với nhiều ngách. Có ngách tới 4 tầng: tầng hầm, 2 tầng giữa cao 4 đến 6m và 8 đến 10m và tầng trên cùng 12 đến 15m. Trong hang có suối nước quanh năm trong mát. Gọi là hang Vua vì cách đây trên 4000 năm, vua Hùng thứ 18 đã lập lỵ cung ở đây. Năm 1930, các đảng viên Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học đã hội họp ở đây. Năm 1940, chi bộ Đảng Cộng Sản đầu tiên của xã Minh Tân ra đời trong hang này.

d) Danh thắng núi Voi

Cách trung tâm thành phố 20 km về phía Tây Nam, núi Voi là một quần thể thiên nhiên đa dạng. Giữa núi đất chạy dài trên đồng ruộng mênh mông nổi lên một vùng núi đá, đá vôi hiện rõ hình con voi đang phục. Với độ cao 156m và khoảng đất đá bằng phẳng phía trên là bàn cờ tiên, du khách từ đây có thể phóng tầm mắt nhìn ra xa,

thấy núi non, thấy sông, thấy làng quê đồng ruộng trù phú như một bức tranh thủy mặc. Phía Nam là sông Đa Độ ẩn hiện trong sương mù, xung quanh là hình ảnh thanh bình của làng quê. Dưới chân núi là động Long Tiên, trong động thờ nữ tướng Lê Chân, người khai sáng ra đất Hải Phòng. Phía Nam và Bắc có động Nam Tào, động Bắc Đẩu. Trong động có nhiều phiến đá khi gõ vào có âm thanh của tiếng trống đồng, tiếng chiêng, tiếng mõ, lại có những nhũ đá giống như hình tượng Phật đang ngồi thiền.

Từ xa xưa núi Voi đã là một thắng cảnh đẹp. Năm 1089, nhà Lý đã cho xây chùa ở đây. Đến thời nhà Trần và nhà Mạc tiếp tục cho xây chùa và cung điện. Ngày nay còn dấu vết của đền chúa Thượng và đền chúa Hạ. Nơi đây cũng gắn với nhiều chiến tích oanh liệt chống giặc ngoại xâm qua các triều đại như: hang Chạn (hang nấu bếp nuôi quân), kho lương... Núi Voi cũng có di vật của người xưa cách đây hơn 3000 năm như: dùi, đục bằng đá và bằng đồng...

Núi Voi là một điểm du lịch cuối tuần khá phổ biến của người dân Hải Phòng, đặc biệt là với học sinh, sinh viên. Nhiều hoạt động thanh niên tuổi trẻ đã diễn ra ở đây như cắm trại, các cuộc thi tìm hiểu về cội nguồn...

e) Khu du lịch suối nước nóng Tiên Lãng

Nằm cách trung tâm thành phố khoảng hơn 25 km về phía Tây Nam, tại xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãng có một điểm du lịch khá nổi tiếng đó là khu du lịch sinh thái suối nước khoáng nóng Tiên Lãng.

Nguồn nước khoáng Tiên Lãng đã được phát hiện từ lâu. Việc khai thác nguồn nước khoáng này trước đây do một số đơn vị đứng ra khai thác, nhưng do điều kiện kinh tế của địa phương lúc đó gặp nhiều khó khăn, cộng với thiếu vốn đầu tư, thiếu kinh nghiệm trong quản lý điều hành của các đơn vị dẫn đến hoạt động kém hiệu quả. Những năm gần đây, nền kinh tế phát triển, nhu cầu du lịch của người dân tăng lên; xác định du lịch là ngành có triển vọng trong tương lai, năm 2003, công ty TNHH Phú Vinh đã mạnh dạn đầu tư 60 tỷ đồng vào khôi phục dự án khu du lịch sinh thái, tạo điểm nhấn cho ngành du lịch Hải Phòng.

Sau một thời gian đầu tư, đến nay các hạng mục công trình đã cơ bản hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng từ đầu năm 2006 trên diện tích 100000 m². Đây là

khu ngâm tắm bùn duy nhất ở miền Bắc có nguồn nước khoáng nóng thiên nhiên quý giá được khai thác ở độ sâu 850m với nhiệt độ 54⁰C, là loại nước khoáng clorua natri như nước khoáng mirgorod của Nga, elarua của Pháp. Qua nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, nguồn nước khoáng nóng ở đây là một trong năm mỏ nước khoáng nóng đặc biệt của Việt Nam, có nhiều chất khoáng với hàm lượng cao, đặc biệt hơn cả là một số khoáng chất kim loại nặng rất quý cần thiết có tác dụng ngăn ngừa, chữa trị, phục hồi sức khỏe cơ thể và chữa được nhiều bệnh mãn tính như: viêm đường hô hấp, viêm dây thần kinh ngoại biên, các bệnh về xương khớp, một số bệnh ngoài da, rối loạn chức năng nội tiết. Các nhà chuyên môn cho biết, khi xông hơi và ngâm tắm trong nước khoáng nóng, các khoáng chất tự nhiên thẩm thấu qua da lấy đi những tế bào chết làm tươi mới và trơn mịn làn da, đồng thời kích thích thần kinh dưới da, truyền phản xạ về vỏ não tạo sự thư giãn sảng khoái cho du khách. Đặc biệt ở nhiệt độ cao, các khoáng chất trong nước có lợi cho sức khỏe, tăng cường đề kháng và làm tiêu mất lượng calo dư thừa của cơ thể. Ngoài ra khi đến đây, du khách còn được thưởng thức những món ăn mang đậm bản sắc quê hương như: gà quê, ốc, ếch...

Sau những ngày làm việc vất vả, vào dịp cuối tuần đến với khu du lịch sinh thái này, với không gian sinh thái và nguồn nước khoáng nóng tuyệt vời và các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, hứa hẹn sẽ đem lại cho du khách những điều bổ ích, lý thú cho những ngày nghỉ cuối tuần. (Hoàng Văn Cường, 2008: 25-31)

1.2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Tiềm năng du lịch nhân văn của Hải Phòng khá phong phú và có giá trị du lịch cao. Các di tích của Hải Phòng không những có giá trị lịch sử mà còn có giá trị về mặt kiến trúc, nghệ thuật. Nhiều di tích nằm trong các khu danh thắng hoặc bản thân là một danh thắng như hang Vua, núi Voi, đền Trần Quốc Bảo... Hải Phòng lại là miền đất có nhiều lễ hội, có những lễ hội nổi danh không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài như hội chọi trâu Đồ Sơn. Hải Phòng còn có nhiều nghề thủ công truyền thống đặc sắc có sức thu hút khách du lịch.

a) Các di tích lịch sử văn hóa:

Cho đến nay theo thống kê chưa đầy đủ, toàn thành phố Hải Phòng có khoảng 300 di tích, mật độ trung bình 19,9 di tích/km². Như vậy Hải Phòng là một trong 7

tỉnh, thành phố của cả nước có mật độ di tích cao. Các di tích tập trung chủ yếu ở các quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hồng Bàng, Hải An, huyện Thủy Nguyên, huyện Vĩnh Bảo, huyện Kiến Thụy.

Hải Phòng cũng là nơi có nhiều di tích được xếp hạng. Tính đến năm 2003, toàn thành phố đã có 89 di tích được công nhận xếp hạng di tích Quốc gia (Phạm Thị Xuyên, 2007: 40).

Sau đây là một số di tích tiêu biểu:

Đình Hàng Kênh

Đình có tên chữ là đình Nhân Thọ, nằm ở xã Dư Hàng Kênh. Đình được xây dựng vào năm 1856, đến năm 1905 được mở rộng như ngày nay.

Đình là một trong hàng chục công trình kiến trúc nghệ thuật và tôn giáo tín ngưỡng mà nhân dân xây dựng để tưởng niệm “ông tổ Trung Hưng” vĩ đại nhất - Ngô Quyền - trên mảnh đất Hải Phòng, nơi ông lập chiến công xưa.

Đại đình có 5 gian, 7 vì với 32 cây cột lớn, chu vi mỗi cột 2m, cao 5m, là gỗ lim nguyên cây được kê trên tảng đá xanh chạm nổi hình bông sen nở. Đình có giá trị lớn về điêu khắc gỗ, quanh đình có 462 chấn song. Trong đình có 156 mảng chạm khắc mà con rồng là đề tài chủ yếu. Có tất cả 308 con rồng vừa to, vừa nhỏ, mỗi con một vẻ. Trong đình có tượng Ngô Vương Quyền và kiệu bát cống là hiện vật có giá trị mỹ thuật cao cách đây 100 năm. Ngày 16 - 18 tháng 2 âm lịch hàng năm, đình tổ chức lễ hội, có tế lễ, diễn chèo, tuồng, ca trù, chầu văn, cờ tướng, đấu vật, chọi gà... rất đông vui.

Chùa Dư Hàng

Chùa Dư Hàng có tên chữ là Phúc Lâm tự, nay thuộc phường Hồ Nam, quận Lê Chân, cách trung tâm thành phố 2 km về phía Tây Nam. Chùa là một công trình kiến trúc cổ, xây dựng từ đời tiền Lê (980 - 1009).

So sánh với nhiều ngôi chùa ở Hải Phòng, chùa Dư Hàng có kiến trúc bề thế, khuôn viên hoàn chỉnh gồm tòa Phật điện 7 gian. Tại tòa Phật điện hiện còn lưu giữ nhiều pho tượng Phật có giá trị như bộ tam thế, tòa Cửu Long... Nội thất tòa Phật điện được trang trí nhiều bức hoành phi, câu đối cửa võng sơn son thiếp vàng rực rỡ. Hiện

chùa Dư Hàng còn bảo lưu nhiều di vật quý giá như: chuông, khánh, đỉnh đồng, đặc biệt là bộ kinh sách Trạng a-hàm cổ, một tài liệu để truyền bá giáo lý đạo Phật ngày xưa.

Chùa Dư Hàng đã, đang và sẽ là địa chỉ du lịch tham quan của nhiều đoàn khách trong nước và quốc tế.

Đền Nghè

Đền nằm ở trung tâm thành phố, cách nhà hát thành phố chừng 600m về phía Tây - Nam. Đền thờ bà Lê Chân, một nữ tướng giỏi của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ thứ I (40-43), người lập ra làng An Biên, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này. Năm 1919, tòa hậu cung của đền được xây dựng; năm 1926 tòa tiền bái được xây dựng. Đây là một tổng thể di tích lịch sử gồm voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá và các tòa kiến trúc.

Bước chân vào trong đền, du khách chắc chắn sẽ bị choáng ngợp trước vẻ đẹp lộng lẫy uy nghi của các loại đồ thờ, đồ tế khí, hoành phi, câu đối... Đền Nghè là một trong số ít các di tích ở thành phố Hải Phòng còn bảo lưu được nhiều cổ vật có giá trị lịch sử, nghệ thuật và văn hóa như: tượng nữ tướng Lê Chân, sập đá, khánh đá, kiệu bát cống, tượng voi, tượng ngựa đá...

Hàng năm đến ngày 8/2 âm lịch, đền tổ chức lễ hội kỷ niệm ngày sinh của nữ tướng.

Di tích lịch sử đền Nghè là một di sản văn hóa quý giá của thành phố và đất nước, nơi bảo tồn nhiều nếp sống cổ phong làm lành mạnh và phong phú kho tàng văn hóa hữu thể và vô thể của người Hải Phòng. (Hoàng Văn Cường, 2008: 31-33).

Tượng nữ tướng Lê Chân

Tượng được đặt trước cửa nhà Triển lãm trong dải công viên trung tâm thành phố.

Mẫu tượng được chọn từ cuộc thi toàn quốc với hơn 40 mẫu tượng dự thi trong suốt 4 năm (1996 - 2000). Mẫu tượng được chọn là của hai nghệ sĩ Nguyễn Phúc Cường và Nguyễn Mạnh Cường, do công ty đúc đồng Hải Phòng thực hiện.

Tượng đúc bằng đồng, cao 7,49m; cả bộ cao 10,09m, riêng lông chim trên đầu cao 70 cm. Tượng nặng 19 tấn, hiện là một trong ba pho tượng đồng lớn nhất Việt

Nam, sau tượng phật ở chùa Non Nước - Sóc Sơn - Hà Nội và tượng Trần Hưng Đạo ở Nam Định. Dáng tượng đứng, tay dựa đốc kiếm thể hiện khí phách của người mang gươm đi mở đất, chống giặc ngoại xâm, nhưng lại có vẻ mặt dịu hiền đôn hậu của người phụ nữ Việt Nam.

Tượng được dựng trong một đêm và khánh thành ngày 31 tháng 12 năm 2000. (Hoàng Văn Cường, 2008: 34).

Ngoài ra còn có các công trình kiến trúc tiêu biểu khác như nhà hát lớn, quán hoa, bảo tàng thành phố... là những công trình kiến trúc Pháp ta sẽ đi vào tìm hiểu chi tiết trong chương 2.

b) Các lễ hội truyền thống

Các lễ hội truyền thống cũng là một tiềm năng du lịch rất quan trọng cần chú ý đầu tư khôi phục và phát triển. Kinh nghiệm cho thấy xu hướng hiện nay là các hình thức sinh hoạt lễ hội thường thu hút được một số lượng rất đông khách thập phương trong nước cũng như quốc tế, nhất là các lễ hội gắn với các di tích lịch sử văn hóa hoặc danh thắng. Ở Hải Phòng có một số lễ hội quan trọng có thể phát triển nhằm phục vụ du lịch.

Về những lễ hội mang tính chất lịch sử, có hội đền Nghè ở phố Lê Chân - quận Lê Chân thờ nữ tướng Lê Chân, hội chùa Vẽ (Hoa Linh tự) liên quan đến việc Trần Hưng Đạo vẽ bản đồ bằng cách rắc vừng lên bánh đa chuẩn bị cho trận đánh Bạch Đằng rồi phát cho quân sĩ vừa để nắm được kế hoạch chiến đấu vừa có lương khô ăn, hội đền Dẹo ở thị trấn Núi Đèo thờ Đô úy Thượng lại Văn Thành... Gần đây còn có một số lễ hội thu hút đông đảo khách du lịch như lễ hội núi Voi, lễ hội nghề cá Cát Bà, hội đền Gắm (Tiên Lãng), hội đền Phú Xá, hội đền Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm...

Các lễ hội dân gian có hội chọi trâu ở Đồ Sơn, hội ghép đôi ở Cẩm Khê, hội làng Phục Lễ ở Thủy Nguyên, hội pháo đất ở Vĩnh Bảo... Các lễ hội này đều rất độc đáo. Tuy nhiên nhiều lễ hội hiện nay đã bị mai một và dần đi vào quên lãng, đặc biệt là các lễ hội gắn với các chiến công thắng giặc ngoại xâm hay một vài lễ hội dân gian độc đáo như hội làng Phục Lễ là ngày lễ của phái đẹp, hoặc ngày hội lễ pháo đất ở Vĩnh Bảo... (Hoàng Văn Cường, 2008:36).

Nổi tiếng và được chú ý nhiều hơn cả là hội chơi trâu ở Đồ Sơn có nguồn gốc từ tín ngưỡng dân gian. Đây là một lễ hội có sức hấp dẫn rất lớn.

c) Các tài nguyên nhân văn khác

Văn nghệ dân gian

Văn nghệ dân gian Hải Phòng là trí tuệ, tài năng, tâm hồn của người dân Hải Phòng. Ngoài những trò chơi độc đáo: chơi đu, chơi pháo đất (Vĩnh Bảo) và chơi thả đèn trời (có 5 xã chơi đèn trời: Tiên Phong, Đồng Minh, An Hoà...), Hải Phòng còn có loại hình múa rối cạn ở Bảo Hà và rối nước ở Nhân Mục (Vĩnh Bảo)

Các làng nghề truyền thống

Bất kỳ khu du lịch nào muốn thành công và trở nên hấp dẫn với du khách thì phải có nhiều hoạt động cho du khách. Không chỉ đơn thuần dựa vào các hoạt động tiêu khiển có tính truyền thống trên các bãi biển, tham gia vào các câu lạc bộ đêm... mà còn phải đáp ứng nhu cầu tìm hiểu các phong tục tập quán tại địa phương của du khách. Việc khai thác đi đôi với bảo tồn các làng nghề truyền thống như một sản phẩm du lịch luôn được ngành du lịch quan tâm. Nó không những góp phần làm phong phú các tour du lịch, kéo dài thời gian lưu trú của khách, tăng doanh thu du lịch thông qua việc sử dụng các dịch vụ tại điểm tham quan của khách mà còn có tác dụng khuyến khích sự phát triển của các làng nghề truyền thống và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Hải Phòng có một số làng nghề truyền thống sau: làng tạc tượng, điêu khắc (xã Đồng Minh - Vĩnh Bảo); làng dệt Cỏ An; tượng đất nung ở núi Voi (An Lão); nghề gốm ở Minh Đức (Thủy Nguyên); làng hoa ở Hạ Lũng (An Hải); nghề dệt thảm len Hàng Kênh. Hiện nay chúng ta đang phát triển một số ngành nghề mới như hội sinh vật cảnh, thú chơi chim, cá cảnh và cây cảnh... Đây là những vốn quý của Hải Phòng phục vụ cho du lịch.

Nghệ thuật ẩm thực

Là một thành phố cảng, Hải Phòng nổi tiếng với những món ăn đặc sản biển. Tại vùng biển Hải Phòng hiện nay có khoảng 393 loài hải sản, trong đó có 61 loài có giá trị xuất khẩu như cá song, tôm biển, cua, cá vược, bào ngư... Những chuyến du lịch

cuối tuần tại Hải Phòng sẽ thật thú vị nếu du khách được nếm thử những đặc sản biển như: mực nướng hay xào; tu hài nướng, hấp bia hay nấu cháo; rần biển với món tiết rừn rần, rần nướng... Chắc chắn du khách sẽ không thể nào quên.

Việc quảng bá và giới thiệu các đặc sản này cần được quan tâm và phổ biến rộng rãi hơn nữa, như vậy sẽ thu hút được nhiều du khách đến với Hải Phòng, đặc biệt là các cán bộ công nhân viên chức nghỉ cuối tuần, khách du lịch công vụ, khách quốc tế, học sinh, sinh viên...

1.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

1.2.2.1. Cơ sở lưu trú

Cùng với xu hướng chung của cả nước hiện nay, do lượng khách quốc tế ngày càng tăng, khách nội địa có nhu cầu đi nghỉ nhiều hơn nên các khách sạn, nhà trọ được xây dựng thêm để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách du lịch. Ngành du lịch Hải Phòng cũng không ngừng nâng cấp, xây mới khách sạn, nhà nghỉ phục vụ khách du lịch. Nhìn chung số lượng khách sạn, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế tăng nhanh cả về số lượng, quy mô và phương thức hoạt động.

Đến nay, năng lực lưu trú của ngành du lịch Hải Phòng đã đạt 221 cơ sở với trên 5.000 buồng (*tăng gấp 3 lần so với 10 năm trước*) trong đó có 78 cơ sở với 2.889 buồng phòng đạt tiêu chuẩn từ 1 - 4 sao (*tăng 4 lần so với 10 năm trước*). Công suất sử dụng khách sạn bình quân 1 năm là 65%. Quy mô xây dựng hầu hết là vừa và nhỏ, trang thiết bị nội thất chưa đồng bộ, chỉ duy nhất có 6 khách sạn có trên 100 phòng (Hữu Nghị, HaBour View, Holiday View, Xây Dựng, làng quốc tế Hường Dương và nhà khách Hải Quân). Nhìn chung chất lượng các khách sạn còn lại chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch. (Hoàng Văn Cường, 2008:42).

Bảng 1: Hiện trạng cơ sở lưu trú của Hải Phòng, giai đoạn 1995 - 2005

Hạng mục	1995	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số CSLT	79	110	126	134	171	194	221

Tổng số phòng	2.401	3.594	3.784	3.931	4.701	5.049	5.117
Tổng số giường	3.970	7.150	7.325	7.539	8.993	9.485	10.907
Công suất sử dụng buồng (%)	< 50,0	51,0	53,0	46,0	48,0	51,0	65,0

(Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng, 2007)

Bảng 2: Cơ sở lưu trú trên địa bàn Hải Phòng phân theo loại hạng

Hạng	Năm 2000		Năm 2004		Năm 2005	
	Số CSLT	Số phòng	Số CSLT	Số phòng	Số CSLT	Số phòng
4 sao	2	205	4	451	4	451
3 sao	1	75	3	115	3	115
2 sao	11	424	47	1.842	49	1.903
1 sao	3	119	18	353	22	505
Đạt tiêu chuẩn	-	-	6	106	8	148
Chưa xếp hạng	93	2.771	116	2.182	135	1.905

(Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng, 2007)

1.2.2.2. Hệ thống các cơ sở ăn uống và vui chơi giải trí

Là một thành phố biển, Hải Phòng có rất nhiều các món ăn mang đậm hương vị của biển. Trên địa bàn thành phố, các khách sạn, nhà khách hầu hết đều có cơ sở ăn uống có thể đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Từ món canh bánh đa cua dân dã đến các món đặc sản như tôm hùm, tu hài nướng... đều để lại trong lòng du khách những ấn tượng khó quên. Hải sản ở Hải Phòng đa dạng về chủng loại như: tôm hùm, bào

ngư, hải sản, tu hài, ốc biển... do đó du khách có thể tùy ý thưởng thức và mang về làm quà sau chuyến tham quan.

Về các khu vui chơi giải trí, Hải Phòng cũng nằm trong tình trạng chung của cả nước đó là tình trạng thiếu thốn các khu vui chơi giải trí. Đây cũng là một nguyên nhân giải thích tại sao khách không lưu lại dài ngày ở đây. Bởi khách du lịch đến Hải Phòng ngoài tắm biển ra thì còn rất nhiều thời gian rảnh rỗi nhưng do chưa đồng bộ với nhiều dịch vụ khác nên khách nước ngoài thì ít đến đây còn khách du lịch nội địa thì khó mà tìm thấy nơi nào để vui chơi giải trí. Nước biển Đồ Sơn mặc dù rất đẹp nhưng ở đây lại không có đến một bể bơi nào. Các vũ trường, sàn nhảy tuy cũng có, song giá vào cửa quá cao, không thể đáp ứng được nhu cầu của những du khách bình dân. Các hình thức vui chơi giải trí mang tính chất quần chúng hầu như không có. Đây là một vấn đề cần sớm được giải quyết. (Hoàng Văn Cường, 2008:44).

1.2.2.3. Phương tiện vận chuyển

Phương tiện vận chuyển khách du lịch còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay toàn thành phố có trên 100 đầu xe và 9 tàu chuyên chở khách du lịch với tổng số 857 ghế ngồi. So với trước kia, chất lượng và hình thức của các phương tiện vận chuyển đã được cải thiện đáng kể với các trang thiết bị tương đối hiện đại, đồng bộ, đảm bảo yêu cầu phục vụ khách du lịch quốc tế và trong nước. Trên địa bàn thành phố hiện có 28 hãng xe taxi với hàng trăm xe được đánh giá là có chất lượng phục vụ tốt. Đội ngũ lái xe đã được đào tạo, có tác phong phục vụ khá chuyên nghiệp, tuy nhiên vẫn còn hạn chế về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ. Bên cạnh các hãng xe taxi, trên địa bàn thành phố còn có các tuyến xe buýt: Đồ Sơn - Cảng Chùa Vẽ, Phà Khuê - Đình Vũ, ngã 5 Kiến An - Đình Vũ, bến Bính - chợ Kênh (An Lão), Cầu Rào - Nomura... đã đáp ứng đủ nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch.

Ngày 30 tháng 4 năm 2002, tuyến đường xuyên đảo nối đất liền với đảo Cát Bà bằng phà Đình Vũ, bến Gót đã tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến Cát Bà bằng đường bộ, giảm áp lực cho việc chuyên chở bằng đường biển. Năm 2004, ở Hải Phòng đã có thêm 6 doanh nghiệp đầu tư thêm 13 tàu cao tốc chuyên chở khách du lịch theo tuyến Hải Phòng - Cát Bà - Hải Phòng. Năm 2005 đã có thêm 2 doanh nghiệp tổ chức vận chuyển khách đa phương thức từ Hà Nội, nội thành Hải Phòng - Đình Vũ -

tàu chạy thẳng sang Phù Long rút ngắn được thời gian chạy phà Đình Vũ. Loại hình này đã hấp dẫn được nhiều hành khách. Với số lượng tàu thuyền hiện nay, tạm thời đáp ứng được nhu cầu đi lại cho khách du lịch. Tuy nhiên, vào ngày cao điểm mùa hè thì vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch. Mặt khác, một số tàu đang xuống cấp, không đảm bảo chất lượng dịch vụ, đội ngũ nhân viên phục vụ trên tàu chưa được đào tạo nghiệp vụ cơ bản phục vụ khách du lịch, các hãng tàu chưa phối hợp thống nhất về giờ chạy tàu, bố trí thời gian chạy tàu chưa hợp lý, thường tập trung vào một thời điểm nên xảy ra lúc thì thiếu tàu, lúc thì thiếu khách... Một hạn chế nữa là các bến tàu thủy còn mang tính tạm bợ, chưa có một bến nào đủ tiêu chuẩn là bến tàu khách nội địa theo tiêu chuẩn của Bộ giao thông vận tải.

Hải Phòng có hai sân bay là sân bay Cát Bi và sân bay quân sự Kiến An. Tuy nhiên các sân bay đều chưa đủ điều kiện để trở thành sân bay quốc tế. Sân bay Cát Bi là sân bay dự bị của sân bay Nội Bài và chỉ là nơi hạ cánh khi máy bay không thể hạ cánh xuống sân bay Nội Bài, cho nên thành phố cần đề nghị tổng cục hàng không tiếp tục quan tâm đầu tư cho sân bay Cát Bi, kéo dài đường băng tới 3200m, trở thành sân bay quốc tế của khu vực châu Á, Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Hiện nay sân bay Cát Bi đã mở chuyến bay Hải Phòng - thành phố Hồ Chí Minh, thu hút được một lượng lớn khách du lịch từ các tỉnh thành phố phía nam. Đây là một lợi thế rất lớn cho du lịch của Hải Phòng nói chung. (Hoàng Văn Cường, 2008:45).

1.2.2.4. Lao động du lịch

Số lượng và chất lượng lao động trong du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch. Lao động trong du lịch bao gồm lao động trực tiếp và lao động gián tiếp. Lao động trực tiếp là lao động trong các cơ sở như: nhà hàng, khách sạn, các doanh nghiệp lữ hành, các cơ sở dịch vụ khác...; lao động gián tiếp là lao động tham gia vào các hoạt động liên quan đến du lịch.

Lực lượng lao động của thành phố Hải Phòng đến nay là 911.860 người, chiếm tỷ lệ 51,11% tổng dân số trong độ tuổi lao động. Hàng năm giải quyết việc làm được cho 30 nghìn lao động, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm từ 8,1% năm 1996 xuống dưới 7% năm 2003. Trung bình hàng năm có trên 10.000 lượt người tham gia

học nghề ở các trung tâm và trường dạy nghề của thành phố, quận, huyện. Bình quân hàng năm có trên 17,5 nghìn lao động được đào tạo, đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 25%. theo báo cáo của sở du lịch thì số lao động năm 2000 là 16.500 người, đến 2005 tăng lên 27.000 người (chiếm tỷ lệ 10,19% tổng số lao động trong khu vực thương mại - dịch vụ). Tỷ lệ lao động bình quân trên một phòng khách sạn ở Hải Phòng năm 2005 là 0,69 (mức trung bình của cả nước là 1,4), cho thấy các dịch vụ bổ sung đi kèm còn thiếu.

Trình độ nghiệp vụ của đội ngũ lao động du lịch trong những năm qua đã được cải thiện và nâng cao rõ rệt. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ buồng, bàn, lễ tân chiếm tỉ trọng cao, trên 60% tổng số lao động ngành, số lao động có trình độ đại học, cao đẳng cũng chiếm tỷ trọng 25%. (Hoàng Văn Cường. 2008:46).

Bảng 3: Chất lượng nguồn lao động du lịch Hải Phòng

Chỉ tiêu	Năm					
	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số lao động	16.500	18.600	21.805	24.336	26.000	27.000
Trong đó:						
- <i>ĐH và CĐ</i>	<i>3.900</i>	<i>4.700</i>	<i>5.509</i>	<i>6.150</i>	<i>6.570</i>	<i>6.822</i>
- <i>Trung cấp nghề</i>	<i>10.200</i>	<i>11.100</i>	<i>13.012</i>	<i>14.523</i>	<i>15.515</i>	<i>16.103</i>
- <i>Loại khác</i>	<i>2.400</i>	<i>2.800</i>	<i>3.284</i>	<i>3.663</i>	<i>3.915</i>	<i>4.075</i>

(Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng, 2007)

Trên địa bàn thành phố đã thành lập được trường trung học nghiệp vụ du lịch (hiện nay đã trở thành trường Cao đẳng du lịch). Đến cuối năm 2005 đã thu hút được 700 học viên tham gia khóa học đầu tiên của trường. Ngoài ra trung tâm hỗ trợ phát triển du lịch thuộc Sở du lịch đã tổ chức được nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ

ngắn hạn và dài hạn, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên thuyết minh viên điểm du lịch. Bên cạnh đó các trường như: Đại học Dân lập Hải Phòng, Cao đẳng Cộng đồng cũng là nguồn cung cấp lao động du lịch có chất lượng.

1.2.3. Khách du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch

Hải Phòng là thành phố có nhiều điều kiện và tài nguyên du lịch thuận lợi. Trong những năm qua, cùng với đà phát triển của ngành du lịch Việt Nam, du lịch Hải Phòng cũng không ngừng lớn mạnh, đã thu hút được một số lượng lớn khách du lịch quốc tế cũng như khách du lịch nội địa.

Bảng 4: Lượng khách du lịch đến Hải Phòng giai đoạn 2003-2007

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm				
		2003	2004	2005	2006	2007
Tổng lượt KDL	1000 LK	1.680	2.100	2.393	2.963	3.620
Khách quốc tế	1000 LK	350	440	558	606	719
Khách nội địa	1000 LK	1.330	1.660	1.834	2.357	2.901

(Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng, 2007)

Hải Phòng là địa phương giàu tiềm năng du lịch, nhưng nằm trong bối cảnh chung của cả nước, trước đây khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng chủ yếu là khách đến tham quan, nghỉ dưỡng ký kết theo các hiệp định hợp tác trao đổi giữa Việt Nam với các nước, đặc biệt là các nước Đông Âu. Vì vậy lượng khách hết sức hạn chế, không tương xứng với tiềm năng du lịch của thành phố.

Trong những năm gần đây, nhu cầu du lịch ngày càng tăng lên bởi những lí do khách quan và chủ quan, trong đó nhân tố quan trọng hàng đầu là nhờ chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và nhà nước (đặc biệt từ khi có nghị quyết 45/CP của chính phủ về đổi mới quản lý và phát triển ngành du lịch và chỉ thị 46/CT-TW của ban bí thư trung ương Đảng). Nhờ có những chính sách đúng đắn kịp thời mà kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật ổn định và phát triển với tốc độ cao; chính trị, an ninh quốc

phòng được đảm bảo, mức sống của người dân được nâng cao, thu nhập gia tăng, đời sống được cải thiện, điều kiện về giao thông ngày càng thuận lợi. Hơn nữa, quyết định của Chính phủ về việc giảm thời gian lao động xuống còn 40h/tuần và thời gian nghỉ tăng lên 2 ngày... cũng là một nhân tố quan trọng làm cho nhu cầu du lịch tăng lên.

Cùng với xu hướng đó, hoạt động kinh doanh du lịch Hải Phòng cũng khá phát triển. Địa bàn du lịch được mở rộng; các điểm danh thắng được tôn tạo, nâng cấp; các khu vui chơi giải trí được xây dựng; hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch được quan tâm đầu tư phát triển... Điều này đã tạo nên những chuyển biến rõ rệt trước hết về số lượng khách du lịch đến Hải Phòng từ năm 2003-2007, tốc độ tăng trưởng trung bình năm đạt 18,50%. Đây thực sự là một tín hiệu đáng mừng đối với du lịch Hải Phòng nói riêng và cả vùng duyên hải Đông Bắc cũng như toàn bộ vùng du lịch Bắc bộ nói chung.

Trong những năm gần đây, cùng với sự quan tâm và đầu tư của nhà nước về xây dựng cơ sở hạ tầng, ngành du lịch Hải Phòng cũng chú trọng nhiều hơn cho công tác tuyên truyền quảng bá nên lượng khách đến du lịch Hải Phòng ngày một tăng. Khách quốc tế đến Hải Phòng có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2003-2007 đạt 18,75%. Khách nội địa chiếm tỷ trọng khoảng 80% ,với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2003-2007 đạt 17,90%.

Đến tháng 4/2008, du lịch Hải Phòng ước tính đón và phục vụ 323.055 lượt, tăng 14,35% so với tháng trước và 2,43% so cùng kỳ năm 2007, đạt 100,95% kế hoạch tháng. Trong đó khách quốc tế là 68.350 lượt, tăng 2,73% so tháng trước và 10,25% so cùng kỳ năm 2007, đạt 102,01% kế hoạch tháng. Doanh thu ước đạt 91,632 tỉ đồng, tăng 7,88% so tháng trước và 10,56% so cùng kỳ năm 2007, đạt 101,81% kế hoạch tháng. Trong 4 tháng đầu năm 2008, tổng lượt khách đạt 1.049.056 lượt, trong đó khách quốc tế là 266.534 lượt. Doanh thu đạt 316.390 tỉ đồng. Các chỉ tiêu tháng 4/2008 đều đạt và vượt kế hoạch tháng. Nguyên nhân chủ yếu do là du lịch Cát Bà đã tổ chức tốt khai trương du lịch hè 1- 4 và tháng 4 là tháng khởi đầu mùa du lịch biển.

Theo thống kê của Sở văn hóa thể thao và du lịch, hiện nay, khách du lịch đến Hải Phòng còn chi tiêu khá nhiều vào dịch vụ lưu trú và ăn uống. Cơ cấu chi tiêu này

chưa hợp lý và chưa đem lại hiệu quả kinh tế cao trong kinh doanh du lịch. Chi tiêu cho lưu trú và ăn uống chỉ có giới hạn nhất định, muốn tăng nguồn thu thì phải hướng cho khách chi tiêu nhiều hơn vào các dịch vụ bổ sung khác như mua sắm hàng lưu niệm, vui chơi giải trí - thể thao, vận chuyển, tư vấn tham quan... Với mục tiêu đó, việc xây dựng các sản phẩm du lịch để điều chỉnh cơ cấu chi tiêu của khách cho hợp lý và có hiệu quả là rất cần thiết. Muốn vậy, du lịch Hải Phòng cần tăng cường các dịch vụ bổ sung khác nhằm kích thích sự chi tiêu của khách du lịch. Theo xu hướng chung của cả nước cũng như trong khu vực, với điều kiện thực tế của Hải Phòng, cơ cấu chi tiêu của khách sẽ dần chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ lệ chi tiêu cho lưu trú và ăn uống, tăng dần các dịch vụ khác (vận chuyển, mua sắm...).

1.2.3.1. Khách du lịch quốc tế

Khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng bằng nhiều con đường khác nhau, nhưng chủ yếu là theo đường bộ từ Hà Nội và Quảng Ninh (từ Quảng Ninh tới chủ yếu là khách Trung Quốc) và đến từ các thành phố lớn ở phía Nam như thành phố Hồ Chí Minh, Huế và Đà Nẵng bằng đường hàng không.

Kết quả phân tích thị trường thời gian qua cho thấy, khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng chủ yếu vẫn là khách Trung Quốc và nguồn khách này đang chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong cơ cấu khách du lịch đến Hải Phòng. Từ tháng 3/1996, Hải Phòng được Chính phủ cho phép đón khách du lịch Trung Quốc đi bằng “*giấy thông hành xuất nhập cảnh*” qua cửa khẩu Móng Cái đến Hải Phòng và đến tháng 7/1997 Chính phủ cho phép thành phố đón khách du lịch Trung Quốc đi bằng “*giấy thông hành xuất nhập cảnh*” theo đường biển cập cảng Hải Phòng nên lượng khách du lịch Trung Quốc đến Hải Phòng đã tăng lên. Năm 1997, Hải Phòng mới đón được hơn 10.000 lượt khách Trung Quốc (chiếm khoảng 15% tổng lượng khách quốc tế đến Hải Phòng) nhưng đến năm 2000 đã có 125.000 lượt khách Trung Quốc vào Hải Phòng (chiếm 61% lượng khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng) và đến năm 2005 lượng khách Trung Quốc đã chiếm hơn 70% tổng lượng khách quốc tế đến Hải Phòng. Ngoài ra còn có các thị trường khách Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan, Nhật Bản, Nga, Pháp...

Ngày lưu trú của khách quốc tế: khách đến Hải Phòng trung bình lưu trú dao động từ 1,43 - 1,50 ngày/khách. (Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng, 2007)[11].

1.2.3.2. Khách du lịch nội địa

Trái ngược với khách quốc tế, khách nội địa liên tục tăng từ năm 1999 trở lại đây. Nguyên nhân cơ bản là chính sách giảm giờ làm, tăng thời gian nghỉ ngơi cho cán bộ viên chức nhà nước, chính sách tiền lương được điều chỉnh, đời sống nâng cao đó tạo điều kiện cho người dân có cơ hội đi du lịch nhiều hơn.

Thị trường khách nội địa chiếm tỷ trọng 80% so với tổng lượng khách đến Hải Phòng. Các điểm du lịch hấp dẫn như Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Long Châu, Đồ Sơn, hòn Dấu, cùng với các lễ hội như lễ hội chọi trâu Đồ Sơn...tại Hải Phòng thực sự là điểm du lịch hấp dẫn đối với khách nội địa, đặc biệt là vào các dịp hè, lễ hội...Tuy nhiên loại hình du lịch của Hải Phòng còn đơn điệu, thiếu hẳn nơi vui chơi giải trí thể thao hấp dẫn khách, nhất là khách nghỉ cuối tuần nên lượng khách đến nghỉ ở Hải Phòng vẫn còn ít so với Hà Nội và Quảng Ninh.

Tốc độ tăng trưởng trung bình về khách du lịch nội địa đạt 17,09% trong giai đoạn 2003 - 2007, một phần do nhu cầu tham quan nghỉ dưỡng của người lao động trong cả nước, đặc biệt là từ Hà Nội, Quảng Ninh và các tỉnh phía bắc, ngoài ra còn một bộ phận người dân Hải Phòng cũng tham gia vào loại hình du lịch cuối tuần, du lịch trăng mật và đặc biệt là do chủ trương phát triển du lịch nông thôn ở một số làng quê ngoại thành... Điều đó có nghĩa rằng, trong tương lai gần thị trường khách nội địa sẽ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của du lịch Hải Phòng.

Ngày lưu trú của khách nội địa đến Hải Phòng trung bình từ 1,15 - 1,25 ngày/khách. Nguyên nhân là do sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống đường giao thông, phương tiện giao thông cả về số lượng và chất lượng trên phạm vi toàn thành phố Hải

Phòng nói riêng và cả nước nói chung đã rút ngắn thời gian di chuyển từ nơi nguồn khách đến Hải Phòng. Bên cạnh đó, sản phẩm du lịch Hải Phòng cũng chưa tạo được sức hấp dẫn và chỗ đứng trên thị trường trong nước nhờ hàng loạt những dự án đầy mạnh phát triển du lịch được xây dựng như: khu khách sạn Trà My, khu du lịch quốc tế Nhà Điều...; thành công của những sự kiện du lịch lớn là nhằm chủ động quảng bá hình ảnh trong các đợt đón khách cao điểm như: đón năm mới, liên hoan du lịch Hải Phòng 2007, du lịch hè, hội thao, hội diễn toàn quốc ngành Văn thư - Lưu trữ, Đại hội thể dục thể thao toàn quốc 2007, liên hoan truyền hình toàn quốc lần thứ 27, hội nghị các trường trung học phổ thông chuyên toàn quốc, hội nghị hợp tác hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh lần thứ 3, hội nghị mạng lưới các khu di sản, khu dự trữ sinh quyển và công viên địa chất thế giới tại Việt Nam... đã “giữ chân” khách lưu lại lâu hơn.

Bảng 5: Lượng khách du lịch nội địa đến Hải Phòng (2003 - 2007)

Các tiêu chí	Đơn vị tính	Năm					Tăng bình quân(%)
		2003	2004	2005	2006	2007	
Tổng lượt khách du lịch	Nghìn lượt	1.680	2.100	2.393	2.963	3.620	18,45
Khách du lịch nội địa	Nghìn lượt	1.330	1.660	1.834	2.357	2.901	17,90
Ngày lưu trú bình quân	Ngày	1,15	1,20	1,25	1.25	1,25	-

(Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng, 2007)

1.2.3.3. Doanh thu du lịch

Doanh thu du lịch là doanh thu từ lưu trú và ăn uống, từ vận chuyển khách du lịch, từ các dịch vụ khác, từ kinh doanh lẻ hành... Trên thực tế những khoản thu này không phải chỉ do ngành du lịch trực tiếp thu mà còn do nhiều ngành khác có tham gia hoạt động du lịch thu. Ngoài ra còn có nhiều ngành kinh tế - xã hội tham gia phục vụ cho cả khách du lịch (y tế, ngân hàng, bưu điện, phim ảnh, bảo hiểm...). Trong trường hợp này một phần chi tiêu của khách du lịch do các ngành khác trực tiếp thu.

Ở các nước tiên tiến có hệ thống thống kê hoàn chỉnh thì tất cả các khoản thu từ khách du lịch đều được thống kê cho ngành du lịch. Tuy nhiên ở nước ta nói chung và ở Hải Phòng nói riêng, việc thống kê các khoản chi trả của khách còn bị hạn chế, phân tán, chính vì vậy mà theo thống kê, sự đóng góp của ngành du lịch trong nền kinh tế còn thấp. Trên thực tế có những doanh nghiệp du lịch tham gia hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh tổng hợp nhưng doanh thu lại tính cho ngành du lịch là không hợp lý.

Tổng thu nhập của ngành du lịch thành phố Hải Phòng trong những năm qua đã có sự tăng trưởng đáng kể. Nếu như năm 1995, tổng thu nhập của toàn ngành du lịch mới đạt 58,2 tỷ đồng thì đến năm 2000 đã tăng lên gấp gần 4 lần và đạt mức 231 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995 - 2000 là 31,75%. Đến năm 2005 (tức là sau 10 năm thực hiện quy hoạch), thu nhập du lịch đã đạt mức 552 tỷ đồng, tăng gấp 9,5 lần so với khi bắt đầu thực hiện quy hoạch và giai đoạn 2000 - 2005 đạt 10,77%. Chính do điểm xuất phát của du lịch Hải Phòng thấp nên trong giai đoạn đầu của sự phát triển, tốc độ tăng trưởng ở mức cao, những năm tiếp theo, du lịch Hải Phòng vẫn duy trì được mức tăng trưởng đáng khích lệ.

Cơ cấu thu nhập du lịch vẫn chủ yếu là từ dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm 65 - 75%). Thu nhập từ các dịch vụ du lịch khác như bán hàng lưu niệm, vận chuyển, đổi tiền, bưu chính, vui chơi giải trí ... chỉ chiếm khoảng từ 25% - 35% tổng thu nhập.

Bảng 6: Thu nhập ngành du lịch của Hải Phòng thời kì 1995 - 2005

(Không kể thu nhập ngoài xã hội)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Đơn vị	1995	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Thu nhập du lịch	58,2	125,8	131,09	182,62	231,0	283,0	363,0	404,0	470,0	552,0
%Tăng trưởng so với năm trước	-	116,15	4.2	39.3	26.5	22.5	28.3	11.3	16.3	17.4
Nộp vào NSNN	-	-	-	-	32	7,94	39,37	41,3	43,08	49,40

(Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng, 2007)

1.2.4. Định hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới

Trên cơ sở đánh giá tài nguyên cũng như hiện trạng hoạt động du lịch của thành phố những năm vừa qua, Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng đã đưa ra những định hướng nhằm phát triển du lịch Hải Phòng từ nay đến năm 2020:

- Hoàn thành quy hoạch chi tiết các vùng trọng điểm du lịch thống nhất với quy hoạch tổng thể không gian đô thị của thành phố.
- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, tập trung khai thác đầu tư phát triển du lịch ở các đảo Cát Bà, Đồ Sơn. Xây dựng thành công các sản phẩm du lịch mới, mang bản sắc văn hóa đặc trưng Hải Phòng.
- Tăng cường đầu tư cho quảng bá, xúc tiến du lịch nhằm tạo ấn tượng tốt đẹp về hình ảnh Hải Phòng trong lòng du khách.
- Nâng cấp sân bay Cát Bi thành sân bay quốc tế.

- Xây dựng trung tâm hỗ trợ giới thiệu sản phẩm làng nghề quảng bá du lịch để Hải Phòng trở thành trung tâm đào tạo, cung cấp nhân lực cho du lịch và quảng bá, xúc tiến du lịch vùng duyên hải Bắc bộ.

- Đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước theo hướng chuyên môn hóa, xây dựng đơn vị lõi hành mạnh ngang tầm những đơn vị lõi hành lớn của cả nước. (Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng, 2007)

Tiểu kết chương 1

Tài nguyên du lịch của Hải Phòng tương đối phong phú và đa dạng bao gồm vị trí địa lý, địa hình cảnh quan, hệ sinh thái động thực vật, các di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc, phong tục tập quán, các lễ hội truyền thống, văn hóa ẩm thực, làng nghề, trò chơi dân gian có sức hấp dẫn lớn. Đặc biệt Hải Phòng có vườn quốc gia Cát Bà với cảnh quan và các hệ sinh thái rừng, biển hấp dẫn, được đánh giá là một trong những điểm đến có tiềm năng du lịch vào loại lớn nhất của vùng du lịch Bắc Bộ và của cả nước.

Tiềm năng tài nguyên là một lợi thế quan trọng tạo tiền đề cho việc phát triển một số loại hình du lịch thích hợp, đặc biệt là du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cuối tuần, góp phần đẩy mạnh ngành du lịch Hải Phòng phát triển với nhịp độ nhanh hơn nữa trong những năm tới.

Thực trạng phát triển du lịch của Hải Phòng trong những năm qua tuy đã có những bước phát triển đáng mừng, nhưng có thể nói là vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt nhiều tài nguyên du lịch vẫn còn bị bỏ ngỏ, như các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng là một ví dụ điển hình. Để du lịch thành phố phát triển thì việc khai thác và bảo tồn các nguồn tài nguyên một cách hợp lý là vấn đề cần được chú trọng và đầu tư đúng mức.

CHƯƠNG 2:

CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC PHÁP TẠI HẢI PHÒNG

2.1. Vài nét về kiến trúc châu Âu và kiến trúc Pháp

2.1.1. Lịch sử hình thành của kiến trúc châu Âu - ảnh hưởng của kiến trúc Hy Lạp và La Mã

Nói đến kiến trúc Pháp không thể không nói đến cái nôi đã sản sinh và nuôi dưỡng nó, đó là kiến trúc châu Âu, bởi từ trong cội nguồn lịch sử, văn hóa Pháp và văn hóa châu Âu không thể tách rời. Lịch sử của Tây Âu được hình thành từ thế kỷ thứ V_{SCN}, trên cái nền tan rã của đế chế Tây La Mã cổ đại¹, vì vậy xét cho đến cùng, kiến trúc châu Âu chịu ảnh hưởng phong cách của kiến trúc La Mã và sâu xa hơn là phong cách kiến trúc của Hy Lạp cổ đại. Hai nền văn minh Hy Lạp và La Mã được hình thành từ thiên niên kỷ thứ III và thứ I (TCN), là cái nôi của văn minh phương Tây cổ đại, đã phát triển rực rỡ và để lại những ảnh hưởng sâu sắc đến diện mạo văn hóa của Tây Âu trong suốt thời kỳ trung đại. Vì vậy khi ngược dòng trở về với lịch sử của kiến trúc châu Âu không thể không nhắc đến những phong cách kiến trúc cổ đại Hy - La.

2.1.1.1. Kiến trúc Hy Lạp cổ đại

Kiến trúc cổ Hy Lạp tồn tại và phát triển trong suốt 12 thế kỉ, kể từ thế kỉ XII TCN đến thế kỉ I TCN, cùng với kiến trúc La Mã, là cái nôi của kiến trúc cổ điển phương Tây. Kiến trúc Hy Lạp để lại rất nhiều công trình bằng đá làm mẫu mực cho kiến trúc thế giới với vẻ đẹp thanh nhã, có tỉ lệ hài hòa giữa các thành phần kiến trúc và giữa công trình với con người. Hai quần thể kiến trúc công cộng phổ biến trong đô thị Hy Lạp cổ đại lúc bấy giờ là *agora* (quảng trường công cộng, mang tính dân dụng) và *acropol* (là những quần thể kiến trúc với nhiều đền đài, được xây dựng trên những

¹ Năm 476, các bộ tộc du mục người German đã tràn vào lãnh thổ của đế chế Tây La Mã cổ đại, tiêu diệt đế chế này và thành lập nên các quốc gia Tây Âu.

khu đồi cao). Vẻ đẹp của đền đài Hy Lạp cổ đại gắn liền với sự ra đời và phát triển của các loại thức cột.

Thức cột là hệ thống tỷ lệ và hình thức trang trí cột, là cách người Hy Lạp cổ đại tìm kiếm đến cái đẹp lý tưởng. Có 3 loại thức cột cơ bản trong kiến trúc Hy Lạp: **cột Doric** (được hình thành từ một trụ thẳng đứng phình to ở đáy, thường được so sánh với vẻ đẹp khỏe mạnh của người đàn ông cường tráng), **cột Ionic** (có thêm đế cột (*base*) ở phía dưới và đầu cột có hình đệm nhỏ, phía trên có hình xoắn ốc loe ra rồi cuộn vào trong, mang dáng dấp nữ tính, mảnh dẻ và giàu tính trang trí) và **cột Corinth** (có đường nét mảnh mai, giàu trang trí, đầu cột có nhiều chi tiết hoa lệ, giống như một lẵng hoa, đối xứng nhiều chiều và có thể cảm nhận được trong không gian). Những thức cột Hy Lạp đã mang đến cho kiến trúc một hình thức, một sức sống, chịu đựng được thử thách của thời gian, biểu trưng cho vẻ đẹp trong sáng, khỏe mạnh và tinh tế của kiến trúc cổ điển. Thức cột Hy Lạp được xem như biểu tượng của kiến trúc cổ điển.

(http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Hy_L%E1%BA%A1p_c%E1%BB%95_%C4%91%E1%BA%A1i)

Quần thể kiến trúc đẹp đẽ nhất của kiến trúc cổ điển Hy Lạp là Acropole ở thủ đô Athen. Ở đây có 3 kiệt tác là đền Parthenon, đền Erechtyon và cổng Propylaia. Đền Parthenon là đỉnh cao nhất của kiến trúc cổ điển Hy Lạp, là hình ảnh bất diệt được lặp lại trong muôn vàn công trình ở châu Âu, châu Mỹ và nhiều nơi nữa. Đền Erechtyon có một loại cột độc đáo hình người gọi là Cariatit. Kiến trúc cổ Hy Lạp đã tạo nên một hệ thống ngôn ngữ kiến trúc có sức thuyết phục và đã góp phần rất to lớn trong kho tàng nghệ thuật kiến trúc thế giới.

2.1.1.2. Kiến trúc La Mã cổ đại

Đến cuối thế kỉ III (TCN), Đế quốc La Mã làm chủ một vùng đất rộng mênh mông thuộc Địa Trung Hải. Trong nghệ thuật kiến trúc, họ học tập người Hy Lạp. Tiếp theo 3 hệ thống “thức” Hy Lạp nói trên, người La Mã sang tạo thêm 2 loại “thức” nữa là Toscan và Composit. Về mặt kết cấu và phương pháp xây dựng, người La Mã tiên

bộ hơn người Hy Lạp một bước. Trên cơ sở dùng lối tạo dáng công trình bằng thức cột của người Hi Lạp, kết cấu các công trình kiến trúc La Mã có nhiều tiến bộ trong kỹ thuật xây dựng vòm, cuốn bằng đá và nhờ việc tìm ra bê tông thiên nhiên, người La Mã đã thực hiện được những kết cấu không gian lớn.

Thành tựu nổi bật của kiến trúc La Mã là việc xây dựng và qui hoạch đô thị đạt đến đỉnh cao: thành phố được xây dựng theo hình bàn cờ, tại 2 điểm giao nhau của 2 đường theo hướng Đông - Tây và Bắc - Nam là một quảng trường trung tâm, cửa ngõ dẫn vào các thành phố là các Khải Hoàn Môn, trong thành phố có hệ thống cấp, thoát nước hoàn chỉnh cùng nhiều kiểu thức công trình khác như đấu trường, nhà tắm, dinh thự, cung điện, đền thờ... Những công trình kiến trúc La Mã nổi tiếng nhất là Đấu trường Colosseums (hình elip với đường kính là 156m và 186m, tường bao quanh cao 4.8m, khán đài chứa được 45.000 người); Nhà tắm công cộng Caracalla (sức chứa 1.600 người) và Đền Panthéon (có một mái vòm hình cầu đường kính 45m, giữa chòm cầu là một cửa trời đường kính 9m để lấy ánh sáng). Đặc biệt, đấu trường Colosseums là nguyên mẫu cho hầu hết các sân vận động lớn trên thế giới từ trước tới nay.

Đặc điểm chung của kiến trúc La Mã là quy mô kiến trúc đồ sộ, tường dày, hoành tráng bề thế, gây ấn tượng về sức mạnh, quyền lực, tạo cảm giác về một sự bền vững lâu dài, nhiều công trình đã chịu đựng được thử thách của thời gian. Nếu nghệ thuật Hy Lạp tìm đến một sự hài hòa giữa hình thức và cấu trúc, giữa kiến trúc và trang trí, thì kiến trúc La Mã, ngược lại, lại là một nghệ thuật ứng dụng nhằm đáp ứng tính cách sôi động và thực dụng của người La Mã (<http://06dk2.forumotion.com/forum-f5/topic-t141.htm>)

Và những đặc điểm này đã được đem vào trong kiến trúc châu Âu nói chung và kiến trúc Pháp nói riêng để tạo nên những phong cách kiến trúc đầy sáng tạo, độc đáo, ấn tượng mà vẫn không làm mất đi vẻ đẹp hài hòa.

2.1.2. Kiến trúc Pháp trên cái nền của kiến trúc châu Âu

2.1.2.1. Những phong cách kiến trúc thời trung đại

Trên cơ sở những ảnh hưởng của kiến trúc Hy - La cổ đại, từ thế kỷ X - XII, ở châu Âu xuất hiện một phong cách kiến trúc mới, được gọi là **phong cách Roman** (hay Romanesque, xuất xứ từ “Rome”, tức La Mã).

Phong cách Roman có thể bắt đầu ở vùng Normandie, Italia vào thế kỷ thứ 9, nhưng kiến trúc Roman thật sự ra đời cùng với sự xuất hiện của dòng tu Benedictine ở Pháp vào năm 910. Thế kỷ 10, nền kinh tế Pháp phục hồi, Giáo hội thịnh vượng, sự sùng bái các “thánh tích” trở nên cao trào và dòng tín đồ hành hương đi tìm các “thánh vật và thánh cốt” trở nên ngày càng đông đảo và cuồng nhiệt. Bên cạnh các tuyến đường hành hương, Giáo hội xây dựng các tu viện để khách hành hương có thể trú ngụ, ăn uống và làm lễ. Nhà thờ được xây dựng bên trong tu viện, cùng với tu viện trở thành quần thể kiến trúc lớn. Nước Pháp là cái nôi của các kiến trúc nhà thờ xây dựng kèm với các tu viện. Loại nhà thờ này thường được xây dựng cùng với nhà ở của các thầy tu, tu viện, nhà nghỉ... đôi khi gây ấn tượng như một thành phố.

Sau đó, kiến trúc Roman đã được trải dài trên một bình diện rộng, phát triển chủ yếu ở các nước Tây Âu và Trung Âu, gồm Pháp, Anh, Ý, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha... Đặc điểm chung của Kiến trúc Roman là chịu ảnh hưởng của kiến trúc La Mã cổ đại và kiến trúc Byzantine (đế chế Đông La Mã)²; loại hình kiến trúc không đa dạng, phần lớn là kiến trúc tôn giáo như nhà thờ, tu viện và các công trình nhà ở, thành quách pháo đài có tính chất phòng thủ của giai cấp phong kiến.

Bên cạnh đó, kiến trúc Roman không có quy mô lớn và cầu kỳ như kiến trúc La Mã cổ đại, phần nhiều công trình có mặt ngoài thô ráp, ít yếu tố trang trí, kiến trúc

² Do lãnh thổ quá rộng lớn, năm 395, La Mã bị phân chia thành hai phần: Đông La Mã đóng đô ở Constantinople, Tây La Mã đóng đô ở Roma. Sau khi Tây La Mã bị tiêu diệt vào năm 476, Đế quốc Đông La Mã đi vào con đường phong kiến hóa và trở thành đế quốc Byzantium, tồn tại đến năm 1453 thì bị Thổ Nhĩ Kỳ tiêu diệt.

nặng nề, sử dụng cửa đi và cửa sổ kích thước nhỏ, ít ánh sáng. Về kết cấu, sử dụng nhiều cuốn cửa trụ, vòm nổi và vòm bán cầu, các loại mái vòm được làm bằng đá và kỹ thuật còn hạn chế nên mặt bằng kiến trúc các bộ phận thường chỉ là vuông, tròn hoặc hình chữ thập La tinh. Kiểu kiến trúc này tuy chắc chắn nhưng tốn nhiều vật liệu, nhà cửa đều giống các lô cốt với tường dày, cửa sổ nhỏ, cột thô. Nhìn chung cấu trúc bên ngoài hơi nặng nề, kém sự thanh thoát, hài hòa. Một trong những tác phẩm xuất sắc của kiến trúc này là quần thể tôn giáo Pisa (thế kỷ XI-XIII) là tác phẩm của kiến trúc Roman Italia, thể hiện sự kết nối truyền thống với kiến trúc La Mã. Quần thể này bao gồm Nhà thờ Pisa (1063-1118, 1261-1272); Nhà rửa tội The Baptistery (1153-1265); Tháp chuông The Campanile (1174-1271) - ngày nay gọi là tháp nghiêng Pisa. Hình khối của cả quần thể cân bằng và hài hòa, nhà thờ ở giữa, nhà rửa tội và tháp chuông đều có hình dáng hài hòa, đều là hình khối trụ (một dạng khối platong) nhưng một bên to hơn và cao vừa phải, một bên nhỏ hơn và có chiều cao lớn. Cả ba công trình phía bên ngoài đều được làm bằng đá vôi thạch trắng và hồng xen kẽ nhau, trang trí mặt tiền bằng các cuốn nửa tròn tương tự giữa các tầng với nhau, tạo nên vẻ thống nhất tinh tế. (http://vi.wikipedia.org/wiki/Kiến_trúc_Roman)

Kiến trúc Gothic ra đời sau thời kì kiến trúc Roman. Cuối thế kỷ XII, ở miền Tây bắc nước Pháp xuất hiện một kiểu kiến trúc mới gọi là kiến trúc Gothic (Gothique), sau đó được truyền đi khắp châu Âu, phát triển rực rỡ đến thế kỷ XV. Thậm chí, giữa thế kỷ XVIII, phong cách Gothic vẫn rất được ưa chuộng ở Anh và lan rộng khắp Châu Âu trong suốt thế kỷ XIX, sau đó vẫn ảnh hưởng rất mạnh trong các kiến trúc về nhà thờ và trường đại học cho đến tận thế kỷ XX. (http://vi.wikipedia.org/wiki/Kiến_trúc_Gothic)

Kiến trúc Gothic là một bước tiến bộ lớn so với kiến trúc Roman. Kiến trúc Gothic không chắc chắn bằng kiến trúc Roman nhưng nhẹ nhàng đẹp đẽ hơn, nhà có cửa sổ lớn lắp kính màu, cột chạm trổ đẹp, kiểu cửa mái vòm được thay bằng hình lăng nhọn, những bức điêu khắc nhiều hơn, sinh động hơn và tự nhiên hơn. Như vậy, kiến trúc Gothic phản ánh một nền văn hóa cao hơn của thời kỳ thành thị phồn thịnh ở Tây Âu thời trung đại.

Đến ngày nay, nhà thờ Gothic là hình ảnh điển hình của đạo Kito. Nhờ phát minh ra hệ thống cuốn chống tách được phần chịu lực và tường bao che nên nhà thờ có thể làm cao hơn nhiều, mở được nhiều cửa sổ và trong nhà thờ cũng sáng sủa hơn. Cũng nhờ phát minh ra vòm cuốn múi có sống mà mái nhà thờ Gothic cao hơn, rộng hơn, có những cửa sổ chiếu sáng lớn hình tròn, có gắn kính màu, gọi là cửa hoa hồng. Những cửa sổ khác hình vòm cuốn nhọn đầu cũng được gắn tranh kính màu rất nghệ thuật. Nước Pháp là quê hương của kiến trúc Gothic, có nhiều nhà thờ Gothic nổi tiếng thế giới, điển hình nhất là nhà thờ Đức bà ở thủ đô Pari xây dựng từ thế kỉ XII.

Cũng trong khoảng thời gian từ cuối thế kỉ XIV - XVI, ở châu Âu còn xuất hiện một phong cách kiến trúc khác, đó là **Phong cách Phục hưng**. Trên thực tế, phong cách Phục hưng là sự tiếp nối và quay trở lại của phong cách kiến trúc Roman, nhưng đã biến cải ít nhiều những chi tiết nghệ thuật cho phù hợp với yếu tố thời đại và hệ tư tưởng thực dụng của tầng lớp thị dân và giai cấp tư sản mới xuất hiện. Thời kì văn hóa Phục hưng xuất hiện ở Italia từ cuối thế kỉ XIV, sau đó lan sang các nước Anh, Pháp, Đức, Hà Lan... Giai cấp tư sản đang lên đã sử dụng hình thức kiến trúc cổ điển Hy Lạp - La Mã để tạo uy tín cho mình, cho nên ở thời kì Phục hưng, ngôn ngữ kiến trúc cổ điển Hy Lạp - La Mã được sử dụng với nhiều sáng tạo mới, bố cục công trình phức tạp hơn, to lớn hơn. Kiến trúc Phục hưng rất chú ý đến tỉ lệ hài hòa với tầm vóc con người, thường sử dụng toán học để xác định tỉ lệ của công trình. Trong thời kì này xuất hiện nhiều kiến trúc sư tài năng, họ xây dựng rất nhiều những công trình có giá trị ở Italia và trên nhiều nước khác như Michel Angelo, Raphael, Sangalo, Becnini...

Sau Phong cách Phục hưng là Kiến Trúc Baroque. Nghệ thuật Baroque nói chung và Kiến trúc Baroque nói riêng bắt nguồn từ phong trào Chống cải cách của giáo hội Roma, thế kỉ XVII. Nhằm chống lại sự phát triển của Đạo Tin lành, Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã đưa ra một số chương trình chống cải cách tôn giáo để mở rộng thanh thế, uy tín cho nhà thờ. Tất cả các ngành nghệ thuật được triển khai vào công chúng.

Dưới sự chỉ đạo của Giáo hoàng và giáo hội, ở Roma đã hình thành một phong cách kiến trúc mới gọi là Kiến trúc Baroque. "Baroque" có nguồn gốc từ tiếng Bồ Đào Nha: "Barroco", tiếng Tây Ban Nha là "Barrueco", nghĩa là "những viên ngọc không có quy luật hay có hình thù kì dị", là "tất cả những gì không tuân theo các chuẩn mực về tỉ lệ, mà chiều theo tính khí bất thường của nghệ sĩ".

Kiến trúc Baroque vẫn phát triển trên cơ sở kiến trúc Phục hưng nhưng sử dụng nhiều đường cong và trang trí gây ảnh hưởng cảm giác mạnh, sắc, gây kích thích bất ngờ, tạo nên những không gian phức tạp, cường điệu sự tương phản sáng tối, gây những ảo giác không thật về độ to - nhỏ, động - tĩnh, phô trương gồ ghề, mãnh liệt, ồn ào, rất phong phú, kiêu kì và đặc biệt tốn kém. Kiến trúc Baroque là sự vận động liên tục của những bức tường uốn lượn, ấn tượng trong Kiến trúc Baroque được thấy như trong nhà hát, đó là những không gian kịch tính, những luồng ánh sáng chuyển động và sự vang lên của một âm thanh hoàn hảo. Sự uốn lượn của những bức tường với những mặt bằng hình oval, cả những góc nhỏ cũng hình oval, tất cả đều giàu trang trí là đặc điểm của nhà thờ Baroque. Ngoài ra trong Kiến trúc Baroque các thức cột đều có kích thước lớn hơn và thường chồng cao hai tầng, cửa sổ lớn hình chữ nhật, một cửa bé hơn hình tròn, nửa tròn hay hình oval. Nghệ thuật Baroque thường sử dụng loại cột thân vặn để phá vỡ cái cứng nhắc của thể thức kiến trúc mà thời Phục Hưng đã thừa hưởng của Hy Lạp, La Mã cổ đại.

Nền kiến trúc Baroque là sự kết hợp chặt chẽ giữa các kiến trúc sư, các nhà điêu khắc, các nhà hội họa, họ cùng tạo ra một kết quả thống nhất và nhấn mạnh hiệu quả ảo ảnh với mục đích làm cho chiều sâu sâu hơn, chiều dài dài hơn. Tuy nhiên, các công trình của nghệ thuật Baroque còn đến ngày nay không nhiều. Một trong những công trình tiêu biểu cho phong cách kiến trúc rực rỡ, lộng lẫy, hùng vĩ này là nhà hát Opera ở Paris. (18.11.2009.Sự cầu kỳ trong nghệ thuật kiến trúc Baroque, <http://www.toquoc.gov.vn>)

Đầu thế kỉ XVIII, tiếp theo kiến trúc Baroque là **Kiến trúc Rococo**. Xu hướng phong cách nghệ thuật Rococo bắt nguồn từ nước Pháp trong những năm cuối của triều đại vua Louis XIV (1643-1714) và nở rộ dưới thời vua Louis XV (1715 - 1774).

Trong giai đoạn này, Pháp trở thành trung tâm văn hóa châu Âu. Nhà vua muốn uy quyền của mình và của trật tự phong kiến được đề cao nên khuyến khích quan điểm triết học duy lý, đề cao lý tính, đề cao tính qui luật, sự qui củ nghiêm chỉnh. Do đó, trong nghệ thuật kiến trúc, phong cách cổ điển được chọn để đẩy lên một bước nữa, thể hiện sự to lớn đồ sộ, tính qui củ nghiêm ngặt của uy quyền phong kiến. Phong cách kiến trúc cổ điển Pháp rất chú trọng đến tổ hợp quần thể, đến nhịp điệu của kiến trúc. Những tác phẩm thành công nhất thường là các lâu đài cung điện và các công viên. Kết hợp một cách khéo léo cùng với chủ nghĩa anh hùng dưới thời vua Louis XIV, phong cách Rococo đã xuất hiện lần đầu tiên cùng với nhà thiết kế người Pháp Pierre Lepautre, người đã đưa những đường nét uốn lượn và những đường cong vào kiến trúc nội thất trong cung điện của hoàng tộc ở vùng Marly, và sau đó được hưởng ứng bởi đông đảo các nhà kiến trúc, thiết kế, thợ mộc và thợ vẽ.

Thuật ngữ “Rococo”, xuất phát từ từ “rocaille”, được sử dụng vào khoảng những năm 1730 để chỉ một phong cách thiết kế trang trí bắt chước những vách đá và những viên đá tự nhiên. Trong hội họa, phong cách Rococo được thể hiện bởi những màu sắc tinh tế, nơi mà màu hồng, màu xanh lá cây và màu vàng được dùng làm chủ đạo trong các chủ đề thần bí và những câu chuyện ly kỳ của các nhân vật thần thoại.

Trong kiến trúc nội thất, phong cách Rococo đạt tới đỉnh cao tại nước Pháp với việc cải tạo lại khách sạn Soubise ở Paris (1735 - 1740), công trình có sự đóng góp của rất nhiều họa sỹ và nhà trang trí trong đó có Germain Boffrant và Pierre-Alexis Delamair. Quảng trường Stanislas ở thành phố Nancy, được vẽ bởi Héré de Corny, là một ví dụ điển hình.

Phong cách Rococo nhanh chóng phát triển sang các nước châu Âu khác, đặc biệt là Đức và Áo, nơi mà chúng đã kết hợp với phong cách Baroques đang thịnh hành tạo nên một phong cách kiến trúc rất hoang phí, đặc biệt trong các nhà thờ và trong những địa điểm thiêng liêng. Phong cách này đạt tới đỉnh cao trong tác phẩm của nhà kiến trúc và trang trí vùng Bavaria có nguồn gốc Flemish là François de Cuvillies. Ngôi nhà của Amalienburg (1734 - 1739) ở vùng Nymphenburg gần Munich là một ví

dù không cân xứng về sự kết hợp hoàn hảo giữa kiến trúc và trang trí. (Thanh Toán, 2007, <http://thanhlongcollection.wordpress.com/2007/09/19>).

2.1.2.2. Những phong cách kiến trúc thời cận đại

Trào lưu **Kiến trúc Hiện đại** (còn gọi là Phong cách Hiện đại hay Trào lưu Modern - **Modernism**) là một khái niệm rất rộng được sử dụng để miêu tả các công trình khác nhau có các đặc điểm tương đồng về sự đơn giản trong bố cục hình khối không gian, tổ chức mặt bằng tự do phi đối xứng, mặt đứng, loại bỏ việc sử dụng các họa tiết trang trí của trường phái cổ điển cũng như việc sử dụng vật liệu mới như kính, thép, bê tông. Kiến trúc hiện đại là một sự đoạn tuyệt mạnh mẽ với kiến trúc cổ điển, thể hiện một lối tư duy mới của sự phát triển bùng nổ của các xã hội châu Âu cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Vào thế kỉ XIX, ở châu Âu xuất hiện một số vật liệu mới có hiệu quả cao, nhất là bê tông cốt thép. Khoa học kĩ thuật đã được áp dụng vào ngành kiến trúc xây dựng. Các kết cấu của ngôi nhà được tính toán chính xác thay cho kinh nghiệm dựa trên trực giác. Nhiều kiến trúc sư thừa nhận rằng do những tiến bộ về khoa học kĩ thuật mà hệ thống “thức” Hy Lạp - La Mã không phù hợp nữa, trào lưu kiến trúc Cổ điển không còn đủ sức sống, vay mượn và lệ thuộc quá nhiều vào những gì có trong quá khứ, không phản ánh trung thực lại bối cảnh của thời đại công nghiệp. Không những vậy, kiến trúc cổ điển còn trở thành vật cản, trói buộc con người với quá khứ hoặc đánh lừa thị hiếu kiến trúc bằng những yếu tố trang trí diêm dúa và vô nghĩa. cần phải thiết kế và xây dựng những công trình kiến trúc dựa trên cơ sở khai thác khả năng triệt để của vật liệu mới, nhất là thép và bê tông cốt thép. Trào lưu kiến trúc dựa trên cơ sở từ bỏ “thức” cổ điển, phát huy các vật liệu và kĩ thuật mới, từ đó đề ra hệ thống thẩm mỹ của thời đại mới, thời đại khoa học kĩ thuật phát triển, gọi chung là trào lưu Modern. Phát sinh vào cuối thế kỉ XIX, phát triển mạnh mẽ vào những năm đầu thế kỉ XX, trào lưu này có nhiều tên gọi khác nhau như: Art Nouveau, Jugendstil, Modernisme... Nó là tiền thân của các xu hướng kiến trúc hiện đại của thế kỉ XX như Chủ nghĩa công năng,

Kiến trúc hữu cơ, Chủ nghĩa biểu hiện... Các kiến trúc sư nổi tiếng nhất của trào lưu này là: Henri Vandeven, Oguytxto Pero, Vichto Oocta, Hecto Ghina...

Trào lưu chủ nghĩa công năng trong kiến trúc xuất phát từ 3 trung tâm kiến trúc hiện đại sớm nhất Thế giới là trường phái Chicago ở Mỹ vào cuối thế kỉ XIX, trường Bauhaus ở Đức, và chủ nghĩa kết cấu ở Liên Xô vào đầu thế kỉ XX. Nội dung của kiến trúc theo trào lưu này là tính chất hợp lí của dây chuyền công năng được đưa lên làm tiêu chuẩn hàng đầu, các hình khối phải là đơn giản và khước từ mọi trang trí. Hình ảnh chủ yếu của kiến trúc theo chủ nghĩa công năng là những ngôi nhà hình hộp chữ nhật đơn giản khô khan, theo 5 điểm sau: nhà trên cột, mặt bằng tự do, mặt đứng tự do, dài cửa sổ nằm ngang và mái bằng. Người ta thường đồng nhất kiến trúc theo chủ nghĩa công năng với kiến trúc hiện đại vì lí do chủ nghĩa công năng có ảnh hưởng quá rộng lớn trên Thế giới trong suốt hơn nửa đầu thế kỉ XX. (Tôn Thất Đại, 1988).

Kiến trúc hữu cơ phát sinh từ nước Mỹ với thủ lĩnh là kiến trúc sư Prăng Lôirai. Kiến trúc hữu cơ mong muốn tạo nên một môi trường sống của con người nằm trong sự hài hòa hữu cơ toàn diện. Đây là một sự tổng hòa giữa vật liệu và hình thức kiến trúc, giữa bộ phận và toàn thể, giữa con người và ngôi nhà, giữa ngôi nhà và thiên nhiên. Một sự hài hòa của ý chí, tình cảm, khoa học kĩ thuật để đạt tới một sự đơn giản hữu cơ. (Tôn Thất Đại, 1988).

Chủ nghĩa biểu hiện trong kiến trúc xuất hiện từ cuối thế kỉ XIX với Antonio Gaudi, sang những năm 20 của thế kỉ này với Erich Mendenxon và Han Ponxich. Chủ nghĩa biểu hiện là xu hướng nghệ thuật kiến trúc không lấy logic công năng làm yếu tố hàng đầu mà cho rằng mục đích quan trọng nhất của tác phẩm kiến trúc là gây xúc động cho con người, biểu hiện được tính chất nhất định nào đó của con người. (Tôn Thất Đại, 1988).

Ưu điểm của Phong cách kiến trúc Hiện đại là: Dây chuyền công năng được đề cao, hợp lý; Tiết kiệm được không gian giao thông, tiết kiệm vật liệu; Không trang trí phù phiếm; Áp dụng các thành tựu của khoa học và kỹ thuật. Nhưng bên cạnh đó, phong cách này cũng có những hạn chế như: Tính chất khô khan, nghèo nàn về hình

thức, do những giáo lý cực đoan như "trang trí là trọng tội" (Adolf Loos), "Nhà là cái máy để ở" (Le Corbusier)...; Mang tính chất quốc tế, không có tính dân tộc và địa phương; Coi nhẹ sự giao tiếp với thiên nhiên, sự giao tiếp giữa kiến trúc với xã hội, sự giao lưu giữa con người với nhau. (http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Hi%E1%BB%87n_%C4%91%E1%BA%A1i)

Trào lưu kiến trúc Hiện đại kéo dài đến những năm 1970 của thế kỷ XX, và những dấu ấn của nó đã để lại trên rất nhiều công trình nổi tiếng trên thế giới. Người ta cũng có thể tìm thấy bóng dáng của phong cách kiến trúc này tại nhiều vùng đất thuộc địa của các nước phương Tây cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong đó có Việt Nam³.

2.1.2. 3. Đặc điểm riêng của kiến trúc Pháp

Khảo sát qua lịch sử các phong cách kiến trúc ở phương Tây từ cổ đại đến hiện đại, có thể thấy rằng, Pháp là một trong những cái nôi vừa góp phần bảo lưu, gìn giữ các phong cách kiến trúc cổ điển, lại vừa góp phần sáng tạo ra những phong cách kiến trúc mới hết sức độc đáo và ấn tượng. Kiến trúc Pháp kế thừa những nét đẹp của kiến trúc cổ điển Hy Lạp - La Mã, cái nôi chung của kiến trúc châu Âu. Cũng giống như nhiều quốc gia châu Âu khác, phong cách kiến trúc Pháp mang hơi hướng vẻ đẹp thanh thoát của phong cách Hy Lạp - La Mã, với những kiểu “thức” căn bản: thức Doric, thức Ionic và thức Corinth, hay thậm chí cả những kiểu thức tiên bộ của người La Mã như Toscan và Composit. Lịch sử kiến trúc thế giới nói chung và lịch sử kiến trúc châu Âu nói riêng đã để lại rõ nét từng dấu ấn trên bước phát triển của mình trong kiến trúc Pháp. Chính vì thế mà có thể nói rằng kiến trúc Pháp được thừa hưởng những tinh hoa của kiến trúc nhân loại.

Nhưng cũng từ nước Pháp, nhiều phong cách kiến trúc tiêu biểu đã được hình thành và lan rộng ra toàn châu Âu như phong cách kiến trúc Roman, kiến trúc Gothic,

³ Hiện nay, **kiến trúc Hậu hiện đại** (Postmodernism) đã thay thế cho kiến trúc Hiện đại, bắt đầu từ cuối thập niên 1950, kéo dài đến thời điểm hiện tại với những đặc điểm như: Xu hướng quay về với cổ điển, sự xuất hiện của các chi tiết trang trí, tính đa nghĩa của biểu tượng trong kiến trúc...

kiến trúc Rococo. Các kiến trúc sư Pháp cũng là những người đi đầu trong việc tạo dựng nên những thể thức kiến trúc mới trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị cổ điển Hy - La với bản sắc văn hóa Pháp cũng như với dấu ấn và hơi thở của thời đại để tạo ra những công trình và phong cách rất riêng. Có thể nói không sai rằng, kiến trúc châu Âu trong thời kỳ trung đại thấm đẫm tinh thần của văn hóa Pháp - một nền văn hóa vừa năng động vừa sáng tạo vừa thực dụng song vẫn giữ được nét kiêu sa và vẻ đẹp diễm lệ, kỳ vĩ vốn là đặc trưng chung của kiến trúc cổ điển phương Tây. Một đặc điểm nữa dễ nhận thấy là các kiến trúc sư Pháp ít khi chịu bó buộc năng lực sáng tạo của mình trong một khuôn khổ nhất định mà thường xuyên tìm tòi, kết hợp nhiều phong cách, nhiều trường phái kiến trúc với nhau. Hơn thế nữa, họ còn rất chú trọng phối kết hợp với không gian hay bối cảnh cụ thể của nơi đặt kiến trúc đó, nhằm tạo ra những công trình mang tính thực dụng cao mà vẫn có hồn. Triết lý sáng tạo này không chỉ được ứng dụng cho những công trình kiến trúc trên đất Pháp mà còn được người Pháp áp dụng tại những cơ sở thuộc địa của họ như Algérie, như Việt Nam... Nhờ đó mà ngày nay chúng ta có thể nói đến một phong cách kiến trúc Pháp đặc trưng trên cái nền chung của kiến trúc châu Âu.

Trong những năm đầu của thế kỉ XVI, người Pháp đã tham gia vào cuộc chiến tranh ở miền bắc Italy. Cuộc chiến tranh này đã mang lại cho Pháp một kho tàng nghệ thuật thời Phục hưng như một chiến lợi phẩm của họ, nhưng không vì thế mà không có những ý tưởng phá cách. Trong thung lũng Loire một làn sóng xây dựng được tiên hành theo phong cách thời Phục hưng. Một trong những ví dụ đầu tiên của thời kỳ này là Chateau d'Amboise, và công trình này nổi tiếng còn bởi Leonardo Da Vinci đã dành ngày cuối cùng trong cuộc đời ông ở đây. Cũng chính vì những sự phá cách và sáng tạo như vậy nên trong nghệ thuật kiến trúc thế giới người ta còn nhắc đến một phong cách kiến trúc rất đặc trưng của người Pháp, đó là trường phái **Tân cổ điển Pháp**. Bằng chứng hiển nhiên về kiến trúc Hy Lạp có tầm ảnh hưởng rất ít tới người Pháp là: người Pháp luôn tìm cách phân biệt các nguyên tắc của người Hy Lạp thay vì chỉ thực hành theo họ.

Pháp Baroque là một hình thức chịu ảnh hưởng sâu sắc phong cách kiến trúc Baroque Ý nhưng đồng thời vẫn thể hiện sự tôn trọng, được thừa kế phong cách kiến trúc truyền thống Pháp. Đó là sự nổi bật của các chi tiết nghệ thuật trang trí, một bước chuyển để hình thành nên phong cách kiến trúc Rococo.

Rococo phát triển đầu tiên trong nghệ thuật trang trí và thiết kế nội thất. Louis XIV đã mang đến một sự thay đổi trong tòa án và các nghệ sĩ thời trang nghệ thuật nói chung. Vào cuối triều đại của Louis XIII, Baroque với kiểu dáng phong phú đã được đưa ra “chỉnh sửa” để các thành phần nhẹ hơn với các đường cong hơn và các mẫu tự nhiên. Rococo vẫn duy trì vị Baroque cho các loại hình phức tạp và các mô hình phức tạp, nhưng thời điểm này, nó đã bắt đầu để tích hợp một loạt các đặc điểm đa dạng, bao gồm một hương vị cho các thiết kế phương Đông và thành phần bất đối xứng. Phong cách này đã lan tràn ra ngoài kiến trúc và nội thất để vẽ tranh và điêu khắc. Các phong cách Rococo lây lan với các nghệ sĩ Pháp và các xuất bản phẩm. Nó đã dễ dàng được chấp nhận trong các bộ phận Công giáo của Đức, Bohemia và Áo, nơi nó được sáp nhập với Baroque sống động truyền thống của Đức.

Một trong những đặc điểm đặc biệt nhất của Pháp là nhiều tòa nhà cao cửa sổ, thường cong ở đầu, mà break qua đường viền và tăng trên mái hiên. Cửa sổ thiết kế khác thường này là điểm đặc biệt đáng chú ý của kiến trúc Pháp. Những ngôi nhà bằng gạch hoặc bằng vữa được chính thức sử dụng. Họ đã dốc mái nhà và tạo nên các hình vuông với các cửa sổ hình dạng đối xứng cân bằng ở hai bên lối vào.

Trong thời gian giữa những năm 1800 khi Napoleon III đã thành lập Đế chế thứ hai, Paris trở thành một thành phố quyến rũ của các tòa nhà. Nhiều nhà cửa đã được tôn tạo với chi tiết như ghép nối các cột và xây dựng wrought sắt cresting xuất hiện cùng mái nhà. Nhưng tính năng nổi bật nhất ngay từ thời kỳ này là, dốc boxy gác ở sát mái nhà Bạn có thể nhận ra một mái nhà gác ở sát mái nhà bởi nó có hình thang. Không giống như một hình tam giác hồi một gác ở sát mái nhà có mái dốc gần như không có. Điều này gần như tạo ra một cảm giác thật sự khác biệt, và cũng cho phép có thể sử dụng thêm không gian sống trong gác mái.

Trong vùng Normandy và các thung lũng Loire của Pháp, silo trang trại thường gắn liền với các khu sinh hoạt chính thay vì một chuồng riêng biệt. Sau Thế chiến I, người Mỹ đã lãng mạn hóa các trang trại truyền thống của Pháp, tạo ra một phong cách được gọi là Pháp Normandy. Đúng về phía đá, vữa, hoặc gạch, những ngôi nhà này có thể đề xuất các phong cách Tudor với một nửa trang trí gỗ (dọc, ngang, và các dải đường chéo bằng gỗ đặt trong tường). Các phong cách Normandy của Pháp được phân biệt bởi một tháp đá tròn đứng đầu bởi một mái hình nón. Tháp thường được đặt gần trung tâm, phục vụ như là lối vào nhà. Pháp Normandy và chi tiết kiến trúc của các địa phương Pháp thường được kết hợp để tạo ra một phong cách đơn giản gọi là tiếng Pháp khắc hoặc dập nổi trên đường gờ dọc và hành lang. (Xavier Barral I Atlet, 2005).

Và như vậy với những đặc trưng riêng của mình, kiến trúc Pháp xứng đáng là một nền nghệ thuật lớn của nghệ thuật kiến trúc thế giới. Kiến trúc Pháp không chỉ ảnh hưởng sâu sắc tới các phong cách kiến trúc của châu Âu, mà theo bước chân của các đoàn quân viễn chinh Pháp, nền nghệ thuật này đã có mặt ở nhiều vùng đất xa xôi trên thế giới, tại cả những vùng đất có những điều kiện hoàn toàn khác biệt về tự nhiên, khí hậu và bản sắc văn hóa - như Việt Nam.

2.2. Quá trình du nhập của kiến trúc Pháp vào Việt Nam và Hải Phòng

2.2.1. Quá trình du nhập của kiến trúc Pháp vào Việt Nam

Theo kiến trúc sư Hoàng Đạo Kính, trong lịch sử phát triển nền kiến trúc Việt Nam thì thời cận đại trùng với thời thực dân Pháp cai trị. Đó là một thời kỳ chuyển tiếp hết sức quan trọng trong sự phát triển kiến trúc Việt Nam, đô thị Việt Nam. Bởi từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, kiến trúc Việt Nam là kiến trúc truyền thống, kiến trúc gỗ. Người phương Tây, cụ thể là người Pháp, đã đưa vào Việt Nam một nền kiến trúc mới của châu Âu tương ứng với công nghệ mỹ thuật châu Âu và như thế tạo ra một thời kỳ chuyển tiếp giữa kiến trúc truyền thống sang kiến trúc hiện đại hôm nay. Tuy nhiên, trước khi thực dân Pháp chính thức cai trị và du nhập kiến trúc của họ vào nước ta, trên thực tế, ở Việt Nam đã xuất hiện nhiều công trình mang dáng dấp của kiến trúc

phương Tây đến từ quá trình giao lưu văn hóa tự nhiên hay do chính triều đình phong kiến Việt Nam chủ động học tập, vay mượn. Vì thế, có thể tạm chia quá trình du nhập của kiến trúc phương Tây nói chung và kiến trúc Pháp nói riêng vào Việt Nam qua hai thời kỳ: thời phong kiến và thời Pháp thuộc.

2.2.1.1. Thời phong kiến

Người châu Âu đến Việt Nam từ thế kỉ XVI. Việc truyền bá đạo Thiên chúa vào nước ta cũng đồng thời là quá trình xâm nhập của các phong cách kiến trúc Roman, Gothic vào kiến trúc Việt Nam. Ở châu Âu, những phong cách này rất đặc trưng cho kiến trúc đạo Ki tô. Những nhà truyền giáo đi theo những tàu buôn và truyền bá đạo vào nước ta, cũng đồng thời đưa các công trình kiến trúc tu viện và nhà thờ vào Việt Nam. Tuy nhiên, dấu vết của các phong cách kiến trúc Roman và Gothic trong thời kỳ này còn rất mờ nhạt, thiếu những công trình tu viện hoành tráng, mà chỉ thấy thấp thoáng qua hình ảnh của một số nhà thờ nhỏ. Phải đợi đến thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp đã đứng chân vững ở Việt Nam mới thấy xuất hiện các công trình nhà thờ tu viện mang tính qui mô như nhà thờ Đức Bà tại Sài Gòn (1880), nhà thờ lớn Hà Nội (1887). Ngoài ra, Nhà thờ đá Phát Diệm được xây dựng xong vào năm 1896 là sự kết hợp hết sức độc đáo giữa kiến trúc thánh đường châu Âu với kiến trúc truyền thống Việt Nam.

Bên cạnh các công trình của đạo Thiên chúa, cuối thế kỉ XVIII, nhà Nguyễn đã nhờ một số võ quan và lái buôn người Pháp giúp đỡ thiết kế và xây dựng thành phòng theo kiểu Vauban (loại thành do kiến trúc sư Vauban thiết kế và xây dựng ở Pháp từ thế kỉ XVII) với nhiều hình thức khác nhau, xây dựng từ Bắc đến Nam.

Sự kiện đầu tiên đó là vào khoảng năm 1791, Nguyễn Ánh thuê một quan Năm người Pháp tên là Victor Oliver Paymanel, là phụ tá của giáo sĩ D'Adran vẽ kiểu và cho xây dựng thành Sài Gòn 8 góc theo kiểu Vauban trên khu đất cao ráo nhất trên bờ sông Đồng Nai. Năm 1834, sau những năm khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, Minh Mạng ra lệnh tàn phá thành cũ, xây lại thành mới, rồi lần lượt xây ở nhiều tỉnh, thành khác,

trong đó phải kể đến các công trình Vauban tiêu biểu như kinh thành Huế, thành Hà Nội, thành cổ Quảng Trị...

Thành Vauban có mặt bằng hình vuông, chữ nhật hoặc đa giác đều; trong thành có đường phố kẻ ô bàn cờ. Thành có nhiều góc cạnh tạo nên pháo đài góc; thành thường xây cao, xung quanh đào hào hoặc lợi dụng sông hồ để tạo chướng ngại vật. Có kiến trúc cao nhất và chế ngự cả khu thành là cột cờ, mang dáng dấp của những tháp canh lâu đài kiểu Trung cổ ở châu Âu. Trải qua nhiều cuộc chiến tranh, phần lớn các thành lũy ở các tỉnh lỵ bị phá hủy, chỉ còn lại khá nguyên vẹn ở Huế.

Do các chính quyền nhà Nguyễn đã tiếp cận mời chuyên gia quân sự người Pháp về nghiên cứu, thiết kế các thành trì nên các thành trì cận đại Việt Nam có sự kết hợp rất rõ giữa nghệ thuật xây dựng thành truyền thống ở Việt Nam và thành đương thời ở phương Tây. Cơ cấu thành thường mang yếu tố quân sự, đồn trú và triều nghi, được tổ chức theo mô hình sau:

- Cơ cấu bên trong xây hình vuông hay hình chữ nhật được tổ chức theo mạng lưới giao thông ô cờ, mặt bằng thành bằng phẳng.

- Cơ cấu bên ngoài được tổ chức theo hình ngôi sao, răng cưa của kiến trúc thành Châu Âu phục vụ đặt đại bác và chống chiếm thành. Tường thành xây thẳng đứng, cao, dày, có hào sâu bao quanh bảo vệ.

Mô hình tổ chức thành trì theo kiểu này được áp dụng rộng rãi cho 12 tỉnh thành mà chính quyền nhà Nguyễn đã có quy hoạch xây dựng đô thị ổn định theo sự phân vùng cụ thể.

Như vậy, trong thời kỳ phong kiến độc lập, tự chủ, những dấu ấn của văn hóa phương Tây, trong đó có kiến trúc đã bắt đầu ảnh hưởng vào nước ta. Song những ảnh hưởng này mới chỉ ở bề nổi. Quá trình du nhập và truyền bá kiến trúc Pháp vào Việt Nam chỉ thực sự bắt đầu khi thực dân Pháp chính thức biến Việt Nam thành một nước phong kiến nửa thuộc địa.

2.2.1.2. Thời Pháp thuộc

Thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta vào năm 1858, nhưng phải đến năm 1884, sau hòa ước Giáp Thân, Pháp mới xác lập được chủ quyền vững chắc trên lãnh thổ Việt Nam⁴. Song song với khoảng thời gian người Pháp có mặt trên lãnh thổ Việt Nam, lịch sử kiến trúc Pháp tại Việt Nam có thể chia làm 3 giai đoạn:

- Thời kỳ đầu từ 1860 đến 1880 là thời kỳ kiến trúc hàng hải và quân sự. Thời kỳ này, chỉ có những kỹ sư quân sự mới được thiết kế đồ án xây dựng với những kinh nghiệm từ Algeria.

- Giai đoạn 2 từ 1880 đến 1920, với các công trình của các kiến trúc sư được đào tạo từ trường Mỹ thuật Paris. Thời kỳ này, kiến trúc mang phong cách Pháp được thay đổi để phù hợp với khí hậu ở Việt Nam vốn khác biệt hoàn toàn với khí hậu của nước Pháp.

- Giai đoạn 3 từ 1920 đến 1945, các kiểu kiến trúc từ nhiều vùng miền nước Pháp được các kiến trúc sư Việt Nam vận dụng, thay đổi biến thành những kiến trúc mang đậm phong cách địa phương.

Cùng với quá trình khai thác thuộc địa, thực dân Pháp cũng tiến hành qui hoạch và xây dựng một mạng lưới hệ thống đô thị ở nước ta. Mạng lưới đô thị hành chính nhỏ (lỵ, sở) kèm theo đồn trú được hình thành rải đều trên khắp lãnh thổ Việt Nam, tuy cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn và lạc hậu. Các cơ sở này dùng chính sách “chia để trị” với tổ chức các huyện, tỉnh có qui mô nhỏ, tách riêng các tỉnh, huyện của dân tộc ít người dù dân số ít. Các đô thị hành chính được xây dựng mà hầu như không có sự hoạt động của các cơ sở kinh tế thúc đẩy nên tốc độ tăng trưởng chậm chạp. Người Pháp đã cho xây dựng ở nước ta rất nhiều mô hình đô thị khác nhau, tùy theo điều kiện từng địa phương, chẳng hạn như: xuất hiện một số “đô thị khai khoáng” ở Bắc kì, một số “đô thị công nghiệp nhẹ” cung cấp sản phẩm tiêu dùng trong nước với sự ra đời của hệ

⁴ Theo Hòa ước Giáp Thân 1884 kí kết giữa Pháp và triều đình nhà Nguyễn, Việt Nam bị chia làm ba xứ: Bắc Kỳ (*Tonkin*), Trung Kỳ (*Annam*), Nam Kỳ (*Cochinchine*) dưới ba chế độ khác nhau: Nam Kỳ là xứ thuộc địa Pháp; Bắc Kỳ và Trung Kỳ là xứ Pháp bảo hộ nhưng triều đình nhà Nguyễn trên danh nghĩa vẫn được quyền kiểm soát.

thông nhà máy xí nghiệp như than Quảng Ninh, dệt Nam Định, bia rượu Hà Nội, Sài Gòn, xay xát thóc gạo Hải Dương, nước mắm Phan Thiết, gốm Bát Tràng, diêm bến Thủy, cao su Đồng Nai, xi măng Hà Tiên, xi măng Hải Phòng; các “đô thị cảng” như Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng; các “đô thị hành chính” như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Bên cạnh đó, còn có các đô thị có qui mô nhỏ phục vụ nghiên cứu khoa học và du lịch nghỉ dưỡng như đô thị nghiên cứu chữa bệnh Nha Trang, đô thị du lịch nghỉ dưỡng Đà Lạt, SaPa, Tam Đảo, Đồ Sơn, Trà Cổ... (Nguyễn Sĩ Quế, 2009).

Ở Việt Nam hiện nay, kiến trúc Pháp thời thuộc địa còn lại khá nhiều ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lỵ như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Vũng Tàu, Trà Vinh... Ở Hà Nội, nhiều công trình chiếm cả một khu phố, một dãy phố và trong các ngách phố. Ở thành phố Hồ Chí Minh thì các công trình kiến trúc Pháp tập trung chủ yếu vào thể loại công trình công cộng. Ở một số tỉnh khác có các công trình mang tính sở, lỵ và công sở nhỏ. Các tòa biệt thự chiếm số ít trong khi đó các tòa nhà ở hàng phố phỏng theo xu hướng kiến trúc Pháp chiếm khá nhiều.

Về mặt quản lý hành chính, các đô thị có xu hướng tách dần khỏi nông thôn, có hoạt động kinh tế xã hội riêng, cơ chế quản lý riêng, đồng thời xuất hiện hệ thống luật lệ quản lý đô thị kiểu phương Tây của người Pháp khá chặt chẽ, cũng như phương pháp quy hoạch đô thị được áp dụng. Sự phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo giữa tầng lớp trí thức, cán bộ viên chức, thương nhân với công nhân và nông dân xảy ra ngày một tăng. Nhiều vị trí đẹp trong cấu trúc đô thị được dùng để xây dựng các công thự của bộ máy cai trị, các dinh thự cho các viên chức cao cấp, đế quốc phong kiến... Trường học, bệnh viện được bổ sung, đường sá mở mang, chỉnh trang. Đô thị Việt Nam thời kỳ này có màu sắc công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ nhưng chủ yếu phục vụ cho chế độ thực dân và quan lại phong kiến.

Những hoạt động về xây dựng đầu tiên của Pháp trong khoảng những năm 1880 đến 1900 có thể gọi chung là kiến trúc thực dân tiền kì. Sau khi chiếm được Hà Nội, thực dân Pháp đã khởi công xây dựng những công trình kiên cố trên khu nhượng địa chính thức, mở đầu cho thời kì xây dựng qui mô của chúng ở Hà Nội và các tỉnh trong

cả nước. Người Pháp đã cho xây dựng và phát triển Hà Nội với tham vọng dựng "*một Paris thu nhỏ trong lòng Đông Dương*" để thỏa nỗi nhớ của người xa xứ. Công cuộc xây dựng đã kéo dài cho tới đầu những năm 40 của thế kỷ XX. Đầu não hành chính là khu Ba Đình (*phía Nam Hồ Tây*), lui xuống phía dưới là nơi tọa lạc những biệt thự của quan chức cấp cao; nơi hiện giờ là phủ Chủ tịch và trụ sở của Bộ Ngoại giao, xưa vốn là Phủ toàn quyền Pháp. Xuôi về Hồ Gươm, phía Bắc là 36 phố phường, trung tâm buôn bán sầm uất nhất của người Việt; phía Đông là ngân hàng, bưu điện, phía Nam là khu biệt thự của công chức Pháp.

Tất cả những công trình chính thống của thực dân Pháp ở thuộc địa đều được kiến trúc sư Pháp thiết kế từ bên Pháp mang sang xây dựng. Hầu hết các công trình này đều theo các phong cách cổ điển như Phục hưng (Dinh toàn quyền, Nhà hát lớn Hà Nội), Baroque, Cổ điển Pháp (Tòa án tối cao, bệnh viện K, trụ sở công ti đường sắt Vân Nam, ga xe lửa Hà Nội, tòa công sứ). Vì sao các kiến trúc sư Pháp sử dụng các phong cách cổ điển trong giai đoạn này? Một là vào thời kì này, trào lưu Modern mới phát triển ở châu Âu, chưa có ảnh hưởng mạnh mẽ lắm. Hai là với các phong cách cổ điển, tính chất nghiêm trang đồ sộ của các công trình chính thống của Pháp sẽ gây uy tín cho chính quyền thuộc địa, biểu hiện tính chất vững vàng của chính phủ bảo hộ và ý định ở lại Việt Nam lâu dài của thực dân Pháp. Khi một chính quyền mới lên cầm quyền bao giờ cũng muốn tìm cho mình một hình thức kiến trúc biểu hiện được tinh thần của chế độ mới nhưng một phong cách mới ngay lập tức chưa thể sáng tạo ra được, vì vậy người Pháp đã lựa chọn một phong cách kiến trúc đã được lịch sử đánh giá và công nhận. Đó chính là hình thức cổ điển Hy Lạp - La Mã trong kiến trúc. Các kiến trúc sư Pháp có kiến thức rất vững chắc về kiến trúc cổ điển Hy Lạp - La Mã với các trục đối xứng nghiêm ngặt, với nhịp điệu lặp đi lặp lại của những hàng cột, với hệ cấu trúc “dầm”, “cột” và “thức”... Tuy nhiên, để không rơi vào phục cổ, phong cách tân cổ điển đã được đưa vào một cách tự nhiên, hòa nhập cùng với một số xu hướng kiến trúc khác, phát triển mạnh hơn vào giai đoạn sau này.

Giai đoạn từ 1900 đến 1920, thời kỳ tiến hành khai thác Đông Dương lần thứ nhất, các công trình của Pháp tại Hà Nội được thiết kế theo phong cách Tân cổ điển.

Đây là phong cách hàn lâm thịnh hành cùng thời ở Pháp. Nguyên tắc bố cục dựa trên quy luật đối xứng nghiêm ngặt với sự chú ý nhấn mạnh diện trung tâm hay hai khối nhô ở hai bên và dựa trên cách thức, chi tiết trang trí kiến trúc theo tinh thần cổ điển. Trong những năm 1900 - 1920, khu vực thị dân của các tỉnh lẻ và các đô thị cũ vẫn tiếp tục phát triển, các công trình nhà ở được xây đa số đều từ 2 đến 3 tầng, điều quan trọng là nhà ở thị dân chịu ảnh hưởng của việc xây dựng mới và trang trí kiến trúc thực dân tiền kì thể hiện trong cấu trúc mặt bằng và hình thức trang trí. Trong giai đoạn này, kiến trúc chủ yếu là các loại công thự, dinh thự, công sở hoặc nửa dinh thự, nửa công sở. Một số dạng công trình kiến trúc kiểu chính thống được đưa sang. Từ năm 1900, chính quyền Đông Dương đã tiến hành công cuộc xây dựng các cơ quan đầu não ở Hà Nội với mục đích biến Hà Nội thành thủ đô của Liên bang Đông Dương. Những công trình tiêu biểu là: Phủ Toàn Quyền (nay là Phủ Chủ tịch, xây dựng năm 1902), Dinh thống sứ (Bắc bộ Phủ, nay là Nhà Khách Chính Phủ trên đường Ngô Quyền)...

Kiến trúc thời kì này cũng được nghiên cứu sâu để thoát khỏi chủ nghĩa công năng đơn giản của kiến trúc thực dân tiền kì. Phong cách kiến trúc tân cổ điển được dùng phổ biến trong các công sở của nền hành chính thực dân Pháp, khai thác đặc điểm của bố cục đối xứng, thể hiện tính bề thế và hoành tráng qua các mặt chính có hình khối kiến trúc nặng nề, tập trung vào việc trang trí các chi tiết. Vị trí của các công trình đó là điểm nhấn trong tổng thể không gian qui hoạch. Người Pháp muốn thông qua các công trình kiến trúc mà thể hiện sức mạnh áp đảo của thực dân, đồng thời gây ảnh hưởng văn hóa Pháp vào Việt Nam.

Từ năm 1920 đến năm 1954, người Pháp tiến hành khai thác Đông Dương lần thứ hai, mối giao lưu về kiến trúc và văn hóa giữa hai nước Pháp và Việt Nam trở nên thường xuyên hơn, làm xuất hiện một phong cách kiến trúc mới - phong cách kết hợp. Đó là phong cách hướng về những đặc điểm văn hóa, kiến trúc và điều kiện thiên nhiên, khí hậu của địa phương trong sáng tác kiến trúc. Kiến trúc sư E. Hebrard là một trong những người tiên phong trong xu hướng kiến trúc này. Bên cạnh đó là sự xuất hiện của một số công trình mang phong cách kiến trúc hiện đại do các kiến trúc sư Pháp thiết kế, phần nào thể hiện sự hòa nhập của kiến trúc bản địa với thế giới.

Các công trình để lại dấu ấn của giai đoạn này là: Đại học Đông Dương (nay là Đại học tổng hợp Hà Nội, xây dựng trong 4 năm 1923 - 1926), Sở tài chính (nay là trụ sở Bộ ngoại giao), Bảo tàng Viễn Đông Bác Cổ (nay là Bảo tàng Lịch sử)...

Ngoài Hà Nội, nhiều tỉnh thành ở Việt Nam cũng mang đậm dấu ấn của các phong cách kiến trúc phương Tây do người Pháp du nhập. Ngay cả tại Huế - nơi cố thủ của tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn, cũng hiện diện một quần thể kiến trúc Pháp ở bờ nam sông Hương. Khu phố Tây bắt đầu hình thành từ khi người Pháp đến đồn trú tại Huế cuối thế kỷ XIX. Các trường phái kiến trúc phương Tây đã du nhập vào cố đô, để lại dấu ấn trong nhiều công trình có tính mỹ thuật cao. Sự kết hợp Âu - Á lại tiếp tục hình thành nên lối kiến trúc Đông Dương, với đặc trưng là hệ mái dốc lợp ngói liệt, hoa văn trang trí mô phỏng các cung điện, đền đài. Cho đến nay vẫn còn khá nhiều dinh thự mang phong cách này như: trụ sở Thành ủy, UBND thành phố Huế, trường Quốc học Hai Bà Trưng, văn phòng Đại học Huế... Theo thống kê của Sở Xây dựng Thừa Thiên - Huế, hiện vẫn còn khoảng 240 "nhà Tây", hầu hết là công sở, trường học, tập trung chủ yếu ở đường Lê Lợi, Hoàng Hoa Thám, Lý Thường Kiệt... Theo tiến sĩ Trần Minh Đức (Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng), quần thể này không chỉ có giá trị lớn về nghệ thuật kiến trúc, mà còn là một kho tư liệu sinh động về kỹ thuật xây dựng đặc sắc của Pháp trên đất Việt Nam. (Trung tâm báo chí và hợp tác truyền thông quốc tế, 2001, <http://vietbao.vn/Xa-hoi/10746355/157/>).

Và tại Minh Hải (nay là Cà Mau - Bạc Liêu), dấu ấn các công trình kiến trúc của Pháp vẫn còn để lại tương đối đậm nét. Nói đến công trình xây dựng của Pháp phải nói đến Nhà Công Tử Bạc Liêu, Trụ sở Thư viện Bạc Liêu... do người Pháp thiết kế xây dựng từ những năm thập niên 20, cho đến thập niên 40 của thế kỷ XX. Các kiến trúc sư Pháp đã bằng sự kết hợp ngôn ngữ kiến trúc phương Đông để diễn đạt một không gian rất phương Đông trên một mặt đứng đăng đối vốn là một trong những ngôn ngữ chính của kiến trúc cổ điển Pháp bằng những mái đua, mái chống hắt, con sơn, con tiện... Cà Mau, Bạc Liêu vốn là vùng khí hậu ôn hòa thuộc vùng cận xích đạo, nhiệt đới gió mùa, có 2 mùa mưa nắng rõ rệt, nắng nóng, mưa nhiều. Để thích ứng với khí hậu, các nhà kiến trúc Pháp còn tạo cho công trình có độ sâu các lớp hành lang,

những bức tường dày và những mái chống hắt những hàng hiên, những lỗ thoáng đối lưu... có tác dụng làm ấm nhà về mùa đông, mát nhà trong mùa hè, thông thoáng tự nhiên, chống mưa và giảm bức xạ mặt trời khi nắng nóng. Có thể nói, tính bậc thầy của kiến trúc Pháp để lại thông qua những công trình, những ngôi nhà trên quê hương Cà Mau - Bạc Liêu xưa và nay, đó là tính hợp lý về cách chọn vị trí để xây dựng công trình trên một tổng thể không gian kiến trúc và có sự kết hợp hài hòa, bởi xung quanh ngôi nhà, tòa biệt thự kiểu Pháp bao giờ cũng có cây xanh và hồ nước.

Xem những công trình kiến trúc Pháp trên quê hương Minh Hải, chúng ta có một nhận xét chung, đó là những tòa nhà không cao, nhưng rất đồ sộ với một mặt thẳng đứng đối đã làm cho những công trình xây dựng hàng thế kỷ vẫn tồn tại với thời gian. (Huỳnh Anh Duy, 2009, <http://mientayonline.net/1317/>)

Còn tại Sài Gòn - vốn được mệnh danh là “Hòn ngọc của Viễn Đông” cũng được người Pháp gia công để tạo nên một đô thị phồn hoa vào bậc nhất của xứ thuộc địa Đông Dương. Ngay sau khi người Pháp chiếm Sài Gòn - Gia Định lần thứ 2 (năm 1862), cùng với việc xây dựng đô thị, phát triển Sài Gòn thành thủ phủ của Nam Kỳ, chính quyền Pháp đã cho xây dựng nhiều công trình như Nhà Bưu Điện trung tâm, Nhà hát thành phố, Bệnh viện, Nhà thờ Đức Bà... góp phần tạo nên bộ mặt kiến trúc đô thị Sài Gòn ngày nay. Ngoài ra, còn rất nhiều thành phố mà dấu ấn người Pháp để lại cũng không kém phần độc đáo và sâu sắc như Nam Định, Hải Phòng...

Tuy nhiên, thông qua quá trình du nhập các phong cách kiến trúc châu Âu do các kiến trúc sư người Pháp mang vào Việt Nam có thể nhận thấy một điều rất nổi bật rằng ít có công trình nào ở Việt Nam mang một phong cách thuần túy mà thường là có sự pha trộn nhiều phong cách kiến trúc khác nhau. Có thể thấy người Pháp đã mang những phong cách kiến trúc sau vào nước ta trong quá trình khai thác thuộc địa của họ:

- **Kiến trúc theo phong cách Roman:** Được thấy ở Việt Nam chủ yếu trong kiến trúc thuộc Thiên chúa giáo như nhà thờ, nhà tu, trường dòng... được xây dựng ở nhiều thành phố và làng xóm trong khắp cả nước. Công trình Roman đẹp nhất xây dựng ở nước ta là Nhà thờ Đức Bà tại Sài Gòn, sau này vào năm 1960 được Tòa thánh

La Mã phong cho tên gọi là “Vương Cung Thánh Đường”. Nhà thờ do kiến trúc sư Jules Bourard thiết kế năm 1880.

- **Kiến trúc theo phong cách Gothic:** Chỉ thấy chủ yếu ở nhà thờ và nhà tu, trường dòng, không như ở châu Âu còn thấy ở các công trình công cộng, các lâu đài vua chúa và nhà ở thường dân. Công trình tiêu biểu là nhà thờ Lớn Hà Nội được xây dựng với phong cách Gothic nguyên thủy nghiêm ngặt với những vòm cuốn nhọn nhưng cũng được tinh giản nhiều: cửa sổ hoa hồng nhỏ, trang trí tượng rất ít, ở mặt chính chỉ có duy nhất 1 tượng thánh, còn lại tất cả các hốc tường đều là những cửa sổ hẹp hình tên. Vì là một nhà thờ nhỏ nên yếu tố cuốn chông - một yếu tố quan trọng nhất trong hệ thống kiến tạo Gothic không được áp dụng. Ngôi nhà thờ theo phong cách Gothic lớn nhất ở nước ta là nhà thờ Phú Nhai xây dựng năm 1911 tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Phong cách trại lính:** Là loại công trình do thực dân Pháp xây dựng ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX, dùng chủ yếu cho quân đội như trại lính, nhà của sĩ quan và một số công trình công cộng khác như bệnh viện, trường học... Đây là loại kiến trúc đơn giản “với quan niệm một kiểu kiến trúc nhiệt đới thô sơ thời bấy giờ”. Các công trình đều có chung một dạng mặt bằng hình chữ nhật, có hành lang chạy chung quanh cả 4 mặt. Hành lang rộng từ 2.5 đến 3.5m. Bước cột từ 4 - 5m, cửa cuốn gạch hình cung hay bán cầu có khóa vòm, đôi khi dùng cuốn thép hình. Sàn dùng thép hình IPN là dầm đỡ, trên cuốn gạch, mái ngói tây, ngói đá hay lợp tôn.

- **Kiến trúc cổ đại Hy Lạp - La Mã và Phục hưng:** Ở nước ta không có công trình kiến trúc nào được làm đúng theo kiểu kiến trúc cổ điển Hy Lạp - La Mã nhưng việc sử dụng những hệ thống thức kiến trúc cổ điển rất phổ biến dưới các hình thức kiến trúc Phục hưng, chủ nghĩa cổ điển Pháp, phong cách Baroc và các dạng chiết trung. Các công trình kiến trúc cổ điển này rất nhiều và hầu hết là những tòa lâu đài công quyền đồ sộ, hoành tráng, sử dụng cho quan chức cao cấp trong chính quyền thuộc địa. Tại Hà Nội, Tòa án tối cao ở đường Lý Thường Kiệt là một tác phẩm mang phong cách Hy Lạp với hệ cột Doric, do kiến trúc sư Henry Vildieu xây dựng năm

1906. Phủ Toàn quyền, nay là Phủ Chủ tịch, được xây dựng theo phong cách Phục hưng có điểm thêm những nét Baroque (cầu thang ngoài trời cong, tay vịn cong, bậc cong; cửa sổ mắt bò hình bầu dục) do kiến trúc sư Charles Lichtenfelder xây dựng năm 1907.

- **Phong cách Baroque:** Những công trình lớn làm theo phong cách này không nhiều nhưng nó lại rất phổ biến trong kiến trúc các nhà dân ở đô thị, thậm chí ở ngoại thành những thành phố lớn. (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

- **Phong cách cổ điển Pháp:** Từ những năm đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp xây dựng ở nước ta nhiều công trình lớn mang phong cách cổ điển Pháp, đồ sộ, nghiêm trang, đứng đắn nhưng nhiều khi lạnh lùng, thậm chí thiếu linh hồn. Tiêu biểu cho loại kiến trúc này là Tòa án tối cao ở Hà Nội, xây dựng năm 1920 theo bản thiết kế bên Pháp đưa sang và ga Hà Nội.

Tính chất phong cách cổ điển Pháp của công trình Tòa án tối cao được thể hiện ở sự nghiêm ngặt mang tính lí trí, minh mẫn của phong cách cổ điển Hy Lạp nhưng lại sử dụng thức Doric theo kiểu đại thức: cột Doric chạy suốt 2 tầng trên theo dạng này trụ. Một đặc trưng rõ rệt nhất là tầng Mansardo - tầng mái lợp ngói đá phiến đen, trên đó có nhiều cửa mái. Sự nghiêm ngặt của phong cách cổ điển Pháp ở công trình này có tính chất lạnh lùng phù hợp với chức năng của công trình.

Ga Hà Nội có cổng vào chính là yếu tố Roman. Tuy có đôi chi tiết pha tạp, nhưng thực sự ga này trước đây là một công trình cổ điển Pháp nghiêm chỉnh, thực dụng, không có một chi tiết trang trí rườm rà nào. Những ga ở các tỉnh khác đều nhỏ hơn ga Hà Nội, thường theo phong cách cổ điển Pháp nhưng rất đơn giản và thực dụng. Ngoài ra, Tòa Bắc Bộ phủ trên đường Ngô Quyền, do kiến trúc sư Adolphe Bussy xây dựng năm 1919 cũng theo phong cách Cổ điển Pháp, mái măngxác (Mansardo), mái đơn hình lưới trai bằng kính và thép theo kiến trúc Modern của Hector Guimard. Viện Radium nay là Bệnh viện K, cũng là một tác phẩm Cổ điển Pháp với hàng cột Toscan do kiến trúc sư Charles Delpech xây dựng năm 1927.

- **Phong cách Rococo:** Chỉ còn để lại dấu ấn trên một công trình duy nhất, đó là tòa thị chính Sài Gòn, nay là Trụ sở UBND thành phố Hồ Chí Minh do kiến trúc sư Paul Gardès xây dựng vào năm 1907. Tòa nhà là một công trình lộng lẫy sang trọng và diêm dúa với nhiều trang trí cầu kỳ, một tài sản quý giá cho kho tàng kiến trúc.

- **Kiến trúc hiện đại:** Ở đây chủ yếu nói đến trào lưu Modern, ở Pháp còn có tên là Art Nouvean hay Art Deco. Lúc đó vật liệu mới như sắt thép, xi măng và bê tông cốt thép đã được người Pháp mang sử dụng ở Việt Nam. Đơn giản nhất là những ngôi nhà kiểu trại lính, hay nhà sĩ quan, cao hai tầng có hành lang bao quanh cho mát và dễ vận động khi có sự cố; hình khối đơn giản, khỏe mạnh, cửa sổ và cửa đi rộng, kết cấu thép gang và bê tông cốt thép được sử dụng nhưng hầu hết còn ẩn giấu trong tường gạch. Trào lưu này ảnh hưởng đến Việt Nam chủ yếu thông qua các công trình do kiến trúc sư Pháp thiết kế. Vào những năm đầu thế kỉ XX, trào lưu này rất thịnh hành ở phương Tây. Các kiến trúc sư Pháp đang dạy tại trường Cao đẳng mỹ thuật Hà Nội đã truyền lại cho sinh viên Việt Nam tư tưởng của trào lưu này. Trào lưu này đã truyền sang ta một thành phần kiến trúc độc đáo là mái hắt lưỡi trai bằng khung kim loại lợp kính màu, phát minh của kiến trúc sư Modern nổi tiếng ở Pháp đầu thế kỉ XX là Hecto Guimard. Mái hắt này có ưu điểm che mưa, nắng gắt, có thể làm lớn, chia ra xa mà vẫn nhẹ nhàng, không gây tối vì lớp kính mờ có màu sắc nhẹ (vàng, xanh). Kèm với mái hắt này thường là các con sơn bằng thép uốn thành nhành lá phức tạp và các hoa văn cây lá đắp nổi trên tường. Ở những ngôi nhà nhỏ do dân làm ở thành thị thường có những hoa văn Modern đơn giản đắp trên tường chắn mái, trên trán nhà như hình mặt trời có tia nắng chiếu ra, các hình quả trám lồng nhau ghi số năm xây dựng.

Trào lưu Modern mang đến cho nước ta hình thức kiến trúc hiện đại châu Âu là các nhà hình hộp, sử dụng vật liệu hiện đại bê tông cốt thép, không có các môtip trang trí cổ điển phương Tây liên quan đến hệ thống “thức” Hy Lạp - La Mã, sử dụng một số đường cong và một số hoa văn. Nó là bước khởi đầu của chủ nghĩa công năng.

Ví dụ rõ rệt nhất là nhà Bảo tàng Quân đội ở cạnh Cột cờ trong Hoàng Thành Hà Nội. Sắt thép bắt đầu được dùng xây dựng cầu Long Biên năm 1902, cây cầu dài

nhất thế giới đầu thế kỷ XX, do Gustave Eiffel thiết kế và hãng Daydé et Pillé xây dựng; chợ Đồng Xuân với khung sắt cao 19m, dài 52m, kiến trúc sư Adolphe Debussy xây dựng năm 1906. Trong những công trình kiến trúc mới, có tác phẩm Tân Cổ điển tuyệt đẹp là Ngân hàng Quốc gia do kiến trúc sư Felix Dumail xây dựng năm 1930. Công trình này có nhịp điệu và bố cục cổ điển, nhưng được diễn đạt một cách hiện đại bằng hình khối chắc khỏe, vật liệu đá đẹp. Nội thất là một không gian rộng mênh mông với hệ thống ánh sáng chiếu từ trên mái xuống. Một công trình mang phong cách Modern khác là nhà Bru điện tại góc phố Đinh Tiên Hoàng và Đinh Lễ ngay bờ hồ Hoàn Kiếm do kiến trúc sư Henri Cerutti xây dựng năm 1942, ngôi nhà không lớn nhưng rất đẹp, bố cục chặt chẽ, đường nét hiện đại, mặc dầu đã trải qua 70 năm mà vẫn không hề lạc hậu.

- **Kiến trúc dân gian Pháp:** Người Pháp sống ở xứ thuộc địa luôn luôn nhớ nhà, nên họ thường làm các ngôi nhà ở mang phong cách địa phương nơi họ sinh trưởng. Đó là những ngôi nhà vùng quê hay thị trấn nhỏ, thường là ở xứ lạnh, nên có lò sưởi, ống khói đưa lên tận trên mái. Mái lợp ngói có độ dốc lớn để tránh tuyết đọng và ở hồi nhà thường có mái gập đầu ở hồi nhà, một kiểu mái khá đặc trưng của nước Pháp và một vài nước châu Âu khác. Những ngôi nhà này thường được làm ở những vùng có khí hậu lạnh ở nước ta như Đà Lạt.

- **Kiến trúc biệt thự kiểu phương Tây:** Một loại kiến trúc thấy nhiều ở các khu ở thành phố và các khu nghỉ mát được làm trong thời gian thuộc địa Pháp là các biệt thự làm cho người Pháp (và đôi khi cho một số ít người Việt Nam giàu có). Những biệt thự này vô cùng đa dạng, gần như không có 2 ngôi nhà giống nhau nhưng hầu hết đều có sân vườn, gara ô tô, ở trong nhà có phòng khách, các phòng ngủ, phòng ăn và các khu vực phục vụ tiện nghi cao. Các loại biệt thự Pháp được xây dựng theo 2 kiểu: phong cách hiện đại và phong cách dân gian Pháp. Theo phong cách dân gian thì mang phong cách kiến trúc của nhiều địa phương nước Pháp.

- **Phong cách kiến trúc Đông Dương:** Tất cả những loại trên đều là kiến trúc có sẵn của nước Pháp và của châu Âu, riêng kiến trúc gọi là phong cách Đông Dương

là một loại kiến trúc mới do người Pháp ở nước ta sáng tác. Đầu những 1920, các kiến trúc sư người Pháp cùng với thể hệ kiến trúc sư đầu tiên của Việt Nam tốt nghiệp trường cao đẳng mỹ thuật Đông Dương đã mày mò, đúc kết giữa kiến trúc bản địa với kiến trúc Pháp thuộc để làm nên nét văn hóa tiêu biểu của nền kiến trúc Đông Dương. Cải tiến các kiến trúc Pháp theo hướng dân tộc hóa, họ đưa các chi tiết mái ngói, mái bát giác, mái hiên, ô văng, cửa tò vò... tạo nên một nét kiến trúc bình dị, gần gũi với người dân bản địa. Vì sao ra đời theo phong cách này? Có hai lý do:

Thứ nhất, những kiến trúc mang từ Pháp sang sau một số năm thì bệch lộ nhiều bất cập, nhất là không phù hợp với khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, gió mạnh...

Thứ hai vào lúc đó, vào những năm 30-40 của thế kỷ XX, ảnh hưởng của Nhật Bản với thuyết Đại Đông Á đang lan tràn, ảnh hưởng của Pháp ở Việt Nam giảm sút. Để tranh thủ được lòng dân, để thân thiện hơn với Việt Nam, một số kiến trúc sư Pháp dạy tại Trường Mỹ thuật Đông Dương nghĩ cách thiết kế những công trình mang tính chất Việt Nam để lấy lại lòng tin của dân Việt.

Người có công nhất trong việc sáng lập ra phong cách kiến trúc này là Ernest Hébrard, giáo sư của Trường Mỹ thuật Đông Dương, một viên chức cao cấp được chính phủ Pháp đưa sang để phụ trách công việc quy hoạch và kiến trúc của ba nước Đông Dương. Ông là kiến trúc sư nổi tiếng đã có giải thưởng Prix de Rome. Ông gọi phong cách kiến trúc này là phong cách kiến trúc Đông Dương (Style indochinois). Thực chất đây là một phong cách chiết trung châu Á, không chỉ có chi tiết của ba nước Đông Dương mà có cả chi tiết kiến trúc Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... Hébrard sử dụng phong cách kiến trúc Đông Dương rất sáng tạo và đã để lại những công trình rất có giá trị nghệ thuật. Bảo tàng Louis Finot nay là Bảo tàng Lịch sử là một công trình đẹp. Từ rất xa, trên cầu Long Biên đi từ Gia Lâm sang Hà Nội đã thấy toà tháp của Bảo tàng. Ở đây có sự pha trộn kiến trúc Việt Nam, Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, nhưng rất nhuần nhuyễn như một loại phong cách châu Á thuần nhất, nhiều chi tiết sáng tạo như hệ thống mái hắt hạ thấp xuống tạo hệ thống thông gió sát trần. Hệ thống mái chồng diêm thấp như là cổ diêm nhưng lại dùng để thông gió... Cùng năm

1931 ông xây dựng Trụ sở Tài chính, nay là Bộ Ngoại giao. Công trình này có hệ thống mái phức tạp, phong phú làm theo kiểu mái Việt Nam, nhưng có hệ thống ống thông hơi và ống khói lò sưởi rất đa dạng. Ngôi nhà được giải quyết thông gió tốt, nên ngay cả trong những ngày nóng bức nhất, ở đây vẫn mát mà không hề có hệ thống điều hòa khí hậu. Trường đại học Đông Dương (nay là Đại học Dược) cũng được Hébrard xây dựng năm 1927, là công trình đồ sộ có nhiều chi tiết kiến trúc Việt Nam. Ông cũng xây dựng ngôi nhà thờ Cửa Bắc ở Hà Nội với sự kết hợp khéo léo hệ thống mái ngói Việt Nam với những cột và vòm cuốn Roman tạo thành một nhà thờ Thiên chúa giáo có nhiều tính chất kiến trúc Việt Nam và châu Á. Viện Pasteur do Hébrard xây dựng năm 1924 lại có một chi tiết khác thường là một gác chuông treo ba quả chuông nhỏ đặt trên một mái ngói gấp đầu (chi tiết kiến trúc dân gian Pháp) dưới đó là cái đồng hồ hình tròn. Tất cả những công trình do Hébrard thiết kế đều rất chú trọng hệ thống thông thoáng gió nên những ngôi nhà này rất mát.

Một giáo sư khác của Trường Mỹ thuật Đông Dương, kiến trúc sư Arthur Kruze, cũng để lại một số công trình kiến trúc ở Hà Nội làm theo phong cách Đông Dương rất đặc sắc. Đó là Trụ sở UBTDĐT ở phố Trần Phú; Toà soạn tạp chí Văn nghệ Quân đội ở số 4 Lý Nam Đế; Nhà biệt thự của bá tước Didelot tại dốc Ngọc Hà... Hệ thống bốn ngôi nhà ba tầng lớn trong Đại học Bách Khoa của các kiến trúc sư Louis Chauchon, Gilles và Masson làm năm 1942 cũng gây ảnh hưởng rất lớn trong giới kiến trúc, vì đó là những ngôi nhà nhiều tầng nhưng lại lợp mái ngói có dáng dấp Việt Nam mà lại hiện đại. (Tôn Đại, 2009).

Như vậy có thể thấy mục đích đầu tiên của người Pháp sang Việt Nam là để cai trị đất nước ta, bóc lột nhân dân ta. Trong quá trình cai trị, để phục vụ cho chính sách bóc lột thuộc địa, họ đã xây dựng nhiều tỉnh, thành Việt Nam theo những mô hình đô thị thuộc địa mà họ mong muốn. Nhưng bên cạnh mục đích đó, không thể phủ nhận rằng thông qua các công trình kiến trúc Pháp mà họ đã cho xây dựng ở Việt Nam, người Pháp cũng đã làm được nhiều điều cho văn hóa và lịch sử của dân tộc.

Trước hết, lần đầu tiên, chúng ta có thiết kế bản vẽ kiến trúc, có thiết kế quy hoạch đô thị, có thiết kế hạ tầng kỹ thuật đô thị. Chúng ta có những bài học sống động về quy hoạch đô thị, về kiến trúc công trình và được tiếp xúc với một nền văn minh lúc đó vào bậc nhất thế giới.

Thứ hai, lần đầu tiên chúng ta có trường đại học đào tạo kiến trúc sư theo chương trình hiện đại của nước Pháp⁵. Số kiến trúc sư này chừng 50 người đã phát huy thế mạnh của mình là thế hệ kiến trúc sư đầu tiên của Việt Nam, đặt nền móng cho việc thiết kế và xây dựng đất nước một cách khoa học.

Thứ ba, các kiến trúc sư Pháp đã để lại một số lượng đáng kể những công trình kiến trúc có giá trị to lớn, chúng trở thành tài sản quý giá của nhân dân ta. Cũng qua những công trình kiến trúc này, chúng ta tiếp xúc được với nền văn minh chung của nhân loại.

Thứ tư, người Pháp đã để lại cho chúng ta những khu phố đẹp, như phố Phan Đình Phùng toàn nhà biệt thự nhỏ trong vườn cây xanh ở Hà Nội; một thành phố Đà Lạt với rất nhiều biệt thự mang phong cách địa phương nước Pháp và những biệt thự hiện đại. Họ để lại những bài học tế nhị khi xử lý các công trình quanh Hồ Gươm. Với quyền lực Toàn quyền Đông Dương hay Công sứ Bắc Kỳ, họ có quyền làm những công trình rất đồ sộ, vậy mà tòa Thị chính Hà Nội chỉ là một ngôi nhà 2 tầng nhỏ bé lùi sâu vào trong, xa bờ Hồ. Còn công trình Ngân hàng Đông Dương và Bắc Bộ phủ hay khách sạn Metropolitan thì nằm sâu tận phố Ngô Quyền sau vườn hoa Chí Linh. Tất cả để tránh phương hại đến hồ Hoàn Kiếm mà khi ấy đã bị thu nhỏ lại. Một bài học nữa, họ không phá các phố cổ Hà Nội mà để nguyên nó như vậy, làm một hệ thống đường phố mới kẻ ô vuông theo quy hoạch Hy Lạp Hypodamus về phía Nam thành phố...

⁵ Năm 1925, người Pháp cho thành lập ở Hà Nội trường Cao đẳng mỹ thuật duy nhất trong số các thuộc địa của họ. Năm 1927, ra đời khoa kiến trúc do các giảng viên là các kiến trúc sư người Pháp điều hành.

Thứ năm, người Pháp đã đưa vào nước ta vật liệu và kỹ thuật xây dựng hiện đại như cầu Long Biên, chợ Đồng Xuân. Nhiều công trình lớn ở Hà Nội, lăng Khải Định ở Huế được xây dựng bằng bê tông cốt thép.

Thứ sáu, phong cách kiến trúc Đông Dương là một sáng tạo của các kiến trúc sư Pháp, đã để lại cho chúng ta rất nhiều công trình đẹp. Phong cách này đã góp phần tôn vinh nghệ thuật kiến trúc dân tộc, mặc dù nó còn nhiều điểm chiết trung, pha trộn (vì người Pháp không sành kiến trúc cổ điển Việt Nam), nhưng nó đã khích lệ các kiến trúc sư Việt Nam, sinh viên của Trường Mỹ thuật Đông Dương tiếp tục đi theo con đường nghệ thuật dân tộc.

Nhưng không phải là trong kiến trúc, người Pháp chỉ toàn làm điều tốt. Chẳng hạn như, họ đã phá thành Hà Nội, phá tất cả mọi công trình, chỉ để lại cổng phía Bắc với một vết đạn đại bác; họ đã phá toàn bộ 19 cổng ngăn các phường với nhau của khu phố cổ 36 phố phường để mở đường cho ô tô đi được; họ cũng đã để lại một đô thị phân biệt giàu nghèo một cách rõ rệt như các đô thị phương Tây và châu Mỹ La tinh với một bên là những dãy phố Tây khang trang, sạch sẽ, giàu có còn một bên là những khu phố nghèo khổ xơ xác tăm tối... (Tôn Đại. 2009)

Dẫu sao, người Pháp cũng đã để lại trên đất nước ta một di sản kiến trúc có giá trị, đó là một tài sản quý. Thái độ của chúng ta là cần phải trân trọng, giữ gìn và sử dụng chúng phù hợp trong tình hình mới, cần phát huy tác dụng của những công trình kiến trúc này sao cho có lợi nhất.

2.2.2. Quá trình du nhập của kiến trúc Pháp vào Hải Phòng

Năm 1874, thực dân Pháp chiếm Hải Phòng. Thành phố Hải Phòng chính thức thành lập theo sắc lệnh ngày 19/07/1888 của Tổng thống Pháp và được xếp loại thành phố cấp I ngang với thành phố Hà Nội và thành phố Sài Gòn, mặc dù lúc ấy thành phố mới bắt đầu triển khai xây dựng trên cơ sở bến Ninh Hải. Thi hành sắc lệnh trên, ngày 01/10/1888, vua Đồng Khánh ra sắc dụ nhượng hẳn thành phố Hải Phòng cho Pháp.

Hơn hai tháng sau, ngày 20/01/1889, Thống sứ Bắc kì kí nghị định xác lập giới hạn của thành phố Hải Phòng như sau:

❖ Trên hữu ngạn sông Cửa Cấm:

- Đường ngoại vi từ chỗ giao điểm với sông Cửa Cấm đến đoạn cắt dự kiến của sông Lạch Tray.
- Bờ phía phải của đoạn cắt dự kiến sông Lạch Tray từ đường ngoại vi nói trên đến sông Tam Bạc.
- Đường ngoại vi dự kiến ở khoảng giữa sông Tam Bạc và sông Cửa Cấm theo chiều kéo dài của đoạn cắt sông Lạch Tray ngang qua địa phận Hạ Lý.

❖ Trên tả ngạn sông Cửa Cấm:

- Đường giao thông sẽ lập giữa sông Cửa Cấm và đường ngoại vi Cửa Cấm.
- Đường ngoại vi bờ trái sông Cửa Cấm đến Vàng Châu. Đường này dự kiến sẽ ở quãng cách trung bình 400m của bờ trái sông Cửa Cấm.
- Vàng Châu.

Do nhu cầu phát triển nhanh của thành phố, ngày 16/12/1901, Thống sứ Bắc Kỳ lại ra nghị định tách các xã nằm trong địa giới sau của tỉnh Phù Liễn (năm 1906 đổi là tỉnh Kiến An) để lập khu ngoại ô thành phố Hải Phòng:

- ❖ Sông Cửa Cấm đến chỗ hợp lưu với sông Lạch Tray.
- ❖ Sông Lạch Tray từ chỗ hợp lưu đó đến đoạn cắt sông này.
- ❖ Một đường vạch theo địa giới hiện tại của xã Trang Quán (tổng An Dương) đi qua sông Tam Bạc sang sông Cửa Cấm theo địa giới tổng Lạc Viên.

Đến 31/12/1921, ngoại ô thành phố lại được mở rộng lần nữa bằng cách tách khỏi địa bàn tỉnh Kiến An, thị trấn Đồ Sơn và dải đất phía Bắc, phía Đông giáp cửa sông Lạch Tray và biển; phía Nam giáp biển Đông và sông Sàng, con ngòi dưới cầu km 17 chảy vào sông Sàng và bờ Tây Nam đường Hải Phòng - Đồ Sơn, trừ đoạn đi qua xã Quý Kim (trong khu vực này, địa giới sát nhập trùng với địa giới xã Quý Kim), phía Tây trùm lên đường Hải Phòng - Đồ Sơn. Nhưng đến ngày 29/02/1924, chính quyền Pháp lại bãi bỏ khu vực ngoại ô mở rộng đợt sau và trả lại tỉnh Kiến An phần

đất đó. Những xã trả lại cho tỉnh Kiến An để thành lập huyện Hải An và khôi phục thị trấn Đồ Sơn.

Tuy vậy thỉnh thoảng do nhu cầu, chính quyền đô hộ vẫn cắt xén thêm đất đai của các xã ven nội để sát nhập vào nội châu. Đến tháng Tám 1945, thành phố nhượng địa này đã mở rộng đến 18,18km² so với khi kí Hòa ước Giáp Tuất (1874), triều đình Huế chỉ nhượng 5 mẫu quan điền xích, tương đương 2ha.

Thời thuộc Pháp, nội thành Hải Phòng năm 1901 được chia làm 4 hộ (quartier):

- ❖ Hộ nhất hộ gồm làng Gia Viên, giới hạn bởi sông Cửa Cấm, đường đồn binh An Nam (phố Lê Lai), đường Quần Ngựa, đường Paul Doumer (Cầu Đất), đường Bonnal (Nguyễn Đức Cảnh và Trần Phú).
- ❖ Hộ nhì hộ gồm làng An Biên, giới hạn bởi đường Bonnal, đường Paul Doumer, đường Sadi Carnot (Tô Hiệu), sông đào Lạch Tray và sông Tam Bạc.
- ❖ Hộ tam hộ gồm làng Hạ Lí, khu xưởng thợ, giới hạn bởi sông Cửa Cấm, sông Tam Bạc đến trại Pháo thủ và kênh đào Hạ Lí.
- ❖ Hộ tứ hộ gồm làng Hạ Lí, khu vực chợ, giới hạn bởi sông Tam Bạc từ trại Pháo thủ và kênh đào Hạ Lí.

Đến tháng 11/1931, Đốc lí Hải Phòng lại điều chỉnh địa giới các hộ cũ và chia nội thành thành 7 hộ:

- ❖ Hộ nhất hộ giới hạn bởi đường đồn binh An Nam, đường Belgique (Lê Lợi), đường Paul Doumer, đường Chavassieux (Quang Trung và Trần Hưng Đạo) và sông Cửa Cấm.
- ❖ Hộ nhì hộ giới hạn bởi đường Sadi Carnot (Tô Hiệu), đoạn cắt sông Lạch Tray, sông Tam Bạc, đường Bonnal và đường P.Doumer.
- ❖ Hộ tam hộ là toàn bộ đảo Hạ Lí (Ilôt de Hạ Lí).
- ❖ Hộ tứ hộ giới hạn bởi sông Cửa Cấm, kênh đào Hạ Lí, sông Tam Bạc và địa giới phía Tây thành phố.

- ❖ Đệ ngũ hộ giới hạn bởi sông Lạch Tray, sông đào Lạch Tray, đường Sadi Carnot, đường Lạch Tray và địa giới phía Nam thành phố từ đường Lạch Tray tới sông Lạch Tray.
- ❖ Đệ lục hộ giới hạn bởi đường Lạch Tray, đường đồn binh An Nam, sông Cấm và địa giới phía Đông và Đông Nam thành phố từ cửa Cấm đến đường Lạch Tray.
- ❖ Đệ thất hộ gồm đất của thành phố ở tả ngạn sông Cấm (kể cả những dân đánh cá và sống trên sông Cấm). (Ngô Đăng Lợi, 1993: 13-16).

Như vậy có thể thấy hình thái cảng thị Hải Phòng ban đầu tương đương như các đô thị cổ châu Âu đã có trước đó với tổ chức mạng lưới đường phố theo kiểu ô cờ, dạng tự do, bám chặt, chạy dài theo dòng sông. Thành phố Hải Phòng mang đậm dấu ấn kiến trúc thuộc địa của Pháp. Kiến trúc của Hải Phòng rất giống Hà Nội dưới thời Pháp thuộc về tổng thể, chỉ nhỏ hơn về quy mô.

Nơi được đô thị hóa đầu tiên là vùng ven sông Tam Bạc (nay thuộc địa bàn các phường Quang Trung, Phan Bội Châu, Phạm Hồng Thái - quận Hồng Bàng) bởi vị trí thuận lợi trên bến dưới thuyền của nó. Cư dân có nhiều người từ nơi khác đến, trong đó có khá đông Hoa kiều. Tiếp theo, người Pháp cho xây dựng ở đây nhiều công trình quan trọng như đào sông Bonal, làm cầu cảng, dựng đèn biển ở Long Châu, Hòn Dấu, xây dựng nhà máy xi măng, đặt đường ống dẫn nước ngọt từ Uông Bí về (1898).

Năm 1876, chính quyền bảo hộ mở Bưu cục Hải Phòng, đến năm 1904, mạng lưới điện thoại nội thành Hà Nội - Hải Phòng được đưa vào khai thác, lúc ấy bưu điện Hải Phòng là một trong bốn bưu cục hiện đại của cả nước. Về điện năng, Hải Phòng dùng điện sớm nhất Bắc Kỳ, trước Hà Nội 2 năm. Ngày 1/2/1893, trạm điện đầu tiên bắt đầu cung cấp điện thắp sáng, nhưng công suất chỉ đủ dùng cho dưới 2000 bóng đèn 15W. Mấy năm sau, nhà máy điện Cửa Cấm được xây dựng, tạm thời cung cấp điện đủ dùng cho toàn thành phố trong thời kỳ thuộc Pháp. Trong những năm 1925 - 1926, người Pháp xây thêm nhiều nhà máy, xí nghiệp trên Cửa Cấm, Thượng Lý, mở rộng cảng Hải Phòng.

Đô thị Hải Phòng thời kì này phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa thực dân. Di sản tiêu cực của thời kì này là chế độ thực dân áp bức, còn di sản tích cực có thể kể

thừa là kinh nghiệm khoa học trong quản lý đô thị của người Pháp. Từ 1943, thành phố được xây dựng theo kế hoạch chỉ đạo của kiến trúc sư Pineon. Đồ án của Pi có vai trò tích cực trong quản lý phát triển đô thị, phản ánh sự phân tầng của giai cấp trong không gian đô thị. Phần phía bắc trục đường Tô Hiệu, Lê Lợi ngày nay chủ yếu được xây dựng theo đồ án này.

Nhìn chung, khi xây dựng đô thị Hải Phòng, người Pháp có những tính toán rất kỹ lưỡng để vừa phù hợp với mục đích cai trị và bóc lột thuộc địa của họ vừa phù hợp với những đặc điểm địa lý tự nhiên và dân cư riêng của thành phố. Khi mới tiếp nhận khu nhượng địa, việc đầu tiên họ làm là xây dựng các đồn binh và trụ sở hành chính (cơ quan công quyền, tòa án, nhà tù) để tiện bề cai trị. Sau khi đã chiếm toàn bộ Hải Phòng và đã chắc chân ở đây, họ bắt đầu xây dựng hệ thống công trình phục vụ cho mục đích ở lại và khai thác thuộc địa lâu dài. Lợi thế về địa lý của Hải Phòng cho phép hình thành các bến Cảng, nhà Ga và sân bay... Không cần nói cũng rõ giao thông có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, và đặc biệt là với quá trình khai thác thuộc địa... Sân bay Cát Bi còn có vai trò quân sự lớn khi nó hỗ trợ cho Điện Biên. Tiếp theo, họ xây dựng bưu điện để đảm bảo thông tin liên lạc một cách thông suốt và cùng với đó là các khu phố thương mại, hệ thống ngân hàng... Giải quyết xong cơ sở hạ tầng, người Pháp bắt đầu tính đến việc xây dựng những công trình khác như trường học (mục đích để đào tạo nhân lực cho chính quyền đô hộ, để truyền bá ảnh hưởng tư tưởng và văn hóa Pháp) và hàng loạt các công trình phục vụ cho mục đích giải trí của chính quyền thực dân và tầng lớp thượng lưu như nhà hát, rạp chiếu bóng, khách sạn... Nói chung từ các vấn đề liên quan tới chuyện lớn như cai trị hay chuyện nhỏ như giải trí, thưởng thức nghệ thuật đều được người Pháp chú trọng và quy hoạch đầu ra đó, mọi nhu cầu của cuộc sống đều được xem xét và có công trình tương ứng. Hải Phòng khi đó giống như một góc thu nhỏ của nước Pháp vậy.

Trở lại vấn đề kiến trúc Pháp, chúng ta không thể không nhắc tới sự thông minh của người Pháp khi đặt nhà máy xi măng tại Hải Phòng. Để đáp ứng việc xây một nước Pháp tại Việt Nam thì vật liệu xây dựng trong đó có xi măng là một bài toán lớn. Lời giải cho bài toán này là ở Hải Phòng có nguồn nguyên liệu sẵn có: đá bên huyện

Thủy Nguyên, bùn sông Cấm, than có thể lấy từ Quảng Ninh - tỉnh liền kề..., sau khi sản xuất thành xi măng, từ Hải Phòng lại có thể lên tàu đi các nơi.

Tóm lại, khi nói đến quá trình du nhập của các công trình kiến trúc Pháp vào Hải Phòng, bỏ qua mục đích đô thị hóa của chính quyền thực dân thì từ vẻ đẹp của các công trình cho đến sự tiện dụng, tính bền vững, sự bề thế, tính hoành tráng và đặc biệt là khả năng quy hoạch tổng thể của người Pháp, của kiến trúc Pháp nhìn chung vẫn đáng để cho chúng ta hơn 100 năm sau phải học hỏi.

2.3. Các công trình kiến trúc Pháp tiêu biểu ở Hải Phòng

2.3.1. Kiến trúc Hành chính - Thương mại

2.3.1.1. Các công trình kiến trúc hành chính - thương mại trên phố Điện Biên Phủ

Phố Điện Biên Phủ trước đây bao gồm Đại lộ Paul Bert⁶ (Boulevard Paul Bert) và phố Thống chế Joffre (Maréchal Joffre). Đại lộ Paul Bert từ cầu Lạc Long đến ngã tư giao với phố Trần Phú hiện nay, phố Thống chế Joffre là phần còn lại của phố Điện Biên Phủ. Phố thuộc đất xã Gia Viên cũ, trước giải phóng thuộc khu trung ương. Các công trình kiến trúc hành chính - thương mại quan trọng của thực dân Pháp trong thời kỳ này chủ yếu tập trung ở Đại lộ Paul Bert. Đây là phố đẹp và lớn nhất thành phố đồng thời cũng ra đời sớm. Do nằm sâu trong khu phố người Âu nên suốt thời Pháp thuộc, phố Paul Bert là nơi thực dân Pháp rất chú ý lo giữ an ninh chính trị, an toàn xã hội. Dân lao động ít khi đến phố này. Trên phố có nhiều cơ sở kinh tế quan trọng, nhiều ngân hàng, khách sạn lớn.

Về các cơ sở kinh tế và thương mại có: Công ti vận tải đường biển (Messageries), thường gọi là hãng đầu ngựa vì biểu tượng của hãng vẽ mô neo, giữa nổi hình đầu con ngựa; trụ sở chính của hãng đặt ở Marseilles nước Pháp và được thành lập năm 1851. Cơ sở của hãng này ở Hải Phòng, nay là cửa hàng nông sản thực phẩm, đối diện với cửa hàng Bách hóa tổng hợp. Cũng về vận tải đường biển còn có công ti vận tải liên hiệp Chargeurs Réunis, nhân dân ta thường gọi là hãng Năm Sao vì hãng

⁶ Paul Bert (1833-1886) là Tổng trú sứ dân sự đầu tiên ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ (tháng 1-11/1886), là người đã quyết định thành lập Phòng Thương mại Hải Phòng, cơ quan đóng vai trò quan trọng trong việc hoạt động kinh doanh và phát triển vùng duyên hải từ Hà Tĩnh ra Bắc.

Thống chế Joffre (1852-1931), sĩ quan Pháp tham gia xâm lược Bắc Kỳ.

trương cờ màu trắng ngà, giữa có một ngôi sao đỏ, châu tuần 4 góc 4 ngôi sao đỏ. Cơ sở của hãng nay là trụ sở của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải. Đây là hai hãng vận tải biển lớn nhất Hải Phòng lúc đó. Các cơ sở thương mại khác ở phố này thời Pháp thuộc còn có: hãng bảo hiểm Phôven (Fauvel), nhà in Viễn Đông IDEO, nằm bên kia đường đối diện với khách sạn Commerce, hãng Opto (Optorg), hiệu thuốc Brútmít (Pharmacie Brusmith), nay là hiệu thuốc Hồng Bàng. Thuộc về các ông chủ Hoa kiều có hãng Yuen Tai Ling (Nguyễn Thế Lâm), là người Trung Quốc đến kinh doanh thương mại sớm nhất tại Hải Phòng, vào năm 1875, hãng có chi nhánh ở Hồng Gai, trụ sở đặt ở số 11 - 13 - 15 Paul Bert.

Về các ngân hàng, có nhà băng Anh, nay là trụ sở của Liên đoàn lao động thành phố; Pháp - Hoa ngân hàng, nay là Bảo tàng thành phố, là tòa nhà có kiến trúc kiểu Gothic được xây dựng vào năm 1919 trên diện tích rộng gần 1 ha, bao quanh bảo tàng là một hàng rào mô phỏng một loại vũ khí của các hiệp sĩ thời trung cổ...

Về các khách sạn có Ôten Pari (Pari), nay là khách sạn Điện Biên, Ôten Commec (Commerce), nay giữ nguyên tên, có thời kì gọi là khách sạn Hữu Nghị; Ôten Palat (Palace), Ôten LaPe (La Paix); khách sạn Bạch Đằng hiện nay trước là nhà in Tôpanh (Topin); khách sạn Hồng Bàng nguyên là hiệu buôn vải lụa, quần áo của một phụ nữ Pháp tên là Girôđôn (Girodolle), trên các ô cửa sổ thời trang đều bày hàng hóa quảng cáo.

Các cơ sở văn hóa có trường dạy đánh máy, kế toán, Anh ngữ ODACS, nay là cửa hàng Foserco, câu lạc bộ hội âm nhạc Philamônique (Filamonique), đặt ở Đình Cầm cũ, nay là nhà văn hóa lao động; rạp chiếu bóng Omnia, sau giải phóng gọi là rạp Cộng hòa rồi thành thư viện thiếu nhi thành phố, nay đã dỡ bỏ để xây mới; rạp Colibri sau giải phóng thành hiệu cắt tóc; rạp Club, sau giải phóng không còn. Trụ sở báo Courrie Hải Phòng nay là Công ti bông vải sợi, tầng dưới của tòa báo là nhà in IDEO.

Cơ sở quân sự có trại Buê (Camp Bouet) nay là trụ sở Bộ tư lệnh Hải quân. (Ngô Đăng Lợi, 1993: 78-81).

2.3.1.2. Các công trình kiến trúc hành chính - thương mại trên phố Minh Khai

Phố thuộc đất xã Gia Viên cũ, trước giải phóng thuộc khu Trung ương. Là phố nổi từ Cảng cắt qua những đường phố quan trọng, Minh Khai có một vị trí quan trọng về giao thông và kinh tế. Lúc mới mở, phố được gọi là phố Frăngxi Gácniê (Rue Francis Garnier)⁷. Sau cách mạng tháng Tám, phố được đổi gọi là Phan Đình Phùng. Năm 1953, phố mang tên Thống chế Đờ Lát đờ Tátxinhi (Rue Amiral De Lattre de Tassigny). Sau giải phóng, phố đổi gọi là phố Hoà Bình và từ năm 1963 mang tên Minh Khai như hiện nay. Thời Pháp thuộc, trên phố có nhiều cơ sở kinh tế, thương mại khá quan trọng như: Phòng thương mại Hải Phòng (Nay là Sở Văn hóa - Thông tin thành phố). Phòng được thành lập ngày 23/11/1884 với địa bàn hoạt động là các tỉnh, thành phố thuộc miền duyên hải Bắc - Trung kì. Sau đó năm 1909, ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh tách ra, đưa vào địa bàn hoạt động của Phòng thương mại Hà Nội. Điểm độc đáo của ngôi nhà này là tháp chuông được xây dựng vào năm 1895, với ba đồng hồ quay về 3 hướng tây, nam, bắc. Đồng hồ rung nhạc đồ chuông theo giờ, vì vậy nhân dân hay gọi đây là Nhà đồng hồ ba chuông. Đồng hồ cũ từ thời Pháp, nay hỏng, hiện đã được thay thế bằng đồng hồ mới.

Trên phố có Hãng Descours Cabaud là hãng buôn lớn của Pháp, chuyên kinh doanh vật liệu kim khí, nay là cửa hàng Bách hóa tổng hợp Minh Khai; ngân hàng China (nay là trụ sở Mặt trận Tổ quốc thành phố, ban dân vận, liên hiệp các hội hữu nghị với nước ngoài). Trên phố có nhiều biệt thự được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Trụ sở Ban Tuyên giáo Thành ủy cũ nguyên là toà nhà của viên quan một Pháp. Trụ sở Tổng lãnh sự quán Cộng hòa liên bang Nga vốn là biệt thự của chủ nhất nhà máy Xi - măng. Thời Pháp thuộc, phố này được coi là phố Tây nên người bản xứ ít ai qua lại. Phố đẹp và yên tĩnh mang kiến trúc Pháp rất rõ. (Ngô Đăng Lợi, 1993: 170-171).

2.3.2. Các công trình kiến trúc Văn hóa - Nghệ thuật

2.3.2.1. Nhà hát lớn thành phố

⁷ Francis Garnier (1839-1873), đại úy hải quân Pháp, chết tại trận Cầu Giấy năm 1873.
De Lattre de Tassigny (1889-1952), Cao ủy kiêm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

Nhà hát Lớn thành phố nằm trên phố Hoàng Văn Thụ thuộc quận Hồng Bàng ngày nay. Nhà hát thành phố nằm ở khu chính trung tâm nội thành, tiếp điểm của khu người Âu, khu người Hoa, khu người Việt theo qui hoạch đô thị của chính quyền đô hộ. Năm 1900, Pháp đuổi chợ (chợ cổ của làng An Biên, trông ra ngòi Liêm Khê, có cầu, có quán, xung quanh có nhiều vườn hoa và cơ sở thương mại), lấy đất xây Nhà hát Lớn. Theo thiết kế, nguyên vật liệu xây dựng đều mang từ Pháp sang. Việc xây dựng do thợ Việt Nam thực hiện dưới sự chỉ đạo của kiến trúc sư Pháp (thiết kế theo kiểu các nhà hát của Pháp thời trung cổ). Quá trình xây dựng từ năm 1904 đến năm 1912 mới hoàn thành. Nhà hát lớn cao 2 tầng, mái vòm, có 100 cửa ra vào và cửa sổ, có hành lang, tiền sảnh, một sân khấu với khán phòng khoảng trên 600 ghế. Toàn bộ số ghế lô dành cho quan đầu tỉnh, cho khách danh dự. Bên phải, bên trái sân khấu là phòng trang điểm, phòng nghỉ của diễn viên, nhạc công. Phía sau có phòng khách lịch sự. Tiền sảnh rộng để đón khách có thể trưng bày tranh ảnh, triển lãm nhỏ. Hai bên tiền sảnh là hai phòng dùng làm nơi bán vé và căngtín. Hành lang rộng, chạy dọc suốt Nhà hát cả 2 tầng trên dưới. Ngoài cửa sổ kính, chớp, phía trong hành lang có cửa đệm bọc da để cách âm. Trần Nhà hát hình vòm, tạo tiếng vang và làm tôn chiều cao của Nhà hát. Vòm trần vẽ các lăng hoa trang trí, ghi tên các nhạc sỹ, kịch sỹ châu Âu lừng danh như: Mozard, Betthoven, Molière, Corneille... Thời Pháp thuộc, đây là nơi sinh hoạt chính trị, văn hóa của người Pháp và người giàu bản xứ. Thời ấy, chỉ những gánh hát từ Pháp sang hoặc những gánh hát nổi tiếng cả nước mới được biểu diễn ở đây. Đây cũng là nơi hàng năm phát phần thưởng cho học sinh giỏi. Phía trước Nhà hát có sân và vườn rộng 5.400m², gọi chung là Quảng trường Nhà hát thành phố, có tên là Place Théâtre Municipale. Trên sân, Pháp trồng hai cột đèn bằng gang theo kiểu đèn cổ Tây Âu, trên đỉnh cột đèn có thanh ngang hai đầu treo đèn tròn bóng to; thân đèn bằng gang, chụp đèn bằng hợp kim có họa tiết hoa văn trang trí xung quanh. Đến năm 1985 mới dỡ bỏ hai cột đèn cũ thay bằng cột xi măng và đặt đèn ống huỳnh quang như hiện nay. Trước đây, ở mặt trước Nhà hát, hai bên có trang trí tượng thiếu nữ Pháp; xung quanh sân có bồn cỏ, trồng dừa và đặt một số ghế gỗ, nay không còn.

Phía trước mặt nhà hát lớn là kênh đào Bonnal (sau này người dân Hải Phòng hay gọi là "sông Lấp" vì sau đó người Pháp đã lấp con sông và cho đỡ bỏ cây cầu Paul Doumer bên trên).

Vào ngày 20/11/1946, tại đây đã diễn ra trận đánh đẫm máu để bảo vệ thành phố, 13 chiến sĩ Vệ quốc đoàn và chiến sĩ tuyên truyền văn hóa Việt Nam do trung đội trưởng Đặng Kim Nở chỉ huy đã cầm chân lực lượng quân đội Pháp có xe tăng yểm trợ suốt một ngày đêm và tiêu diệt được 50 lính Pháp trước khi anh dũng hy sinh sau 4 ngày chiến đấu quả cảm.

Nhà hát thành phố là niềm tự hào của nhân dân thành phố cảng. Ngày nay quảng trường nhà hát lớn là nơi tụ họp của nhân dân thành phố vào những ngày lễ lớn.

2.3.2.2. Quán hoa

Có du khách khi đến với Hải Phòng nói rằng anh đã đi qua nhiều tỉnh thành trong cả nước, thậm chí ngay tại Đà Lạt, nơi được mệnh danh là thành phố ngàn hoa, nơi có địa điểm bán hoa rất nhiều, nhưng được qui hoạch là một điểm tham quan và nhất là có giá trị về lịch sử như Quán Hoa của Hải Phòng thì dường như chưa từng thấy ở đâu.

Quán hoa được xây dựng vào cuối năm 1941 do Đốc Lý Luciani người Pháp chủ trì việc thiết kế và Chánh lục lộ Gautier (cũng là người Pháp) phụ trách thiết kế mỹ thuật.

Tại cuộc thi thiết kế mẫu do viên Đốc Lý lúc bấy giờ khởi xướng, trong hàng chục mẫu gửi dự thi, mẫu đã được chọn này là của một nhà thiết kế người Á Đông. Mẫu quán lấy 04 cột gỗ tròn làm trụ, mái cong, lợp mái ngói mũi hài, mỗi quán rộng 20 m², cao gần 4m, cách nhau 6m. Tất cả các quán trải dài trên diện tích 300 m². Do thời gian eo hẹp, một nhà thầu đã dùng phương pháp truyền thống làm đình chùa ở Việt Nam, đó là làm các bộ phận ở nơi khác rồi đem đến lắp ráp chỉ trong một đêm là xong, đem lại sự ngỡ ngàng cho viên Đốc lý và nhân dân thành phố. Việc được xây dựng và hoàn thành trong một đêm mà không bị sai phạm lỗi kỹ thuật đã là một kì tích

gây sự chú ý về tài hoa của nhà thầu xây dựng khi đó. Thêm vào đó, 5 quán hoa nhỏ mang phong cách kiến trúc phương Đông lại rất hòa hợp về mặt mỹ quan với toàn bộ quần thể kiến trúc phương Tây do người Pháp quy hoạch cũ và cột cờ, bể phun nước do nhân dân Hải Phòng mới xây dựng, càng làm tăng thêm giá trị độc đáo, đặc sắc của công trình này.

2.3.2.3. Nhà thờ lớn Hải Phòng

Kiến trúc nhà thờ ra đời và gắn liền với sự du nhập và phát triển của đạo Thiên Chúa vào Việt Nam. Các nhà thờ này phần lớn được xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ XIX, thường mang phong cách kiến trúc Gothic.

So với các công trình kiến trúc khác, ở Việt Nam bên cạnh việc mang phong cách kiến trúc phương Tây, nhà thờ còn chịu ảnh hưởng của phong cách kiến trúc bản địa với các công trình tôn giáo như chạm khắc trên gỗ, trên đá hình tứ linh tứ quý, bát quái... Nhà thờ thường có cấu trúc theo chiều sâu, mái vòm, các tháp vươn cao để phù hợp với chức năng và quan hệ tôn giáo. Vật liệu xây dựng nhà thờ thường là xi măng cốt sắt. Quy mô kiến trúc của nhà thờ thường to lớn uy nghi và ít thanh thoát hơn so với các công trình kiến trúc truyền thống, đồng thời kiến trúc của nhà thờ cũng giảm đi sự kết hợp hài hòa với phong cảnh, ít sử dụng phong cảnh để trang trí cho kiến trúc.

Tại nhà thờ Chính tòa Hải Phòng, theo như tấm bia đá xanh hình khối chữ nhật đặt dưới chân tượng Thánh Juse, tạc năm 1886, ghi bằng chữ Hán, chữ Latinh và chữ Pháp cho biết: các Linh mục dòng Đa Minh (Dominique) nước Tây Ban Nha đã đến Bắc Kỳ từ ngày 7/7/1676 và ngày 5/7/1848 đã được Giáo hoàng Pie chia làm hai giáo đoàn.

Từ năm 1676 đến 1866, dòng tu Đa Minh Tây Ban Nha ở Bắc Kỳ đã có 3 giáo phận, 20 vạn tín đồ. Như vậy, dòng tu Đa Minh của các giáo sỹ Tây Ban Nha đã đến Bắc Kỳ, nhất là vùng ven biển khá sớm và có ảnh hưởng sâu ở Hải Phòng và vùng phụ cận. Mặc dù đã có mặt từ rất lâu và ảnh hưởng sâu rộng đến Hải Phòng, tuy nhiên, phải đến mãi những năm 20 của thế kỷ XIX, một nhà thờ có quy mô lớn mới được xây dựng ở Hải Phòng. Ngõ nhà thờ chính tức thánh đường, xây theo kiểu kiến

trúc Gothic dài 47m, rộng 17m, đủ chỗ cho ngàn giáo dân đến dự lễ. Tháp chuông nhà thờ cao 28m. Bên trong còn có phòng là nơi ở của các giáo sỹ, nhà khách, nhà làm việc. Đối diện với cổng nhà thờ (phía đường Hoàng Văn Thụ hiện nay) là trường Dòng Saint Dominique (nay là trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng). Vì đây là công trình to đẹp nhất dãy phố nên phố có tên ban đầu là phố Mission (phố Nhà Chung), năm 1954 đổi tên là phố Đắc Lộ, tên phiên âm Hán Việt của Alexandre De Rhodes, một linh mục có công đầu trong việc sáng tạo nên chữ Quốc ngữ của chúng ta hiện nay.

2.3.2.4. Biệt thự Bảo Đại

Nằm trên đồi Vung cao 36m so với mực nước biển, thuộc khu II Đồ Sơn, biệt thự Bảo Đại được xây dựng từ năm 1928. Ngày 16/06/1949, toàn quyền Đông Dương đã tặng nó cho vua Bảo Đại, vị hoàng đế cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam, từ đó ngôi nhà này được mang tên “Biệt thự Bảo Đại”. Ngay từ năm 1933, sau một năm lên cầm quyền, Bảo Đại đã đến đây. Mỗi lần ra kinh lý Bắc Kỳ, vua Bảo Đại đều đến Đồ Sơn và nghỉ tại biệt thự này. Từ biệt thự có thể nhìn toàn cảnh bán đảo Đồ Sơn. Khí hậu nơi đây rất ôn hòa, đặc biệt vào mùa hè rất mát mẻ. Từ tháng 5 năm 1955, ngôi nhà được giao cho Bộ Quốc phòng quản lý. Do ảnh hưởng của thời gian chiến tranh, ngôi biệt thự bị xuống cấp nghiêm trọng.

Ngày 28/03/1984, Bộ quốc phòng đã bàn giao lại ngôi nhà cho Công ti du lịch Hải Phòng, nay là Công ti khách sạn Đồ Sơn quản lý. Sau đó công ti đã tiến hành phục chế lại tòa nhà, sau 2 năm đã đón khách tham quan và nghỉ qua đêm.

2.3.3. Các công trình kiến trúc Giao thông - Thông tin liên lạc

2.3.3.1. Cảng Hải Phòng

Trước khi có Cảng Hải Phòng, Hải Phòng thuở xưa là một bến sông. Những năm 40 - 44 (SCN), bà Lê Chân, nữ tướng dưới triều Trưng Nữ Vương, về trấn miền biển, lập ra làng An Biên. Năm 938, Ngô Quyền xây dựng một hệ thống đồn phòng ở

đây (khu vực nội thành và quận Hải An ngày nay). Thời Lê, Nguyễn (1685 - 1871), vùng Hải Phòng được coi là một khu vực phòng thủ quan trọng.

Trong giai đoạn từ 1871 đến 1877, Hải Phòng được xây dựng nhiều đồn phòng trên đảo Cát Bà và dọc sông Cấm làm nhiệm vụ kiểm tra đi lại của tàu thuyền, phía bên kia sông Tam Bạc được xây dựng trạm thu thuế tàu biển và phòng thủ gọi là “Hải dương thương chính quan phòng”.

Từ 1871, Hải Phòng trở thành một trung tâm buôn bán, trao đổi với nước ngoài. Lúc đầu, tàu cập cảng Cát Bà, sau đi sâu tới bến Ninh Hải trên sông Tam Bạc, cư dân lúc đó sống dọc hai bên bờ sông, bên cạnh bến có một chợ hẹp (gần chợ Sắt ngày nay).

Cảng Hải Phòng được xây dựng đã trên 100 năm. Ngay sau Hòa ước Giáp Tuất (1874), thực dân Pháp đã khai thác khu bến này phục vụ cho tàu thuyền của đội quân viễn chinh do tên lái súng thám hiểm dò đường. Nhưng chỉ từ sau hòa ước Giáp Thân (1884), khi thực dân Pháp đặt xong bộ máy đô hộ trên toàn cõi Việt Nam, cảng Hải Phòng mới được tích cực xây dựng. Năm 1886 đã có 170m cầu tàu bằng gỗ và hai cụm kho. Năm 1900 bắt đầu xây dựng hệ thống kè đá từ bến sáu Kho đến bến Cầu Ngự. Từ đó đến nay, qua nhiều lần xây dựng, cải tạo kho bãi cùng thay đổi bổ xung thiết bị kỹ thuật, nhất là từ năm 1902, toàn quyền Đông Dương quyết định xây dựng Cảng Bắc kì tại Hải Phòng.

Bến Cảng Hải Phòng thuộc địa phận làng Gia Viên trước đây, trước giải phóng, được quyền tự quản, không thuộc khu hành chính nào. Lúc mới mở gọi là Cảng Hải Phòng, dân chúng thường gọi là bến Sáu Kho vì lúc ấy có 6 kho hàng. Ca dao xưa về Hải Phòng có câu:

Hải Phòng có bến Sáu Kho

Có sông Cửa Cấm có lò Xi - măng.

Giới hạn của Cảng Hải Phòng thời Pháp thuộc chỉ thấy ghi ở điều 1 "Qui tắc chung về thuế quan" do Cảng Hải Phòng ấn hành năm 1875 (Kí hiệu ở Thư viện Quốc

gia: M.5993). Theo văn bản này thì "Cảng Hải Phòng được giới hạn giữa đồn binh ở trên phía hữu ngạn sông Cửa Cấm, đối diện với lạch Vàng Châu và đồn binh ở thượng lưu lạch Hải Phòng trên tả ngạn sông Cửa Cấm". (Ngô Đăng Lợi, 1993: 97).

Đối chiếu với sách Đồng Khánh địa dư chí lược thì đồn binh ở hữu ngạn sông Cấm tức là đồn Ninh Hải số 1 tại xã Lạc Viên mà các bản đồ của chính quyền đô hộ Pháp vẫn ghi là Fort Annamite (đồn binh Annam). Còn đồn ở hữu ngạn sông Cấm tức là đồn Ninh Hải số 3 đặt ở địa phận xã Bích Động huyện Thủy Nguyên. Đối chiếu với bản đồ Hải Phòng của bộ tham mưu quân sự Pháp cùng thời thì lúc ấy giới hạn cảng từ cửa sông Tam Bạc chỗ mom thủy đội đến đầu đường Lê Lai hiện nay. Sau đó, nhiều tài liệu của chính quyền Pháp xác định từ đại lộ Ferry (Cù Chính Lan) đến đại lộ Bonnal (Trần Phú) với chiều dài 1140m. Nhưng cũng có tài liệu của Pháp lại cắt đoạn từ phố Cù Chính Lan đến phố Bến Bính hiện nay gọi là bến Tự Do (Quai Liberté). Hiện nay cảng Hải Phòng, sau khi xây nhà máy Đông lạnh thì chỉ còn từ đó đến chỗ tiếp giáp đường Cửa Cấm.

Sau khi toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier chết, đổi gọi Cảng Pasquier. Tuy nhiên, nhân dân ta trong thời Pháp thuộc và tạm chiếm vẫn gọi là bến Sáu Kho, sau Cách mạng tháng Tám 1945 đổi là bến Cửa Cấm, năm 1954 đổi gọi là bến Bạch Đằng, sau tiếp quản thường gọi là bến Cảng Hải Phòng hay Cảng Hải Phòng.

2.3.3.2. Ga Hải Phòng

Tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng dài 102 km được thực dân Pháp khởi công xây dựng từ năm 1901 nhằm mục tiêu biến con đường huyết mạch này thành phương tiện chủ yếu phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược tại vùng Bắc Bộ. Ngày 16/6/1902, toàn tuyến được chính thức đưa vào khai thác. Và cái tên ga Hải Phòng ra đời từ đó. Ngày 1/2/1906, đường sắt Hải Phòng - Lào Cai dài 390km cũng được đưa vào khai thác, thông với Côn Minh (Vân Nam - Trung Quốc) từ năm 1910.

Nhà ga Hải Phòng nay là một trong những công trình kiến trúc theo phong cách Pháp tiêu biểu của thành phố Hải Phòng. Đối với cán bộ công nhân viên ngành đường sắt, cái tên ga Hải Phòng còn mang đậm một dấu ấn riêng: đó là nơi Bác Hồ bắt đầu

chuyến khởi hành bằng tàu hỏa từ Hải Phòng về Thủ đô Hà Nội vào ngày 21/10/1946, sau khi dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến thắng lợi, Hải Phòng là điểm sau cùng của đường sắt miền Bắc còn bị thực Pháp chiếm đóng. Cùng với nhân dân, công nhân khu đường sắt Hải Phòng, công nhân nhà ga đã có 12 cuộc đấu tranh quan trọng bảo vệ máy móc, vật liệu. Ngày 13/5, bộ đội ta tiếp quản ga Hải Phòng. Sáng ngày 15/5/1955, nhà ga hoạt động bình thường, đón tiếp tàu chở bộ đội và cán bộ tiếp quản vào thành phố; tuyến Hà Nội - Hải Phòng hoạt động trở lại như thường lệ.

Ngày nay ga Hải Phòng là ga loại 1 của ngành Đường Sắt Việt Nam trực thuộc Công Ty vận tải hàng hóa Đường sắt, có trụ sở chính tại số 75 đường Lương Khánh Thiện - Quận Ngô Quyền - TP Hải Phòng. Ga Hải Phòng quản lý và khai thác hệ thống đường sắt tại nhà ga và hệ thống đường sắt trong Cảng Hải Phòng, Cảng Chùa Vẽ, Cảng Viconsip. Năng lực vận tải hành khách tổ chức chạy từ 6 đến 8 đôi tàu nhanh tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng mọi nhu cầu vận chuyển hành khách bằng các toa xe ngồi cứng, ngồi mềm, toa xe 2 tầng có điều hoà nhiệt độ; năng lực vận tải hàng hóa đáp ứng thường xuyên từ 3000 đến 4000 tấn xếp, 2000 đến 3000 tấn dỡ/ngày.

2.3.3.3. Bưu điện Hải Phòng

Năm 1876, người Pháp mở Bưu cục Hải Phòng và Qui Nhơn, sau khi các cơ sở tương tự đã được mở tại Sài Gòn, Hà Nội. Những con tem đầu tiên ở nước ta được phát hành vào năm 1864, hình vuông có hình chim đại bàng với đủ cỡ, loại. Ngày chuyển thư và đón thư thường được tiến hành khá nghiêm trang. Khi thư đi, trước nhà Bưu chính Hải Phòng treo cờ tam tài (cờ Pháp), đêm thì treo đèn. Khi thư đến thì ở Hải Phòng treo cờ xanh viền đỏ, ở miền trung treo cờ viền xanh. 5 phút sau khi kiểm tra, thư đã được trao cho các bưu tá. Điện thoại liên tỉnh Hải Phòng - Hà Nội chính thức có từ ngày 19/04/1906. Bưu điện Hải Phòng ra đời sớm đã góp phần đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, nối liền Hải Phòng với các tỉnh thành quan trọng khác trong cả nước.

2.3.4. Các công trình kiến trúc khác

2.3.4.1. Nhà máy - Xí nghiệp

Nhà máy ximăng Hải Phòng: Cách đây hơn 100 năm, ngày 25/12/1899, tại ngã ba sông Cấm và kênh đào Hạ Lý, Nhà máy ximăng Hải Phòng - nhà máy ximăng đầu tiên của Liên Bang Đông Dương - đã được người Pháp khởi công xây dựng, khai sinh ngành công nghiệp ximăng trên toàn cõi Đông Dương lúc bấy giờ. Đây cũng là một trong những nhà máy đầu tiên hình thành nên giai cấp công nhân Việt Nam. Hàng vạn con người của nhiều thế hệ người lao động Hải Phòng đã gắn bó cả cuộc đời mình, sống, chiến đấu, làm việc và hy sinh ngay trong nhà máy này. Trong tâm khảm nhiều người Hải Phòng, nhất là thế hệ cũ, hai ống khói trắng nhà máy ximăng ẩn hiện chân trời phía Tây Bắc là hình ảnh thật thân thương, gần gũi mến yêu như bến cảng, con tàu.

Nhưng, cũng làn khói trắng ấy, qua nhạc họa thơ ca lãng mạn là thế, thực tế lại là sự khốn khổ chịu đựng của biết bao người dân sống quanh vùng bởi sự ô nhiễm không khí nặng nề. Và đúng thời điểm ngày 25/12/2002, trùng ngày nhà máy cũ được xây dựng cách đây 103 năm, nhà máy ximăng Hải Phòng (mới) được khởi công xây dựng khang trang hơn, to đẹp hơn và bớt ô nhiễm hơn, đem lại niềm vui cho nhân dân toàn thành phố.

Nhà máy Tơ: thuộc phố Máy Tơ hiện nay, ra đời trong những năm khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Lúc đó nhu cầu bông vải sợi ở Đông Dương cao và dễ thu lãi nhưng nước Pháp lại không đủ khả năng cung cấp sợi cho Đông Dương, đồng thời lại không muốn Đông Dương nhập sợi của Bombay, Ấn Độ nên đã quyết định cho xây dựng Nhà máy Tơ tại Hải Phòng. Nhà máy Tơ ra đời đã sử dụng nhân công rẻ mạt tuyển từ các làng Lạc Viên, Gia Viên, các tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định. Nhà máy thực hiện việc kéo sợi bông, đồng thời có phân xưởng tơ. Năm 1907, nhà máy đã có khoảng 700 công nhân, năm 1939 lên tới 3000 công nhân. Nhà máy ra đời kéo theo sự xuất hiện của một số nhà máy có liên quan như nhà máy Chi Viễn Đông, xưởng dệt Lương Văn Ki. Về sau người Pháp chủ trương thu hẹp Nhà máy Tơ để mở rộng nhà máy sợi Nam Định vì công nhân ở Nam Định sẵn và rẻ hơn. (Ngô Đăng Lợi, 1993: 161).

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu cai trị và phục vụ đời sống hàng ngày, người Pháp còn cho xây dựng rất nhiều nhà máy và xí nghiệp khác như Nhà máy đèn (nay là Công ty điện lực Hải Phòng), nhà máy chai (nhà máy thủy tinh), xưởng sửa chữa và đóng tàu sông Cấm (nhà máy đóng tàu Bạch Đằng)...

2.3.4.2. Trường học - Bệnh viện

Sau khi hoàn thành qui hoạch tổng thể thành phố và thiết lập vững chắc chế độ cai trị của mình, thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống trường học với mục đích chính là truyền bá văn hóa Âu - Tây, nô dịch hóa người dân Việt Nam về mặt tinh thần, đồng thời góp phần đào tạo đội ngũ công chức bản địa cho chính quyền thực dân. Có thể kể tên một số ngôi trường được xây dựng dưới thời Pháp thuộc như: Trường nữ học Henry Rivière (nay là Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương), Trường Pháp - Việt Jean Dupuis (nay là trụ sở Phòng Cảnh sát giao thông thành phố), Trường nam sinh Bonnal (nay là Trường PTTH Ngô Quyền), Trường nữ học (nay là Trường PTCS Minh Khai)... Về hệ thống nhà thương, có nhà thương chữa mắt (nay là nhà triển lãm thành phố), nhà thương chính (nay là Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp)... Nhà thương chính khi đó được gọi là Nhà thương bản xứ, lúc đầu chỉ có một nhà khám bệnh và hai nhà cho người bệnh nằm, sau đó xây thêm hai nhà nữa cho người bị thương, cho nhà bếp và nhà tắm. Nhà thương chính thức hoạt động từ 21/3/1906, ban đầu hoàn toàn miễn phí để thu hút dân chúng đến chữa bệnh theo Tây y. Năm 1907, trong báo cáo của mình, Paul Bert viết: “Nhà thương bản xứ Hải Phòng mỗi tháng chữa được độ 25 người và hàng ngày trung bình có khoảng 40 người được khám bệnh” (Ngô Đăng Lợi, 1993:206).

Ngoài các công trình kể trên, có thể kể đến các công trình kiến trúc Pháp với những chức năng khác như: trường đua ngựa, rạp chiếu phim, nhà văn hóa thông tin...

Tiểu kết chương 2

Như vậy, cùng với quá trình du nhập kiến trúc Pháp vào Việt Nam, Hải Phòng cũng là một thành phố mang dấu ấn thuộc địa rõ nét của Pháp. Các công trình kiến trúc

Pháp ở Hải Phòng bên cạnh những đặc trưng chung của nghệ thuật kiến trúc Pháp thì còn mang những yếu tố và bản sắc rất riêng. Đó đều là những công trình nghệ thuật đạt đến đỉnh cao, thể hiện một trình độ cao về khả năng qui hoạch và quản lý đô thị của người Pháp, đồng thời còn mang đậm dấu ấn của sự giao lưu văn hóa giữa phương Đông và phương Tây, mà vẫn mang hương sắc của vùng đất cửa biển Hải Phòng, khác hẳn với một Hà Nội “xa rừng nhạc biển” hay một Sài Gòn hoa lệ từng được mệnh danh là “hòn ngọc của Viễn Đông”. Có thể nói rằng, các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng khó có thể sánh được với Hà Nội và Sài Gòn về qui mô nhưng chắc chắn không kém phần diễm lệ. Đó là một di sản quý của người dân Hải Phòng cần được trân trọng, giữ gìn và phát huy. Cùng với những di tích lịch sử và danh thắng khác trên đất Hải Phòng, các công trình kiến trúc Pháp chính là một nguồn tài nguyên du lịch độc đáo, đầy tiềm năng, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành du lịch thành phố.

Nhưng trên thực tế, trong những năm qua, việc khai thác những tài nguyên này phục vụ du lịch của thành phố chưa được chú trọng và quan tâm đầu tư đúng mức. Do vậy cần có những chính sách phù hợp để khai thác được nguồn tiềm năng sẵn có, giúp du lịch Hải Phòng có những bước phát triển tương xứng với tiềm năng của mình.

CHƯƠNG 3:

HIỆN TRẠNG CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC PHÁP TẠI HẢI PHÒNG HIỆN NAY VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC PHÁP PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Thực trạng khai thác hiện nay

3.1.1. Hiện trạng tài nguyên

Người Pháp khi mở mang các đô thị sẵn có của người Việt đã ít nhiều tôn trọng thực trạng kiến trúc hiện tồn, tạo lập các đường phố và ô phố mới khác biệt với khu phố truyền thống, song không tương phản gay gắt với nó như ở các thuộc địa khác. Nhờ đó mà các đô thị ở Việt Nam có sự chuyển hóa mềm mại các không gian, dẫn tới sự thống nhất hữu cơ của chúng.

Trong nền kiến trúc thuộc địa đã từng bước định hình và hoàn thiện một loạt các giải pháp, biện pháp kiến trúc và kỹ thuật nhằm đối phó hoặc thích nghi với điều kiện địa hình, địa thế và đất đai khác nhau, với các chế độ nóng nực và ẩm thấp, bức xạ mặt trời, đông bão... thích ứng khá nhanh chóng với những điều kiện tự nhiên nhiệt đới và gió mùa ở nước ta. Các giải pháp và biện pháp đó đã tác động đến tính chất và bộ mặt kiến trúc ở một nước thuộc địa khí hậu nóng - ẩm, khác hẳn với các nước thuộc địa khí hậu nóng - khô. Nhờ đó mà ngày nay, nhiều công trình vẫn được bảo tồn gần như nguyên vẹn, không bị tàn phá bởi thời gian.

Bên cạnh đó, trong các công trình kiến trúc của mình, nhằm tạo ra sự gần gũi và mê hoặc với người dân bản địa, người Pháp ngay từ những năm đầu đã thể hiện ý thức vận dụng những đề tài trang trí từ nghệ thuật truyền thống Á Đông. Càng về sau, khuynh hướng đó càng lộ rõ. Họ khai thác và đưa vào kiến trúc của mình nhiều thủ pháp và hình thức, vật liệu, kỹ thuật, cách thức và đề tài trang trí của kiến trúc Việt Nam và của khu vực lân cận. Tất cả những điều đó tạo nên một nền văn hóa Việt Nam

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tất cả những đặc điểm này vẫn để lại dấu ấn sâu sắc trong các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng.

Thành phố Hải Phòng mang đậm dấu ấn kiến trúc thuộc địa của Pháp. Kiến trúc của Hải Phòng rất giống Hà Nội dưới thời Pháp thuộc về tổng thể, chỉ nhỏ hơn về quy mô. Có thể thấy kiến trúc Hải Phòng hiện tồn tại đan xen 3 giai đoạn: thứ nhất là đầu thập niên 50 trở về trước với kiến trúc kiểu Pháp chiếm ưu thế; thứ hai là thời kỳ 1954-1989, nhà cửa, phần lớn là hệ thống chung cư, được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, ít tính đến khía cạnh thẩm mỹ; cuối cùng là giai đoạn cuối thập niên 80 đến nay với sự bùng nổ của rất nhiều kiểu kiến trúc.

Đến thời điểm này (2010), Hải Phòng còn giữ được nhiều khu phố với kiến trúc khá nguyên vẹn từ thời Pháp thuộc. Khu vực quận Hồng Bàng là một ví dụ, nhiều phố với những biệt thự khá đẹp, chưa bị coi nói và phá vỡ về tổng thể, đường phố sạch và không quá đông đúc.

Cũng ở quận Hồng Bàng, khu phố Tàu gần chợ Sắt có những nét giống như khu vực Chợ Lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là phố Trung Quốc (nay là phố Tam Bạc) nằm ngay bên con sông Tam Bạc thơ mộng, trên bến dưới thuyền, từng là đề tài cho nhiều họa sỹ. Nhìn chung, về mặt kiến trúc, Hải Phòng là thành phố nhỏ và đẹp, không nhiều tòa nhà cao ốc như Thành phố Hồ Chí Minh hay Hà Nội.

Tuy nhiên cũng có một thực trạng đối lập của các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng. Sau khi người Pháp rút khỏi Hải Phòng năm 1955, các ngôi nhà trong khu phố cũ được thu hồi sử dụng vào nhiều mục đích, quá trình này làm thay đổi chức năng của chúng. Những công trình tiêu biểu trở thành trụ sở các cơ quan công quyền nên được gìn giữ và ít thay đổi. Những biệt thự kiến trúc kiểu thuộc địa cũng vậy, rất nhiều cái trở thành cơ quan công sở nên được giữ gìn khá tốt.

Trên phố Điện Biên Phủ, sau giải phóng, các cơ sở hạ tầng đều được nâng cấp sửa chữa hoặc gần như xây mới lại hoàn toàn như cửa hàng Intershop (nay đổi gọi là Công ty kinh doanh dịch vụ ngoại thương Foserco), cửa hàng thủ công mỹ nghệ (khách sạn La paix cũ), khách sạn Điện Biên (tên cũ là cửa hàng ăn uống số 1), khách sạn Hồng Bàng, khách sạn Commerce, khách sạn Bạch Đằng, ngân hàng Công thương,

ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải... Bên cạnh đó, Đại lí hàng hải, Trụ sở Hải quan, Bảo tàng Hải quân, Nhà khách Hải quân là những tòa nhà mới xây dựng, góp phần làm cho phố trở nên đẹp hơn. Ngoài các cơ sở nói trên, ở phố còn có Sở Tài chính, Công ti xổ số, xí nghiệp lắp ráp điện tử, trụ sở mặt trận Tổ quốc thành phố và nhiều cơ quan cửa hàng khác.

Phố Minh Khai hiện nay hình thành hai khu vực rõ rệt, đoạn Trần Hưng Đạo - Điện Biên Phủ khá sầm uất, nhiều dịch vụ phát triển, đoạn từ ngã tư Điện Biên Phủ trở lên vẫn là nơi yên tĩnh.

Ở mặt đối lập, khu nhà ở theo kiến trúc Pháp trước đây (chung cư), giờ chia thành các căn hộ phân bổ cho nhiều gia đình. Cùng với thời gian, nhu cầu sử dụng thực tế và sự nghèo nàn cả về kinh tế lẫn trí tuệ đã làm cho các ngôi nhà Pháp cũ đang dần biến dạng. Chúng ta không còn thấy cái dáng vẻ ban đầu của chúng nữa, và không ít trong số những kiến trúc ấy đã không còn tồn tại. Nằm trong tình trạng chung, một số biệt thự nhỏ, được chia nhỏ cho nhiều hộ gia đình tư nhân, cũng đã và đang xuống cấp trầm trọng.

Sau đây là Bảng thống kê một số công trình kiến trúc Pháp tiêu biểu ở Hải Phòng và mục đích sử dụng của những công trình này hiện nay

STT	Các công trình kiến trúc tiêu biểu	Hiện trạng sử dụng hiện nay	Địa chỉ
1	Tòa thị chính thành phố (Tòa Đốc lý)	Trụ sở UBND thành phố	Phố Hoàng Diệu
2	Sở Bưu điện	Bưu điện thành phố	5 Nguyễn Tri Phương
3	Cảng Hải Phòng	Cảng Hải Phòng	2 Hoàng Diệu
4	Ga Hải Phòng	Ga Hải Phòng	25 Lương Khánh Thiện

5	Tòa án hôn hợp	Tòa án nhân dân TP	31 Trần Phú
6	Nhà hát lớn	Nhà hát lớn thành phố	Quảng trường NHL
7	Nhà thờ chính tòa	Nhà thờ lớn Hải Phòng	46 Hoàng Văn Thụ
8	Phòng Thương mại Hải Phòng	Sở văn hóa thông tin Hải Phòng	18 Minh Khai
9	Sở mật thám	Sở giáo dục và đào tạo thành phố	Phố Minh Khai
10	Ngân hàng Anh	Liên đoàn lao động thành phố	88 Điện Biên Phủ
11	Pháp - Hoa ngân hàng	Bảo tàng thành phố	11 Đinh Tiên Hoàng
12	Ngân hàng Đông Dương	Ngân hàng nhà nước Hải Phòng	4 Nguyễn Tri Phương
13	Khách sạn Pari	Khách sạn Điện Biên	Phố Điện Biên Phủ
14	Khách sạn Commerce	Khách sạn Thương mại	62 Điện Biên Phủ
15	Nhà in Topin	Khách sạn Bạch Đằng	46 Điện Biên Phủ
16	Hiệu buôn vải Girodolle	Khách sạn Hồng Bàng	64 Điện Biên Phủ
17	Khách sạn Cát Bi	Khách sạn Cát Bi	30 Trần Phú
18	Khách sạn Marseillaise	Phòng văn hóa và thư viện quận Ngô Quyền	
19	Trường Dòng Saint	Trường tiểu học Đinh	Đinh Tiên Hoàng

	Dominique	Tiên Hoàng	
20	Trường nữ học Henry Rivière	Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	Đình Tiên Hoàng
21	Trường Pháp - Việt Jean Dupuy	Phòng Cảnh sát giao thông thành phố	5 Phan Chu Trinh
22	Trường đạo Saint Joseph	Trường PTCS Ngô Quyền	Phố Nguyễn Đức Cảnh
23	Trường nam sinh Bonnal	Trường PTTH Ngô Quyền	2 Mê Linh
24	Trường nữ học	Trường PTCS Minh Khai	Phố Lê Chân
25	Công ti vận tải đường biển (Messageries)	Cửa hàng nông sản thực phẩm	Phố Điện Biên Phủ
26	Công ti vận tải liên hiệp Chargeurs Réunis	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	25 Điện Biên Phủ
27	Hãng buôn Descours Cabaud	Cửa hàng bách hóa tổng hợp Minh Khai	23 Minh Khai
28	Hiệu thuốc Brusmith	Hiệu thuốc Hồng Bàng	
29	Trại binh Bouet	Bộ tư lệnh Hải quân	22 Điện Biên Phủ
30	Biệt thự của viên Quan một Pháp	Ban Tuyên giáo Thành ủy	Minh Khai
31	Nhà máy Đèn	Công ty điện lực Hải Phòng	54 Minh Khai

32	Nhà tắm công cộng (Nhà thương chữa mắt)	Nhà triển lãm thành phố	Quang Trung - Nguyễn Đức Cảnh
33	Tư gia của Hiệu trưởng trường Henry Rivière	Sở Lao động Thương binh - Xã hội	2 Đình Tiên Hoàng
34	Nhà thương chính	Bệnh viện hữu nghị Việt - Tiệp	1 Nhà Thương
35	Trường đua ngựa	Sân vận động Lạch Tray	Lạch Tray
36	Sân thể thao Radiom	CLB thể dục thể thao quận Hồng Bàng	Phan Chu Trinh
37	Rạp Casino	Rạp Công nhân	Cầu Đất
38	Rạp Cathay	Rạp Lê Văn Tám	Mê Linh
39	Rạp chiếu bóng Eden	Rạp Hòa Bình	Đình Tiên Hoàng
40	Rạp Lido	Nhà hát Tháng Tám	Đình Tiên Hoàng
41	Rạp Lunimor	Hiệu sách quốc doanh Hải Phòng	Hoàng Văn Thụ

Nhìn vào Bảng thống kê trên, chúng ta có thể thấy từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 7 là những công trình kiến trúc công sở hành chính và hầu như chúng vẫn được giữ nguyên chức năng như khi được xây dựng từ thời Pháp thuộc. Trong số các công trình này, có lẽ chỉ có Nhà hát lớn, Nhà thờ lớn, Ga Hải Phòng và Bưu điện Hải Phòng là người dân được phép đến tham quan, tìm hiểu tự do (dù cũng ít được đi sâu tìm hiểu các hạng mục công trình bên trong), còn đối với trụ sở UBND thành phố, Tòa án nhân dân thành phố và Cảng Hải Phòng thì không phải đối tượng nào cũng được phép vào.

Một số các công trình kiến trúc Pháp đã thay đổi hoàn toàn chức năng, trở thành trụ sở của các cơ quan công quyền của thành phố như Phòng Thương mại Hải Phòng (Sở văn hóa thông tin Hải Phòng), Ngân hàng Anh (Liên đoàn lao động thành phố), Trại binh Bouet (Bộ tư lệnh Hải quân), Biệt thự của viên Quan một Pháp (Ban Tuyên giáo Thành ủy), Trường Pháp - Việt Jean Dupuis (Phòng Cảnh sát giao thông thành phố), Tư gia của Hiệu trưởng trường Henry Rivière (Sở Lao động Thương binh - Xã hội)... Đối với các công trình này, chỉ khi có công việc liên quan cần giải quyết, người dân mới đến liên hệ, và ngay cả khi đến đây rồi cũng ít người biết đây chính là một di sản kiến trúc quý giá mà người Pháp đã để lại cho chúng ta. Ngay cả khi biết đó là những tòa nhà theo kiểu kiến trúc Pháp, có lẽ nhiều người cũng chỉ thán thán khen ngợi vẻ đẹp của nó mà ít khi nảy sinh nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu xem vẻ đẹp đó cụ thể như thế nào, lịch sử ra đời của nó ra sao...

Cũng tương tự như vậy, rất nhiều rạp hát, nhà chiếu bóng xưa kia được người Pháp xây dựng để phục vụ nhu cầu giải trí của chính họ và nhằm mục đích khiến người dân bản địa bị mê hoặc bởi văn hóa Âu Tây, đến ngày nay vẫn là những trung tâm giải trí nghệ thuật của người dân thành phố. Tuy nhiên, khi đến những rạp hát này để thưởng thức ca nhạc hay thưởng lãm một bộ phim, một vở kịch, nhiều người chỉ quan tâm xem khán phòng có rộng không, hệ thống cách âm, chiếu sáng có hoạt động tốt không, có hiện đại không, chứ không mấy người quan tâm tìm hiểu về những chi tiết trang trí nghệ thuật mang đậm phong cách kiến trúc Pháp ở hai bên bao lơn hay trần nhà hát. Thiết nghĩ đó cũng là một sự thực đáng buồn khi vẻ đẹp của một nền nghệ thuật kiến trúc đỉnh cao bị lãng quên.

Ngay cả thế hệ trẻ của thành phố Hải Phòng, những thanh thiếu niên đang ngày ngày ngồi trên ghế giảng đường của những ngôi trường như Trường PTTH Ngô Quyền, Trường Tiểu học Minh Khai, Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng, Trường tiểu học Nguyễn Tri Phương, họ cũng không hề có ý thức rằng mình đang được tiếp xúc hàng ngày với những công trình kiến trúc của lịch sử, mà tiền thân cũng là những ngôi trường không kém phần danh tiếng dưới thời thuộc Pháp. Phân tích như vậy để có thể thấy rằng, các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng có rất nhiều giá trị, cả về giá trị

lịch sử cũng như giá trị nghệ thuật, nhưng trước khi những giá trị đó đến được với du khách, thì trước hết người dân thành phố cũng cần phải có được những nhận thức nhất định về một nguồn tài nguyên quý giá mà thành phố đang nắm giữ, để từ đó biết cách trân trọng giữ gìn và tìm cách khai thác sao cho hiệu quả.

3.1.2. Thực trạng khai thác trong du lịch

Trên thực tế, hiện nay có một số công trình kiến trúc Pháp tiêu biểu tại Hải Phòng đã được đưa vào phục vụ du lịch, dù với tư cách và chức năng hoàn toàn khác.

3.1.2.1. Nhà hát lớn và Quán hoa

Công trình đầu tiên cần phải kể đến đó là Nhà hát lớn thành phố và Quán Hoa.

Quảng trường Nhà hát lớn hiện nay là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa nhân dịp kỉ niệm các sự kiện lớn của thành phố, của đất nước, đồng thời nó như một biểu tượng cho sự lớn mạnh, phát triển, một trung tâm chính trị lớn nhất của thành phố. Trong những năm tháng kháng chiến, sự còn, mất của nhà hát được xem như chính sự còn mất của thành phố cảng này. Tại đây, ngày 23/08/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đã ra mắt nhân dân, đây cũng là nơi tổ chức “tuần lễ vàng” xây dựng đất nước trong những ngày đầu giành độc lập. Ngày 6/1/1946, diễn ra cuộc đấu tranh bảo vệ hòm phiếu của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội đầu tiên của Việt Nam độc lập. Nét đẹp bên trong của nhà hát được tôn lên bởi phong cách kiến trúc của nền văn minh Pháp thế kỉ XIX. Nét đẹp bên ngoài nhà hát thể hiện sự phát triển của một xã hội hiện đại: có quảng trường riêng, trước mặt là vườn hoa, có vòi phun nước màu nghệ thuật, những cảnh hoa lung linh sắc màu trải dài trên những cảnh phượng vĩ. Sự kết hợp hài hòa giữa hiện đại và cổ kính trong một nhà hát làm nên nét quyến rũ với du khách tham quan. Đây là một điểm đến không thể thiếu khi khách du lịch đến thăm trung tâm thành phố. Chỉ có điều du khách khi đến với Hải Phòng, hầu hết mới chỉ dừng lại bên ngoài Nhà hát để ngắm nghía và chụp ảnh lưu niệm, ít người có nhu cầu đi sâu vào bên trong để tìm hiểu về kiến trúc của công trình. Cũng có thể do cho đến nay dịch vụ hướng dẫn và thuyết minh du lịch bên trong Nhà hát vẫn chưa được áp dụng.

Quán Hoa cũng như vậy, là một biểu tượng của thành phố nên mỗi khi đưa du khách đến tham quan khu trung tâm thành phố, hầu hết các hướng dẫn viên đều dành nhiều phút để giới thiệu về vẻ đẹp đặc trưng của dãy hàng hoa nơi đây. Do có kiến trúc duyên dáng cổ kính, hài hòa với phong cách và kiến trúc văn hóa bản địa nên từ khi được xây dựng đến nay, quán hoa luôn trở thành biểu tượng kiến trúc của thành phố, cuốn hút du khách tới tham quan. Hoa bày bán trong quán hoa trước đây phần lớn được lấy từ làng hoa Hạ Lũng (một làng hoa nổi tiếng của Hải Phòng) nhưng hiện nay hoa còn được mang từ Sa Pa, Đà Lạt và nhập khẩu từ nước ngoài về. Có một điều không thể phủ nhận là hoa ở đây giá thành hơi cao (trong khi hiện nay ở Hải Phòng có rất nhiều các điểm bán hoa) nhưng những người Hải Phòng vẫn thích mua hoa ở Quán hoa không chỉ bởi vì hoa ở đây đẹp mà bởi vì có lẽ đây còn là một nét văn hóa của người gốc Hải Phòng.

Có thể nói rằng Quán hoa là một trong số ít các công trình kiến trúc Pháp theo phong cách Đông Dương để lại ấn tượng thực sự sâu sắc trong lòng của du khách bốn phương khi đến với Hải Phòng.

3.1.2.2. Bảo tàng Hải Phòng

Bảo tàng Hải Phòng, trước đây là ngân hàng Pháp - Hoa, chính thức được khánh thành vào ngày 20/12/1959 tại số 65 đường Điện Biên Phủ⁸. Bảo tàng Hải Phòng như một cuốn lịch sử lớn, với những mô hình, hiện vật trưng bày khái quát lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất, con người và văn hóa Hải Phòng. Đây là nơi thể hiện một cách sinh động, khái quát, có hệ thống những chặng đường phát triển của lịch sử thành phố, lịch sử phong trào Cách mạng Hải Phòng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, thông qua hơn 3 vạn tài liệu, hiện vật được trưng bày trong 15 phòng.

Các di vật và tài liệu trong bảo tàng thể hiện 9 chủ đề chính:

Chủ đề 1: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của thành phố.

⁸ Do ở vị trí giao nhau giữa hai góc phố, nên Bảo tàng Hải Phòng còn có một địa chỉ nữa là số 11 Đinh Tiên Hoàng.

Chủ đề 2: Hải Phòng từ thời tiền sử tới chiến thắng Bạch Đằng 938.

Chủ đề 3: Hải Phòng từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV.

Chủ đề 4: Hải Phòng, đô thị cảng biển của cả nước.

Chủ đề 5: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Hải Phòng từ cuối thế kỉ XIV đến cách mạng tháng Tám 1945.

Chủ đề 6: Hải Phòng 30 năm kháng chiến chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng (1945 - 1975).

Chủ đề 7: Thành phố trong thời kì thống nhất đất nước và đổi mới.

Chủ đề 8: Bản sắc văn hóa truyền thống của Hải Phòng.

Chủ đề 9: Hải Phòng trong lòng bạn bè Thế giới.

Ngoài ra bảo tàng còn thường xuyên tổ chức các buổi trưng bày chuyên đề với nhiều nội dung thay đổi để tạo ra sức hấp dẫn với khách tham quan. Các chuyên đề trưng bày thường là tranh, tượng, cổ vật gốm sứ... Trong khuôn viên bảo tàng có nhiều cây cổ thụ và có nhiều hiện vật được trưng bày ngoài trời như bia kí, súng thần công, máy bay Mic 17 đã từng chiến đấu bảo vệ vùng trời Hải Phòng trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt.

Bảo tàng Hải Phòng cùng với Nhà hát Lớn là những biểu tượng không thể thiếu và là niềm tự hào của những người dân thành phố Cảng. Đối với khách du lịch, bảo tàng cũng là một trong những nơi đầu tiên của trung tâm thành phố cuốn hút sự chú ý của họ. Vé vào cửa tham quan Bảo tàng hiện nay là 2.000đ/ du khách. Khi cần, du khách có thể liên hệ với Bảo tàng để được phục vụ thuyết minh bằng đội ngũ hướng dẫn viên nhân viên của Bảo tàng.

3.1.2.3. Biệt thự Bảo Đại

Biệt thự Bảo Đại ngày nay được đưa vào sử dụng như là một trong những nơi nghỉ ngơi tham quan đặc biệt hấp dẫn du khách khi đến với Đồ Sơn. Biệt thự do Công ty cổ phần du lịch Đồ Sơn quản lý và khai thác.

Diện tích toàn khu vực là 900 m², điểm đầu tiên là khu biệt thự Nam Phương sang trọng. Ở đây có bể bơi nước ngọt, trên núi có nhà hầm uống rượu, du khách có thể ngắm nhìn cảnh hoàn hôn qua ô cửa sổ trở qua sườn núi. Tiếp theo đó là Biệt thự Bảo Đại sang trọng và cầu kì hơn, được xây dựng lại theo đúng văn khố tìm thấy ở Đà Lạt về hệ thống dinh thự của Bảo Đại trên toàn Việt Nam. Các kiến trúc sư đương thời đã sáng tạo thêm 6 phòng VIP áp mái dành cho khách du lịch nghỉ qua đêm với tiếng thông reo và sóng biển rì rào.

Đại sảnh, nơi vua Bảo Đại thiết triều ngày trước có ngai vàng và hai hàng ghế của quần thần đại quan, nay được tổ chức thành nơi hội thảo Quốc tế. Phòng ngủ của vua và hoàng hậu kề nhau có sẵn các loại rượu ngon để du khách thưởng thức. Ở đây có quầy bar, phòng đọc sách, nơi thư giãn nhìn ra rừng đủ các loại cây si, đại, vạn tuế... Biệt thự Bảo Đại càng về đêm càng thêm lung linh huyền ảo bởi hàng trăm ngọn đèn đủ màu tỏa sáng chắc chắn sẽ đem lại cho du khách sự hài lòng, thoải mái nhất.

Hiện nay, Biệt thự Bảo Đại được đưa vào khai thác trong du lịch với những loại hình dịch vụ như sau:

1. Tham quan Biệt thự: Giá vé 20.000đ/người. Trẻ em là 10.000đ/người.
2. Tổ chức các bữa tiệc giao lưu, hội thảo, hội nghị, sinh nhật theo dạng Cung đình. Tổ chức Cocktail, Dancing, Ca nhạc, bán hàng lưu niệm. (mức giá ăn tiệc hay cơm thân từ 250.000đ/suất trở lên).
3. Cho thuê trang phục của Vua, Hoàng hậu, Công chúa và các Quan trong triều để du khách chụp ảnh lưu niệm.
4. Lưu trú:

<i>Loại phòng</i>	<i>Thứ 2, 3, 4, 5 và Chủ nhật</i>	<i>Thứ 6, thứ 7 và ngày lễ</i>
<i>Phòng Vua và Hoàng</i>	250 USD	300USD

<i>hậu</i>		
<i>Phòng các công chúa và các hoàng tử</i>	120USD	140 USD

Như vậy, có thể thấy, nhìn chung các công trình trên đã được đưa vào khai thác trong du lịch nhưng chưa hẳn dưới tư cách những công trình kiến trúc mang đậm dấu ấn giao lưu và ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Đồng thời hoạt động du lịch tại các điểm này còn diễn ra một cách tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể đồng bộ, cũng như chưa có sự quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên từ phía cấp chính quyền địa phương, gây ra những lãng phí lớn về nguồn tài nguyên. Hơn thế nữa, những lợi ích về kinh tế do du lịch mang lại chưa tương xứng với tiềm năng, cụ thể đó là sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương còn rất hạn chế. Tiêu biểu như Biệt thự Bảo Đại, mặc dù được khai thác nhiều và mang lại doanh thu khá cao so với các địa điểm và công trình khác nhưng số lượng du khách biết và đến tham quan Biệt thự so với số lượng du khách đến với Đồ Sơn quả thực vô cùng nhỏ bé và hạn chế.

3.2. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn và qui hoạch

3.2.1. Giải pháp về Bảo tồn

Để có thể đưa các công trình kiến trúc Pháp vào khai thác trong du lịch với đầy đủ sự hấp dẫn của nó, thiết nghĩ việc làm quan trọng đầu tiên là phải tiến hành khôi phục và bảo tồn vẻ đẹp ban đầu cũng như giá trị nghệ thuật của các công trình này. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nhiều công trình đã bị phá hủy hoặc hư hại nhiều. Sau khi hòa bình lập lại, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc giữ gìn, bảo vệ các công trình này chưa được quan tâm đúng mức. Chẳng hạn như phải tập trung xây dựng kiến thiết lại đất nước, thậm chí còn có quan niệm sai lầm rằng không cần thiết phải duy tu, bảo vệ những di sản của chế độ cũ... Nhiều công trình nhà ở sau khi bàn giao cho người dân, do ý thức kém cũng như khả năng tài chính không có, nên càng ngày càng xuống cấp nghiêm trọng. Bên cạnh đó,

các công trình thuộc địa được xây dựng từ 50 đến 100 năm trước với kết cấu đơn giản, bộ phận chịu lực chính là tường nhà xây rất dày, sàn nhà sử dụng thép hình chữ I chèn vào giữa hai dầm là gạch rỗng xây cuốn, mãi đến cuối những năm 20 mới phổ biến sàn bê tông cốt thép, điều kiện phương tiện kỹ thuật vật liệu hạn chế; các công trình đã có tuổi thọ quá lâu nên nhiều công trình đã xuống cấp, đòi hỏi phải gia cố, tu sửa thì mới đảm bảo tiếp tục sử dụng. Nếu không có giải pháp kịp thời, chắc chắn trong một tương lai không xa, hình ảnh của các công trình kiến trúc Pháp này sẽ chỉ còn hiện diện trong những bức ảnh lưu niệm hay trong ký ức của những nhà nghiên cứu, những người đam mê nền nghệ thuật kiến trúc của người Pháp mà thôi.

Có một điều không thể phủ nhận, đó là sự xuất hiện của các khu phố Tây, nhà Tây bên cạnh các đô thị cổ Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã làm phong phú thêm bộ mặt đô thị Việt Nam nói chung cũng như của Hải Phòng nói riêng. Ở Hải Phòng hiện nay, vẫn có thể nhắc đến những khu phố Tây bên cạnh những khu phố Tàu của Hoa kiều và những khu phố của người dân bản địa. Trong số đó, có nhiều khu phố cũ là một quần thể kiến trúc lí tưởng đối với đô thị hiện đại như: các kiến trúc được xây dựng trên các ô phố được quy hoạch theo kiểu châu Âu, mật độ xây dựng dưới 50%, nhà cửa xen lẫn cây xanh; một số nơi, đường phố kết hợp với hồ nước, không gian bố cục thoáng đãng từ 1 đến 3 tầng, trung bình là 2 tầng. Kiến trúc thấp tầng ẩn dưới cây xanh là lí tưởng đối với kiến trúc đô thị hiện đại ngày nay trên thế giới.

Trong quá trình hình thành và phát triển, có thể thấy rõ ảnh hưởng của kiến trúc Pháp tới kiến trúc đô thị của Hải Phòng trong các vấn đề tổ chức không gian, kỹ thuật - vật liệu xây dựng và hình thái biểu hiện. Đó là một quỹ di sản kiến trúc mang ý nghĩa lịch sử, kết hợp hài hòa với các thành phần kiến trúc và cảnh quan đô thị truyền thống. Tuy nhiên, các ảnh hưởng này có những mặt tích cực và cũng không ít mặt tiêu cực. Vì vậy, việc đánh giá và phân loại các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng theo tiêu chí của những ảnh hưởng này là hết sức cần thiết, để từ đó có thể rút ra các bài học kinh nghiệm cho công tác thiết kế, xây dựng, nghiên cứu và bảo tồn.

Kiến trúc và văn hóa có quan hệ khăng khít, nhân quả. Điều đó thể hiện trong kiến trúc Pháp ở Hải Phòng. Ở giai đoạn đầu của thời kỳ thực dân là sự áp đặt văn hóa Pháp thông qua kiến trúc du nhập. Ở giai đoạn sau, chính sự khác biệt giữa hai nền văn hóa Đông - Tây đã tạo ra những điều kiện và cơ sở thuận lợi cho quá trình chuyển hóa của kiến trúc Pháp ở Hải Phòng với nét riêng, trong đó đặc trưng văn hóa, xã hội và môi trường tự nhiên bản địa có vai trò quan trọng. Do đó, xem xét các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng cần đặt chúng trong một tổng thể, bảo tồn những vốn cổ nhưng không thể bỏ qua những sự thay đổi mang tính thời đại, và phải phù hợp với nhu cầu phát triển chung của thành phố cũng như của đất nước. Đối tượng kiến trúc thời Pháp thuộc được nghiên cứu để tôn tạo phục hồi phải tuân theo các tiêu chuẩn như tính lịch sử, tính văn hóa, nghệ thuật, kỹ thuật, xã hội, tiện nghi, kinh tế, tính cá biệt và tương quan đô thị. Trong đó, yếu tố tương quan đô thị là quan trọng nhất. Giữa bảo tồn và phát triển, các nhà khoa học phải đi tìm mối tương quan giữa cũ và mới, giữa cái đã có và cái cần phát triển, tìm đến sự hài hòa trong phát triển đô thị.

Việc bảo tồn các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng có thể tuân theo những định hướng và giải pháp sau đây:

- Kiểm kê toàn bộ các công trình kiến trúc Pháp còn lại.
- Tiến hành đánh giá giá trị và hiện trạng tài nguyên của các công trình kiến trúc Pháp trên địa bàn thành phố.
- Đối với các công trình có giá trị cao về mặt lịch sử và nghệ thuật nhưng đã bị xuống cấp và hư hỏng nặng, cần huy động kinh phí để tiến hành duy tu, sửa chữa, phục hồi. Trong quá trình phục hồi, cần mời những chuyên gia có hiểu biết sâu về kiến trúc Pháp, có trình độ tay nghề cao; đồng thời tuân theo nguyên tắc phục hồi nguyên trạng, tránh làm biến dạng kết cấu của công trình cũng như thay đổi các chi tiết nghệ thuật.
- Nên nghiên cứu kỹ về vật liệu, chất liệu xây dựng của công trình trước đây để tìm ra các nguyên vật liệu thay thế có tính chất tương đương, tránh tình trạng chấp vá, ghép nối cũng như làm ảnh hưởng tới kết cấu và diện mạo của công trình. Hiện nay

việc phục hồi và sử dụng vật liệu truyền thống đang dần trở thành xu hướng kiến trúc trong việc bảo tồn các công trình kiến trúc cổ.

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt là với Pháp để họ hỗ trợ chúng ta về vốn cũng như đội ngũ kiến trúc sư lành nghề giống như chính quyền thành phố Đà Lạt đang làm để bảo tồn hơn 1000 ngôi biệt thự Pháp tại Đà Lạt: mời một nhóm kiến trúc sư thuộc Viện thiết kế quy hoạch đô thị Paris và một công ty thiết kế quy hoạch nổi tiếng khác của Pháp thực hiện quy hoạch lại Đà Lạt.

- Tuy nhiên, trước khi tiến hành bảo tồn, chính quyền thành phố nên hợp tác với các nhà khoa học để nghiên cứu sâu thêm về loại hình cũng như các phong cách kiến trúc khác nhau của các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng. Cũng có thể sử dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin trong quá trình phục dựng lại hình ảnh của các công trình đó để có được cái nhìn khách quan, chính xác và chân thực nhất. Mới đây, tại Hà Nội đã xuất hiện một dự án của nhóm 3D Hà Nội và mạng Ashui.com mang tên “Tái hiện di sản kiến trúc Pháp ở Hà Nội bằng công nghệ 3D” với mục tiêu xây dựng một bảo tàng (thư viện) online bằng hình ảnh 3D với độ chính xác cao từ các dữ liệu là các bản vẽ kỹ thuật kết hợp với đo vẽ hiện trạng nhằm tạo nên một cơ sở dữ liệu chuẩn hóa phục vụ việc nghiên cứu, bảo tồn các công trình kiến trúc đang tồn tại hoặc đã biến mất trong khu vực phố cổ Pháp ở Hà Nội. Dự án này gồm có hai giai đoạn: giai đoạn một phục dựng phần kiến trúc và không gian; giai đoạn hai, tiến tới tái hiện những hình ảnh sinh hoạt vốn có của từng công trình kiến trúc để cung cấp tới người xem một cách đầy đủ nhất về lịch sử ra đời của những tuyến phố, vẻ đẹp không gian trong quá khứ và hiện tại. (Nguyễn Mỹ, 2009, <http://thethaovanhoa.vn/133N2009082508390414T0>).

Hải Phòng hoàn toàn có thể hợp tác với nhóm kiến trúc sư trẻ này để một mặt vừa có thêm kênh thông tin trong việc góp phần tạo dựng lại được diện mạo đô thị của Hải Phòng khi xưa, mặt khác vừa đem lại một hiệu quả quảng bá rất cao cho các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng trong thời đại công nghệ kỹ thuật số bùng nổ như hiện nay. Bởi vì chỉ cần một cú click chuột máy tính là người xem có thể chiêm

ngưỡng vẻ đẹp của những công trình kiến trúc như Nhà hát Lớn, ga Hải Phòng, Biệt thự Bảo Đại... một cách chân thực và sống động nhất.

- Đối với những khu phố hiện đã bàn giao cho người dân ở, cần có biện pháp giáo dục ý thức cho người dân để họ hiểu về giá trị của những công trình mà họ đang được may mắn sử dụng, từ đó có ý thức tham gia giữ gìn và bảo tồn một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách hỗ trợ người dân về kinh phí cho mỗi đợt trùng tu, tôn tạo, tránh để họ sửa chữa, coi nói một cách tự phát, bừa bãi, thiếu hiểu biết, làm mất đi vẻ đẹp nguyên trạng của công trình, đặc biệt tránh sự pha tạp lai căng của các loại phong cách kiến trúc cổ với phong cách kiến trúc hiện đại bây giờ.

Tóm lại, di sản kiến trúc, trong đó có kiến trúc thuộc địa, với tư cách là một nhân tố tạo thành bộ mặt ở hầu hết các đô thị Việt Nam, đóng vai trò là cầu nối kiến trúc Việt Nam với thế giới, tạo mối quan hệ qua lại tương hỗ của kiến trúc thuộc địa và kiến trúc Việt Nam theo chiều hướng hình thành một nền kiến trúc có bản sắc thời cận đại. Quá trình ảnh hưởng của kiến trúc Pháp tại Hải Phòng cùng với những bài học và di sản của nó là một trong những tiền đề thuận lợi cho kiến trúc Việt Nam tiếp cận với kiến trúc hiện đại phương Tây trong xu thế hội nhập quốc tế tất yếu hiện nay.

Vấn đề là kiến trúc Pháp ở Hải Phòng đã trở thành Quỹ di sản ấy cần có được các tiêu chí nhận diện chính xác và đặt ra các phương thức ứng xử phù hợp phục vụ cho mục tiêu bảo tồn, cải tạo các giá trị nguyên gốc cần lưu giữ để những công trình giá trị ấy sẽ còn lại mãi với thời gian và trong kí ức của mỗi người dân Hải Phòng cũng như của du khách bốn phương.

3.2.2. Giải pháp về Quy hoạch

Trước đây khi tiến hành quy hoạch đô thị Hải Phòng, người Pháp đã cân nhắc khá kỹ lưỡng các yếu tố phục vụ cho chính sách cai trị thuộc địa cũng như việc kết hợp hài hòa các yếu tố bản địa với các yếu tố ngoại lai để tạo sự gần gũi cho người dân, đồng thời họ cũng xem xét kết hợp với điều kiện sinh thái, điều kiện tự nhiên địa phương để tạo nên những công trình tiện nghi và tiện dụng nhất. Môi trường trong các khu phố Pháp khi mới được hình thành là sự kết hợp công trình xen lẫn cây xanh. Kiến

trúc nhà thấp tầng ẩn trong thiên nhiên và môi trường nhân tạo. Các yếu tố kỹ thuật điện nước thông thoáng đảm bảo tiện nghi sử dụng cho một ngôi nhà cũng như cho cả một khu phố. Đó là một bài học về quy hoạch đô thị hài hòa với môi trường tự nhiên và vẫn còn nguyên giá trị đến ngày hôm nay.

Tuy nhiên, sau khi tiếp quản thành phố, do nhu cầu phát triển đất nước, việc xây mới các khu chung cư để đáp ứng nhu cầu mặt bằng sinh hoạt đô thị của người dân thành phố đã ít nhiều phá vỡ hoặc làm thay đổi diện mạo quy hoạch đô thị mà người Pháp đã thực hiện trước đây. Những năm 80 của thế kỷ XX, đô thị cũ chưa có điều kiện mở rộng; việc xây dựng vẫn tập trung vào các khu phố cổ và đường phố có sẵn. Khi đó, nhiều nơi đã làm theo hình thức chắp vá, phá vỡ cấu trúc không gian của mặt trước phố cũ, làm mờ đi dấu ấn lịch sử đã qua, có xu hướng lẫn át cái hiện có đáng được tôn trọng, lưu giữ. Thời gian tiếp theo đó, kinh tế xã hội phát triển, người dân có khả năng tài chính để xây dựng cho mình những ngôi nhà riêng theo ý thích và sở thích của chủ nhân. Việc xây dựng không có quy hoạch đồng bộ đã tạo ra hình ảnh một đô thị Hải Phòng tương đối lộn xộn và pha tạp, trong cùng một khu phố có sự tồn tại song song của nhiều loại hình kiến trúc, nhiều phong cách kiến trúc khác nhau. Hải Phòng cũng nằm trong tình trạng chung của các đô thị lớn khác ở Việt Nam, đó là một mặt vừa phát triển dựa trên nền tảng kế thừa hệ thống hạ tầng đô thị từ thời thuộc địa, mặt khác vừa hình thành một cách tự phát. Do đó mặc dù hệ thống đô thị phát triển rất nhanh nhưng hầu như quy hoạch tổng thể luôn có sự thay đổi ở mỗi thời kỳ, sự hài hòa trong tổng thể kiến trúc bị phá vỡ. Vì vậy, để tìm lại vẻ đẹp của đô thị Hải Phòng một thời, cần tiến hành quy hoạch lại đô thị theo hướng kết hợp với việc quy hoạch các công trình và khu phố của kiến trúc Pháp thời thuộc địa. Nguyên tắc quan trọng nhất là khi quy hoạch kiến trúc, cần liên hệ với khoảng không đô thị, khoảng không thiên nhiên phải kết hợp khéo léo tạo thành một tổng thể hài hòa đáp ứng tốt nhất nhu cầu sống của con người. Quy hoạch đô thị phải tôn trọng cảnh quan và hiện trạng vốn có nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị kiến trúc cổ tuy nhiên cũng cần thay đổi cho phù hợp với cuộc sống hiện đại.

Trong đề tài này, người viết không có tham vọng cũng như không có đủ năng lực để đưa ra những gợi ý cho việc qui hoạch đô thị chung của thành phố. Song trên cơ sở đề xuất một số giải pháp cụ thể đối với việc qui hoạch các công trình kiến trúc Pháp trên địa bàn Hải Phòng, hy vọng có thể góp một phần lời giải cho bài toán qui hoạch đô thị của hành phố hiện nay.

- Thứ nhất, giữ lại các công trình có giá trị về phong cách kiến trúc, nhất là các công trình ở vị trí nhấn trên các trục đường quan trọng trong tổng thể không gian. Các công trình này được đánh giá là di sản của đô thị cũ, chúng tạo nên sự đặc trưng và hấp dẫn của hình thái không gian kiến trúc đô thị trong khu vực.

- Thứ hai, những công trình ít có giá trị về lịch sử, về nghệ thuật, không được coi là di sản thì có thể tiến hành cải tạo hoặc dỡ bỏ thay thế bằng công trình mới theo chức năng mới nhưng cần không chế chiều cao, hình khối sao cho phù hợp với các công trình xung quanh. Các vật liệu xây dựng, chi tiết kiến trúc khuyến khích dùng một số chi tiết của kiến trúc trong phố cũ.

- Thứ ba, tôn trọng các giá trị hình thái của kiến trúc như mặt bằng qui hoạch, các mạng lưới đường phố, cách chia ô phố, các lô đất định vị trí xây dựng các tòa nhà theo chỉ giới (xây dựng và giao thông) cũng cần được tôn trọng bởi vì các hình thức qui hoạch trên đã tạo nên một đặc trưng riêng của khu phố Tây.

- Thứ tư, tôn trọng nét kiến trúc theo các phong cách châu Âu, Pháp và khu vực trên các trục phố, khu phố.

- Thứ năm, các công trình xây mới, xây xen mọc giới của công trình cũ ở bên cạnh và cần có khoảng không gian cây xanh thích hợp, hạn chế về mật độ xây dựng ở các phố cũ, không chế về tỉ lệ chiều cao và ngôn ngữ kiến trúc. Đối với các công trình xây mới này, không nhất thiết phải bắt chước làm theo các phong cách nghệ thuật kiến trúc Pháp vì nó không còn hợp thời đại. Học tập để biết cái tinh hoa của quá khứ, của các dân tộc khác nhau, nhưng không phải để làm giống như vậy, kể cả phong cách Đông Dương. Nhưng cũng có những trường hợp có thể dùng được những phong cách kiến trúc của Pháp. Ví dụ, cạnh một công trình kiến trúc cổ điển Pháp có giá trị, nếu

cần phải làm một công trình ở bên cạnh, nên làm theo dạng tương tự để tạo sự hài hoà, tránh gây sốc do quá tương phản. Khách sạn Hilton hình cong xây dựng cạnh Nhà hát Lớn thành phố ở Hà Nội là một ví dụ thành công, hoặc như quanh Nhà hát Lớn, trong quy hoạch xây dựng, nên quy định một số tiêu chí như chiều cao, màu sắc, kiểu dáng sao cho không bị vênh với kiến trúc của Nhà hát.

- Thứ sáu, về mục đích sử dụng, những công trình công sở, các lâu đài tráng lệ có thể dành cho những công việc trọng đại của đất nước và của bộ máy chính quyền hoặc dành cho toàn dân. Bên cạnh đó cũng nên tránh thay đổi chức năng quá lớn đối với những công trình do Pháp để lại, ví dụ, biệt thự thì vẫn nên dùng làm biệt thự, hoặc cho cán bộ cao cấp thuê làm nhà ở, không nên biến biệt thự thành trụ sở cơ quan để rồi làm biến dạng công trình.

- Thứ bảy, đối với những khu phố ở trung tâm, đã phân bổ cho dân ở, nếu như những công trình đó còn giữ được giá trị và vẻ đẹp của kiến trúc Pháp thời kỳ đầu, chính quyền thành phố có thể ra sắc lệnh thu hồi lại để tiến hành phục hồi, tôn tạo. Đương nhiên, song song với quá trình đó cần phải bố trí, sắp xếp nơi ở mới cho người dân. Việc thu hồi lại những khu phố này, một mặt tạo điều kiện cho việc phục hồi có hiệu quả cao hơn khi không bị sử dụng vào mục đích sinh hoạt, mặt khác sau khi phục hồi, tôn tạo xong có thể đưa vào khai thác trong du lịch, tạo thành những tuyến phố cổ tham quan hấp dẫn đối với du khách gần xa.

3.3. Giải pháp về phát triển du lịch

3.3.1. Xây dựng hình ảnh điểm đến cho du lịch Hải Phòng

Điểm đến du lịch là một trong những khái niệm rất rộng và đa dạng để chỉ một địa điểm du lịch có sức hút đối với du khách cụ thể cao hơn so với những địa điểm cùng cấp so sánh xung quanh bởi tính đa dạng tài nguyên, chất lượng và một loạt các tiện nghi và hoạt động (trong đó đặc biệt quan trọng là hoạt động quản lý và marketing) cung cấp cho du khách; do ở đây tồn tại các yếu tố sơ cấp đặc thù (khí hậu, sinh thái, truyền thống văn hóa, các kiến trúc truyền thống, loại hình vùng đất) cùng các yếu tố

thứ cấp khác như khách sạn, giao thông - vận tải, các khu vui chơi giải trí, hoạt động, được qui hoạch và quản lí như một hệ thống “mở”. Điểm đến có thể hiểu đơn giản là các địa điểm du lịch như các công viên chủ đề, các câu lạc bộ, khách sạn và các làng du lịch. Những nơi này có thể là một điểm đến cho một chuyến đi trong ngày, một kì nghỉ ngắn hoặc dài ngày. Ở một khía cạnh khác thì các quốc gia, các lục địa cũng được xem xét và chào bán như là các điểm du lịch.

Đối với hoạt động xây dựng điểm đến, yêu cầu đặt ra là sự thân thiện gần gũi giữa khách du lịch và điểm đến. Xây dựng điểm đến du lịch là quá trình phát triển đặc trưng riêng với những nét độc đáo khác biệt các điểm du lịch khác. Qua đó sẽ thu hút khách du lịch tiềm năng và tạo động lực cho khách quay trở lại thăm điểm du lịch. Cách nhìn nhận vấn đề xây dựng điểm đến là lâu dài nên vấn đề giá cả không còn là yếu tố quyết định trong cuộc cạnh tranh của các điểm đến du lịch tương tự có cùng đoạn thị trường khách du lịch mà điểm đến du lịch sẽ quyết định ở khả năng định vị trong tâm trí khách du lịch. Hình ảnh của điểm đến du lịch là sự pha trộn của tất cả các yếu tố liên quan mật thiết tới định vị và đặc trưng của điểm đến. Do vậy nguyên tắc xây dựng điểm đến thành công là xây dựng sự liên kết chặt chẽ giữa sản phẩm, dịch vụ và khách du lịch. Điểm đến có tiềm năng và được khai thác tốt sẽ mang lại ấn tượng tốt với du khách bởi sự thỏa mãn về nghỉ ngơi, sự sảng khoái về kinh nghiệm sống mới, khách du lịch ngày càng có xu hướng tìm kiếm các điểm du lịch để khám phá và nảy sinh các mối liên hệ nhất định về cảm xúc giữa khách du lịch và điểm đến. Như vậy việc xây dựng điểm đến sẽ tạo điểm nhấn để thu hút mọi nỗ lực của chủ thể tham gia vào quá trình phát triển hoạt động du lịch tại đó như cơ quan quản lí du lịch các cấp, khách du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch, khách sạn, cộng đồng dân cư địa phương. Nhờ có việc xây dựng trên mà hình thành hình ảnh điểm đến, các chủ thể tạo ra sự thống nhất nhưng vẫn đảm bảo sự sinh động đối với từng hoạt động liên quan đến du lịch trong điểm đến.

Hải Phòng, thành phố bên bờ biển Đông giữ vị trí chiến lược trọng yếu, là đô thị trung tâm cấp quốc gia, đầu mối giao thông quan trọng, cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc, là một cực tăng trưởng quan trọng của tam giác kinh tế Hà Nội - Hải

Phòng - Quảng Ninh và cũng là đầu mối tiếp cận với thị trường khu vực Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc. Lợi thế về vị trí địa lý đã tạo cho Hải Phòng những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và du lịch.

Trong lĩnh vực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch, Hải Phòng đã đạt được những bước tiến dài đáp ứng nhu cầu cạnh tranh phát triển thông qua hàng loạt các dự án, công trình trọng điểm như: xây dựng khu du lịch tổng hợp Cát Bà, thành lập đội tàu khai thác tuyến du lịch Hải Phòng - Cát Bà - Hạ Long, hoàn chỉnh các thủ tục xây dựng khu du lịch sinh thái Hồ sông Giá (Thủy Nguyên), khai mở tuyến “du khảo đồng quê”... đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông vận tải, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch...

Một số giải pháp cơ bản để xây dựng điểm đến du lịch Hải Phòng thành điểm đến hấp dẫn của du lịch quốc gia trong thời gian tới:

- Nâng cao hiệu quả công tác qui hoạch phát triển du lịch của thành phố, xây dựng điểm đến cho du lịch Hải Phòng trở thành điểm đến quốc gia có sức cạnh tranh cao.
- Tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù của thành phố.
- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật phục vụ du lịch.
- Tuyên truyền, quảng bá, kêu gọi các nhà đầu tư du lịch, thu hút các nhà đầu tư và khách du lịch trong và ngoài nước.
- Xây dựng mối liên kết với các vùng, địa phương.
- Nâng cao nhận thức về du lịch ở các cấp, các ngành và nhân dân, tạo lập và nâng cao hình ảnh của du lịch Hải Phòng.
- Cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch cho địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

Riêng đối với tài nguyên du lịch là các công trình kiến trúc Pháp Hải Phòng, cũng cần phải tăng cường quảng bá, qua đó góp phần vào việc xây dựng hình ảnh điểm đến của du lịch Hải Phòng. Một số biện pháp cụ thể có thể thực thi là:

- Biên soạn các ấn phẩm, cái tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng, từ lịch sử hình thành, đến đặc điểm, giá trị nghệ thuật... để giới thiệu và quảng bá cho du khách.

- Đưa thông tin về các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng lên các website của thành phố và ngành du lịch của thành phố, để nhiều người biết bên cạnh những tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đã nổi tiếng từ trước, Hải Phòng còn có một nguồn tài nguyên khác không thua kém Hà Nội về mặt giá trị nhưng vẫn chưa được giới thiệu một cách sâu rộng như ở thủ đô.

3.3.2. Mở rộng không gian khai thác đối với các công trình kiến trúc Pháp

Mặc dù có rất nhiều công trình kiến trúc Pháp có giá trị hiện nay vẫn đang được bảo tồn khá tốt ở Hải Phòng, nhưng chỉ có rất ít công trình trong số đó được đưa vào khai thác phục vụ trong du lịch như Nhà hát lớn, Bảo tàng thành phố, Biệt thự Bảo Đại. Vì vậy, để nguồn tài nguyên đáng quý này không bị lãng phí và có thể đến được với người dân, đáp ứng được nhu cầu tham quan tìm hiểu của họ về những di sản lịch sử mang tính chứng nhân của thời đại, chúng ta hoàn toàn có thể đưa thêm nhiều nữa các công trình vào khai thác phục vụ trong du lịch với những định hướng và gợi mở sau:

- Xây dựng tuyến phố cổ du lịch đối với các khu phố Tây trước đây ở đường Hoàng Văn Thụ, Điện Biên Phủ và phố Minh Khai hiện nay - là những tuyến phố còn lưu giữ được khá nhiều dấu tích của các công trình kiến trúc thuộc địa từ thời Pháp. Mô hình của tuyến phố cổ này có thể học tập mô hình của khu 36 phố phường ở Hà Nội.

- Đối với các công trình kiến trúc Pháp nay là trụ sở của các cơ quan công quyền có thể đưa vào khai thác phục vụ trong du lịch bằng hai cách. Cách thứ nhất là

mở cửa cho phép khách du lịch đến tham quan vào ngày chủ nhật cuối tuần. Cách thứ hai là có thể học tập theo mô hình Nhà Quốc hội Mỹ (Nhà trắng) là dành riêng một khu vực trong toàn bộ hệ thống công trình cho phép khách đến tham quan tự do vào các ngày trong tuần, tất nhiên phải có dịch vụ hướng dẫn và thuyết minh viên đi kèm. Công trình trụ sở UBND thành phố trên đường Hoàng Diệu hiện nay (trước đây là Tòa Đốc lý) là một trong những công trình kiến trúc có qui mô hoành tráng và điều quan trọng là qua nhiều lần tôn tạo, vẫn giữ được vẻ đẹp của phong cách kiến trúc Pháp, phía trước công trình lại có quảng trường nhỏ với không gian thoáng đãng, hoàn toàn có thể xây dựng thành một điểm tham quan hấp dẫn và tiêu biểu cho những du khách muốn tìm hiểu về các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng.

3.3.3. Xây dựng tour du lịch riêng

Hiện nay, các công ti du lịch Hải Phòng với các tour du lịch chào bán ra thị trường chủ yếu là các tour du lịch thông thường với mục đích thuần túy như: du lịch tham quan, du lịch tắm biển, du lịch thể thao... chứ chưa có công ty nào xây dựng các tour du lịch chuyên đề về các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng. Dựa trên việc khảo sát một số tour mà các công ty du lịch đã và đang khai thác, người viết nhận thấy cần xây dựng các tour du lịch chuyên đề về các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng, nhằm khai thác nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc và hấp dẫn này, đồng thời cũng là để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của du khách, giúp du khách hiểu rõ hơn về vùng đất và con người Hải Phòng cũng như nét văn hóa đặc trưng của nơi đã từng là một trong những thành phố nhượng địa đầu tiên tại Việt Nam. Từ những thực tế đó người viết mạnh dạn xây dựng một số chương trình City tour mang tính chất chuyên đề các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng và coi đó như một đề xuất cho việc phát triển du lịch Hải Phòng.

***Tour 1 ngày (nội thành)**

(Giá bán 50.000đ/1khách, áp dụng với đoàn khách từ 15 người trở lên)

(Dành cho đối tượng khách là học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố)

Sáng:

7h00: HDV đón khách tại điểm hẹn

7h30: Đưa khách đi tham quan Nhà hát trung tâm thành phố, Quán hoa.

9h00: Đoàn thăm quan Nhà thờ Lớn, một công trình kiến trúc Pháp độc đáo.

10h00: Đoàn tới thăm Bảo tàng thành phố Hải Phòng.

12h00: Đoàn nghỉ trưa, thưởng thức đặc sản Hải Phòng.

14h30: Tham quan một số ngôi biệt thự thời Pháp thuộc trên các tuyến đường Hồ Xuân Hương, Minh Khai.

16h00: Tham quan nhà ga Hải Phòng. Mua sắm tại chợ Ga.

17h00: Kết thúc chuyến tham quan thành phố.

Dù còn khá mới mẻ nhưng trước Hải Phòng, nhiều thành phố như Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh cũng đã tổ chức thành công trong xây dựng những City tour phát huy những giá trị tài nguyên du lịch riêng có của địa phương mình, mang đặc trưng của vùng miền trong hoạt động du lịch, thu hút đông đảo du khách và làm đọng lại trong lòng du khách những ấn tượng khá sâu sắc. Với tiềm năng và thế mạnh sẵn có, người viết tin rằng các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng hoàn toàn có thể trở thành điểm nhấn trong các tour du lịch, một thương hiệu trong lòng du khách khi đến với thành phố Cảng.

3.3. 4. Kết hợp với các tour du lịch khác

3.3.4.1. Kết hợp với tour du lịch tham quan, tắm biển

Nhắc tới Hải Phòng, người ta thường nhắc tới du lịch tắm biển với 2 điểm tắm biển nổi tiếng là Đồ Sơn và Cát Bà. Vì thế sẽ thật thiếu sót nếu như chúng ta xây dựng những tour du lịch nhằm khai thác triệt để những tài nguyên du lịch ở Hải Phòng mà bỏ qua loại hình du lịch tắm biển này. Chúng ta có thể tận dụng lợi thế du lịch biển của Hải Phòng để kết hợp với tour du lịch khai thác giá trị của các công trình kiến trúc

Pháp. Dựa trên một số tour du lịch biển tại Hải Phòng đã khảo sát được, người viết xin đưa ra một tour du lịch kết hợp chuyên tham quan các công trình kiến trúc Pháp với chuyên du lịch tắm biển.

*Tour 3 ngày

(Giá bán 800.000đ/1khách, áp dụng với đoàn khách từ 20 người trở lên)

Ngày 1: Hải Phòng - Đồ Sơn

Sáng:

7h00: Đón khách tại điểm hẹn

7h30: Đưa đoàn thăm quan Bảo tàng thành phố Hải Phòng.

9h00: Khởi hành đi Đồ Sơn.

9h45: Tới Đồ Sơn.

10h00: Khách có thể tự do dạo biển hay tắm biển

Trưa:

12h00: Đoàn nghỉ trưa, thưởng thức đặc sản biển Hải Phòng.

14h00: Tham quan Biệt thự Bảo Đại

15h00: Tham quan Casino Đồ Sơn, khu Resort Hòn Dấu.

16h30: Khách có thể tự do tắm biển.

18h00: Ăn tối, thưởng thức đặc sản biển Hải Phòng

Tối: Du khách tham quan tự do

Ngày 2: Hải Phòng - Cát Bà

Sáng:

7h00: Khởi hành lên tàu cánh ngầm đi Cát Bà. Đến đảo, nhận phòng khách sạn, nghỉ ngơi.

Ăn trưa.

Chiều:

Quý khách tự do tham quan và tắm biển, khám phá bãi tắm Cát Cò 1, Cát Cò 2 và Cát Cò 3.

Tối:

Quý khách dùng bữa tối tại nhà hàng. Tự do tham quan và khám phá đảo về đêm. Nghỉ đêm tại khách sạn ở Cát Bà.

Ngày 3: Cát Bà - Hải Phòng

Sáng:

Quý khách ăn sáng tại khách sạn. Tự do tham quan mua sắm.

Ăn trưa.

Trả phòng khách sạn sau đó lên tàu cánh ngầm trở về Bến Bính Hải Phòng. Về đến điểm hẹn chia tay tạm biệt và hẹn gặp lại.

Kết thúc chuyến tham quan.

3.3.4.2. Kết hợp với City tour

Nội thành Hải Phòng là nơi tập trung rất nhiều những giá trị văn hóa, những công trình hạng mục có tầm cỡ Quốc gia, mà các công trình kiến trúc Pháp chính là một trong những số đó. Chúng ta có thể kết hợp việc tham quan tìm hiểu các công trình này với nhau.

***Tour 1 ngày (nội thành)**

(Giá bán 50.000đ/1khách, áp dụng với đoàn khách từ 15 người trở lên)

Sáng:

7h00: Đón khách tại điểm hẹn

7h30: Đón khách đi tham quan Nhà hát trung tâm thành phố, Quán hoa, tượng đài nữ tướng Lê Chân

8h30: Tham quan đền Nghè - nơi thờ bà Lê Chân

9h30: Tham quan Bảo tàng thành phố

11h00: Tham quan nhà ga Hải Phòng

12h: Ăn trưa

14h00: Tham quan chùa Hàng.

15h00: Thăm đình Hàng Kênh với kiến trúc độc đáo thời Lê và nghe ca trù hoặc chiếu Chèo.

16h30: Kết thúc chương trình.

Trên đây là một số tour du lịch người viết xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo một số tour du lịch đã có từ trước đó. Điểm khác của những tour du lịch này không phải ở lịch trình và điểm đến mà là ở chỗ chú trọng khai thác các công trình kiến trúc Pháp với tư cách là một tài nguyên du lịch cụ thể và độc đáo. Chẳng hạn như vẫn là Nhà hát lớn thành phố, nhưng thay vì chỉ đứng ngoài nghe thuyết minh và chụp ảnh lưu niệm, du khách hoàn toàn có thể vào sâu bên trong để tận mắt chiêm ngưỡng nội thất của công trình, với những bao lơn và khán phòng, trần nhà được trang trí đầy nghệ thuật cũng như những khu vực dành riêng cho các nghệ sĩ biểu diễn... Cũng tương tự như vậy, khi đến với Nhà thờ chính tòa trên đường Hoàng Văn Thụ, du khách cũng sẽ được nghe giới thiệu về lịch sử Công giáo Hải Phòng, về vai trò vị trí của Tòa giám mục Hải Phòng cũng như những đặc trưng nghệ thuật của phong cách kiến trúc Gothic mà công trình này đại diện. Hay khi đến với Bảo tàng thành phố, bên cạnh việc nghe thuyết minh về những nội dung chuyên đề về mảnh đất, con người và lịch sử Hải Phòng đang được trưng bày trong Bảo tàng, du khách cũng sẽ được biết thêm nhiều

thông tin thú vị xung quanh việc xây dựng công trình này, tiền thân của nó cũng như đặc trưng giá trị của tòa nhà về mặt kiến trúc và dưới tư cách là một di sản tài nguyên quý giá cần được trân trọng, gìn giữ.

Có một thiếu sót trong những chương trình du lịch này, đó là mặc dù các công trình kiến trúc Pháp ở Hải Phòng có rất nhiều, trong đó không thiếu những công trình qui mô và có giá trị nghệ thuật đạt đến đỉnh cao, nhưng người thực hiện đề tài chưa dám đưa vào trong chương trình vì hiện nay hầu hết các công trình này vẫn thuộc quyền quản lý của các cơ quan công quyền của thành phố. Việc vào tham quan, tìm hiểu các công trình này không phải là điều dễ dàng. Hy vọng trong tương lai không xa, nếu như những gợi mở về việc bảo tồn, qui hoạch và khai thác các công trình kiến trúc Pháp nói trên được xem xét đến, du khách khi đến với Hải Phòng sẽ có thêm nhiều lựa chọn khi đến với mảnh đất đã từng một thời là một trong những đô thị nhượng địa đẹp nhất của người Pháp tại Việt Nam.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở đi tìm hiểu thực tế, thông qua việc khảo sát hiện trạng tài nguyên cũng như mục đích sử dụng hiện nay, người viết đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm giúp cho việc bảo tồn và qui hoạch các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng được hiệu quả hơn. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những ý kiến cá nhân, để những gợi mở này thực sự đi vào hoạt động, đòi hỏi sự quan tâm của chính quyền thành phố cũng như của nhiều ban ngành đoàn thể có liên quan. Các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng thực sự là một nguồn tài nguyên có giá trị, chưa tính đến hiệu quả về mặt du lịch, đó cũng là những di tích đóng vai trò quan trọng như những chứng nhân của lịch sử. Hơn nữa, những bài học về qui hoạch và quản lý đô thị mà người Pháp đã để lại cho chúng ta cách đây hơn nửa thế kỷ cũng cần phải được xem xét trong bối cảnh xu hướng đô thị hóa đang ngày càng trở nên mạnh mẽ như hiện nay. Giải quyết vấn đề di sản với vấn đề hiện đại hóa cần phải có sự thận trọng và lên kế hoạch cụ thể, đó không

chỉ là thách thức của Hải Phòng mà còn của nhiều đô thị khác có sự hiện diện của các công trình kiến trúc Pháp như Hà Nội, Đà Lạt, Sài Gòn...

Bên cạnh việc đưa ra những giải pháp về qui hoạch và bảo tồn các công trình kiến trúc Pháp, dựa trên việc tìm hiểu hiện trạng kinh doanh du lịch và một số tour du lịch chuyên đề đang khai thác tại Hải Phòng, người viết cũng mạnh dạn đề xuất một số tour du lịch tìm hiểu các công trình kiến trúc Pháp tại Hải nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Khách du lịch đến với Hải Phòng bao gồm nhiều đối tượng khách như: khách đi lẻ, khách tự do, khách đi theo đoàn... Và chắc rằng việc được tìm hiểu về các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng sẽ góp phần làm cho chuyến du lịch của du khách thêm phần hấp dẫn và mới mẻ hơn.

KẾT LUẬN

Thành phố cảng Hải Phòng nắm giữ vai trò là một trong những trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị lớn ở miền Bắc. Một thành phố như vậy hẳn sẽ là một điểm đến đáng lưu ý đối với du khách trong và ngoài nước. Du lịch nói chung là một ngành kinh tế mũi nhọn, song mục đích của phát triển du lịch không chỉ vì lợi nhuận kinh tế, điều quan trọng và căn bản hơn là du lịch cần trực tiếp góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của một điểm đến đối với du khách. Du lịch tại Hải Phòng cũng vậy. Du lịch là khám phá, khám phá quá khứ, lịch sử và hướng tới tương lai. Qua du lịch, du khách bốn phương có dịp hiểu hơn về kinh tế, văn hóa, con người của vùng đất Hoa phượng đỏ này.

Các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng là một tài nguyên du lịch vô giá. Tuy không phải là một loại tài nguyên đặc sắc riêng có ở Hải Phòng, nhưng những công trình kiến trúc Pháp tại thành phố Cảng cũng mang những nét khác biệt rõ ràng so với các công trình kiến trúc cùng thể loại tại các địa phương khác. Trải qua những thăng trầm của thời gian, dù cho người xem có đứng về góc độ nào để nhận định đi nữa, thì đến ngày nay, những công trình kiến trúc Pháp vẫn tồn tại như một bằng chứng thuyết phục về một giai đoạn lịch sử Âu hóa của dân tộc. Những công trình kiến trúc này chính là những tuyệt tác thể hiện khối óc sáng tạo và bàn tay tài hoa của con người.

Với tình yêu dành cho thành phố cảng xinh đẹp này, khi khai thác giá trị của các công trình kiến trúc Pháp nhằm phục vụ phát triển du lịch, người viết muốn đóng góp những ý kiến nhỏ bé của mình vào công cuộc phát triển du lịch của thành phố, để thành phố không bị lãng phí một nguồn tài nguyên du lịch có giá trị, để du khách phương xa biết đến Hải Phòng không chỉ dưới hình ảnh một thành phố quật cường trung dũng trong đạn bom khói lửa, một thành phố cảng sôi động rực lửa trong màu hoa phượng, mà còn biết đến Hải Phòng là một thành phố cổ kính, nơi giao hòa giữa kiến trúc truyền thống với kiến trúc Pháp hiện đại, một thành phố của tình yêu dân tộc và khát vọng tiếp thu những tri thức tân tiến của nhân loại. Sự giao hòa ấy không làm

mất đi vẻ đẹp vốn có của miền đất này, mà ngược lại, càng làm tôn lên hơn bao giờ hết sức hấp dẫn của nơi đây.

Tuy nhiên, với kiến thức còn nhiều hạn chế, người viết chỉ dám đưa ra những nhận định chung nhất về một loại tài nguyên vẫn còn tiềm ẩn nhiều giá trị. Hi vọng rằng đó cũng là một sự gợi mở mang tính định hướng để các cơ quan chức năng có được cái nhìn toàn diện về các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng, từ đó có những chính sách khai thác phù hợp, nhằm thu hút nhiều hơn nữa khách du lịch đến với Hải Phòng, đóng góp vào ngân sách chung của thành phố./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách, Tạp chí:

Công trình thanh niên. Hải Phòng thành phố hoa phượng đỏ Trung dũng - Quyết
thắng. Thư viện KHTH Hải Phòng.

Tôn Đại. 2009. “Di sản kiến trúc Pháp, các giá trị và ảnh hưởng”. Tạp chí Kiến trúc số 1.

Tôn Thất Đại. 1988. Các xu hướng kiến trúc ở Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX đến cuối
thế kỉ XX. Luận án PTS Kiến trúc. Đại học Kiến trúc Hà Nội. Bộ GD&ĐT –
Bộ Xây dựng.

Đặng Thái Hoàng. 1985. Kiến trúc Hà Nội thế kỉ XIX - XX. NXB Hà Nội.

Đặng Thái Hoàng. 2001. Nhận diện kiến trúc phương Tây đương đại. NXB Khoa học
và kĩ thuật.

Ngô Đăng Lợi. 1993. Lược khảo đường phố Hải Phòng. NXB Hải Phòng. Hải Phòng.

Hữu Ngọc. 2009. Kiến trúc Pháp ở Hà Nội.

Trần Phương. 2006. Du lịch văn hóa Hải Phòng. NXB Hải Phòng. Hải Phòng.

Nguyễn Sĩ Quế (Cb). 2009. Lịch sử đô thị. NXB Khoa học kĩ thuật.

Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng. 2007. Rà soát, Điều chỉnh, Bổ sung Quy
hoạch tổng thể phát triển du lịch Thành phố Hải Phòng đến năm 2020. Hải
Phòng.

Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hải Phòng. 2007. Thực trạng hoạt động du lịch Quốc
tế, trong đó có hoạt động hội nghị, hội thảo Quốc tế giai đoạn 2001 - 2005,
nhiệm vụ và giải pháp giai đoạn 2006 - 2010 và đến 2020. Hải Phòng.

Nguyễn Đình Toàn. Những nhân tố tự nhiên và truyền thống văn hóa bản địa trong

kiến trúc thời Pháp thuộc ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ kỹ thuật trường Đại học kiến trúc Hà Nội. Bộ GD&ĐT - Bộ Xây Dựng.

Nguyễn Tứ. 2005. Các kiểu kiến trúc trên thế giới. NXB Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh.

Xavier, Barral I Atlet. Phạm Cao Hoàn (dịch). 2005. Kiến trúc Tây phương thời Trung đại. NXB Mỹ thuật.

Khóa luận tốt nghiệp

Hoàng Văn Cường. 2008. Xây dựng một số chương trình du lịch cuối tuần ở Hải

Phòng. Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Việt Nam học. Khoa Văn hóa du lịch. Đại học Dân lập Hải Phòng.

Phạm Thị Xuyên. 2007. Nghiên cứu các điều kiện phát triển du lịch cuối tuần của Hải Phòng. Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Việt Nam học. Khoa Văn hóa du lịch.

Đại học Dân lập Hải Phòng.

Website:

<http://06dk2.forumotion.com/forum-f5/topic-t141.htm>

<http://www.baohaiphong.com.vn>.

Huỳnh Anh Duy. 26.11.2009. Dấu ấn kiến trúc Pháp trên quê hương Minh Hải [trực tuyến]. Đọc từ: <http://mientayonline.net/1317/>

<http://www.haiphong.gov.vn> .

Nguyễn Mỹ. 25.08.2009. Từ phục dựng phố cổ đến phố Pháp bằng 3D [trực tuyến].

Đọc từ <http://thethaovanhoa.vn/133N2009082508390414T0/tu-phuc-dung-pho-co-den-pho-phap-bang-3d.htm>).

Thanh Toán. 19.9.2007. Phong cách Rococo. [trực tuyến]. Đọc

từ: <http://thanhlongcollection.wordpress.com/2007/09/19/phong-cach-rococo>

<http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/Kien-Truc-Nhan-Loai/Su-Cau-Ky-Trong-Nghe-Thuat-Kien-Truc-Baroque.html>

Trung tâm báo chí và hợp tác truyền thông quốc tế. 11.11.2001. Nổi trôi số phận “nhà Tây” ở bờ Nam sông Hương [trực tuyến]. Đọc từ: <http://vietbao.vn/Xa-hoi/10746355/157/>)

<http://www.vietnamtourism.com>

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Hy_L%E1%BA%A1p_c%E1%BB%95_%C4%91%E1%BA%A1i

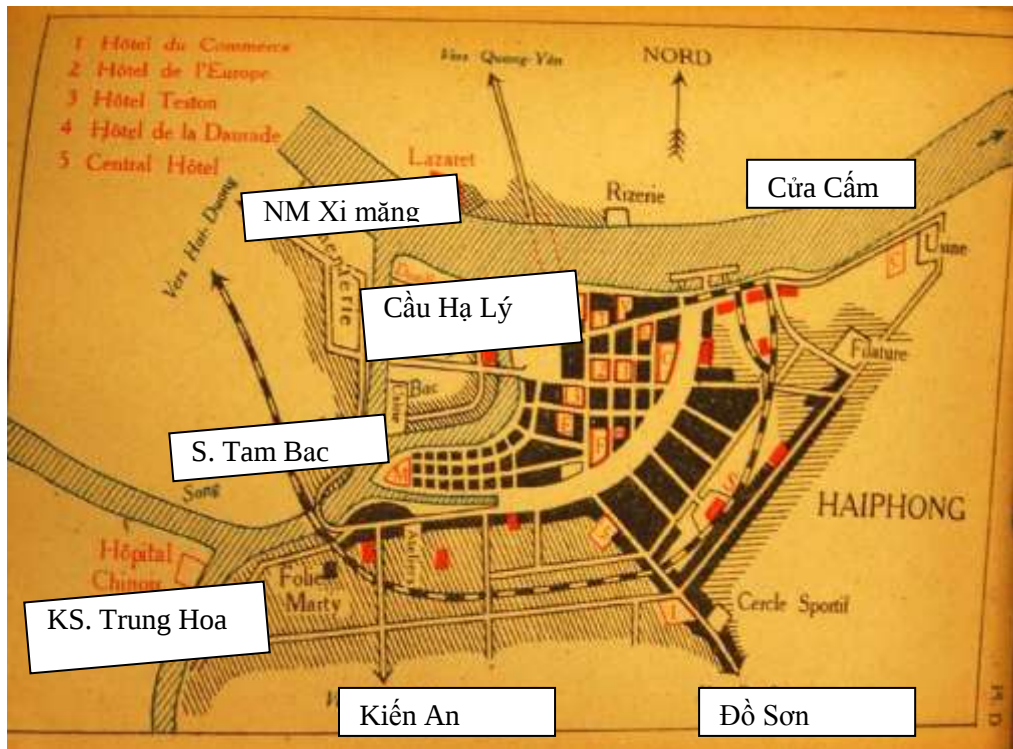
http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Roman

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Gothic

http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%E1%BA%BFn_tr%C3%BAc_Hi%E1%BB%87n_%C4%91%E1%BA%A1i

<http://www.yeuhaiphong.com/diendan/pho-hoa-phuong-do/3566-lich-su-thanh-pho-hai-phong.html>

PHỤ LỤC



Hình 1. Bản đồ Hải Phòng thời Pháp thuộc



Hình 2. Toàn cảnh thành phố Hải Phòng thời Pháp thuộc - Khu trung tâm



Hình 3. Phố Minh Khai (Sở thương mại HP) - Đồng hồ Ba chuông



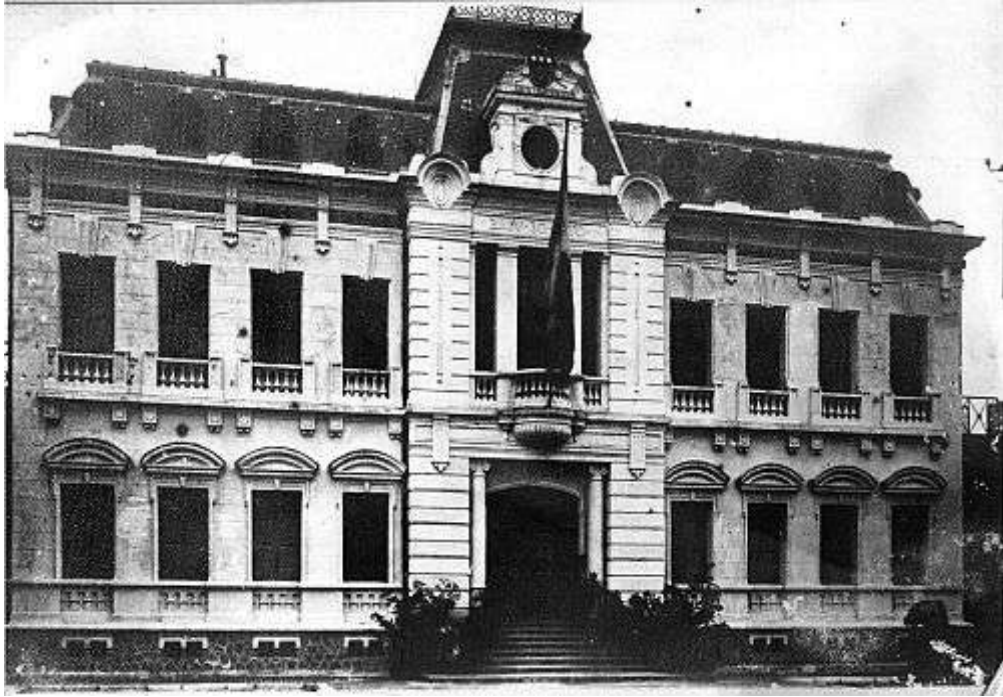
Hình 4. Đại lộ Paul Bert (Điện Biên Phủ nay)



Hình 5. Trước năm 1945, đây là Nhà băng 5 sao



Hình 6. Và hiện nay là Ngân hàng Công thương



Hình 7. Tòa Thị chính Hải Phòng (Tòa Đốc lý)



Hình 8. Nay là trụ sở UBND Thành phố

Tìm hiểu các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng
và đề xuất một số giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch



Hình 9. Ngân hàng Pháp - Hoa



Hình 10. Nay là Bảo tàng Hải Phòng



Hình 11. Ga Hải Phòng xưa, phía bên ngoài ga



Hình 12. Ga Hải Phòng xưa, phía bên trong sân ga



Hình 13. Ga Hải Phòng nay, phía bên ngoài ga



Hình 14. Ga Hải Phòng nay, phía bên trong sân ga

Tìm hiểu các công trình kiến trúc Pháp tại Hải Phòng
và đề xuất một số giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch



Hình 15. Nhà hát lớn xưa



Hình 16. Nhà hát lớn hiện nay



Hình 17. Trường đua ngựa (Nay là Sân vận động Lạch Tray)



Hình 18. Trường Nữ học (Trường Tiểu học Minh Khai hiện nay)



Hình 19. Biệt thự Bảo Đại



Hình 20. Nhà thờ chính tòa Hải Phòng